

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU AMBER

1. Tên của Quỹ: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber
Số Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng: 40/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/02/2016
2. Loại hình Quỹ: Quỹ mở
3. Ngày đăng ký Bản cáo bạch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: .../.../...
4. Thời hạn hiệu lực của Bản cáo bạch: .../.../...
5. Tiêu đề của Bản cáo bạch: Bản cáo bạch Quỹ đầu tư cổ phiếu Amber (AEIF)
6. Thông cáo nội dung sau:

"Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày .../.../..."

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ liên lạc của người phụ trách công bố thông tin :
Ông : Tăng Minh Vương
Chức vụ : Tổng giám đốc
Địa chỉ : Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Điện thoại : 0243 938 6222 Fax: 0243 938 1222
Email : info@ambercapital.vn
Website : <https://ambercapital.vn/>
8. Nơi cung cấp các tài liệu Quỹ: Bản cáo Bạch cùng các tài liệu của Quỹ (Điều lệ Quỹ, Báo cáo hoạt động định kỳ, Báo cáo tài chính và các tài liệu cần thiết khác) được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber, tại Trụ sở công ty và các Đại lý Phân phối.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Trước khi đầu tư vào **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (AEIF)**, nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ các thông tin sau:

- Chúng chỉ **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (AEIF)** được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm.
- Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ủng hộ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.
- Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó.
- Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nêu trên cùng với các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành nơi họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.
- Nhà đầu tư (kể cả Nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm vấn đề về thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ cũng như biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua bán và nắm giữ chứng chỉ quỹ sẽ bị điều chỉnh ra sao theo pháp luật của nước mình.
- Nhà đầu tư hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.
- Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không nhất thiết phản ánh hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.
- Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (AEIF)** do Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ. Đặc biệt, giá trị chứng chỉ quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- Việc đầu tư vào **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (AEIF)** không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư; Nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào Chứng chỉ quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1.	Công ty Quản lý Quỹ	5
2.	Ngân hàng Giám sát	5
II.	CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA	5
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	8
1.	Tình hình kinh tế vĩ mô	8
2.	Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	13
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	15
1.	Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ.....	15
2.	Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	16
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	17
VI.	CÔNG TY KIỂM TOÁN	18
VII.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	18
VIII.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	18
IX.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ.....	19
1.	Thông tin chung về Quỹ	19
2.	Tóm tắt Điều lệ Quỹ.....	20
3.	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ.....	20
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO.....	22
1.	Căn cứ pháp lý	22
2.	Phương án phát hành lần đầu (IPO):.....	23
3.	Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo	26
3.5	Một số lưu ý cho Nhà Đầu Tư nước ngoài.....	33
4.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	34
5.	Thông tin hướng dẫn tham gia vào Quỹ đầu tư.....	35
XI.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	36
1.	Báo cáo tài chính	36
2.	Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ (cập nhật hằng năm).....	36
3.	Giá dịch vụ, phí và phân phối lợi nhuận.....	36
4.	Các chỉ tiêu hoạt động	38
5.	Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ.....	38
6.	Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ.....	39
7.	Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ.....	39

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	39
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	40
1. Báo cáo cho Nhà đầu tư.....	40
2. Báo cáo Quỹ.....	40
3. Báo cáo bất thường.....	40
4. Hình thức gửi báo cáo.....	40
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ.....	40
XV. CAM KẾT	40
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	40
PHỤ LỤC 01	42
TÓM TẮT NỘI DUNG ĐIỀU LỆ QUỸ	42
PHỤ LỤC 02	64
NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG.....	64
PHỤ LỤC 03	69
QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	69
PHỤ LỤC 04	70
DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH	70
PHỤ LỤC 05	71
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	71

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty Quản lý Quỹ

Bà : Nghiêm Phương Nhi Chức vụ : Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Ông : Tăng Minh Vương Chức vụ : Tổng giám đốc
Bà : Mai Huyền Ngọc Chức vụ : Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng Giám sát

Tên Ngân hàng Giám sát : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Đại diện : Nguyễn Mạnh Cường
Chức vụ : Phó Giám đốc, theo Giấy ủy quyền số 3825/QĐ-BIDV ngày 30/05/2025 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn ngữ trên Bản cáo bạch này đã được thể hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

- “Quỹ”** : Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (viết tắt là “**AEIF**”), một quỹ đầu tư chứng khoán dạng quỹ mở, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
- “Bản cáo bạch”** : Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
- “Ban Đại diện Quỹ”** : Là những người đại diện cho Nhà Đầu tư được Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ bầu ra để thay mặt Nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
- “Bỏ phiếu điện tử (e-voting)”** : Là hình thức giúp các Nhà Đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng Internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
- “Chứng chỉ Quỹ đầu tư” hay “Chứng chỉ Quỹ”** : Là loại chứng khoán do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber đại diện cho Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng chỉ Quỹ là 10.000 VNĐ.
- “Cổ tức Quỹ”** : Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư.

“Công ty Quản lý Quỹ”	:	Là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/10/2008 và Giấy phép điều chỉnh được thay đổi tại từng thời điểm. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber được Nhà Đầu tư ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Công ty Kiểm toán”	:	Là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ Đầu Tư Cổ phiếu Amber.
“Dịch vụ Quản trị Quỹ”	:	Là dịch vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp (nếu có), bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; - Lập các báo cáo tài chính Quỹ, báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của Pháp luật; phối hợp, hỗ trợ Khách hàng cung cấp hồ sơ, chứng từ cho tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.
“Giá trị Tài sản ròng của Quỹ”	:	Là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Mục 4 Phần X Bản cáo bạch này.
“Đại hội Nhà Đầu tư”	:	Là Đại hội của Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Đại lý Chuyển nhượng”	:	Là Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền để quản lý Sở Đăng ký Nhà Đầu tư của Quỹ.
“Đại lý Phân phối”	:	Là các tổ chức đã ký hợp đồng với công ty quản lý quỹ và/hoặc công ty quản lý quỹ; thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật.
“Đại lý Ký danh”	:	Là Đại lý Phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu tư tại sở phụ.
“Điểm nhận lệnh”	:	Là trụ sở chính của Đại lý Phân phối hoặc các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại lý Phân phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu tư.
“Điều lệ Quỹ” hay “Điều lệ”	:	Là Điều lệ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (AEIF). Điều lệ Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ dự thảo và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.
“Giá Phát hành” hay “Giá Bán”	:	Là mức giá Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá Phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm Giá Dịch vụ Phát hành theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch.

- “Giá Mua lại”** : Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Giá Dịch vụ Mua lại.
- “Giá Dịch vụ Phát hành/Giá Dịch vụ Mua lại”** : Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch vụ Phát hành/Giá Dịch vụ Mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị Tài sản Ròng trên 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ.
- “Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ”** : Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
- “Giá Dịch vụ Chuyển đổi”** : Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi chuyển đổi giữa các Chứng chỉ Quỹ mở do cùng một Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá Dịch vụ Chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chuyển đổi.
- “Giá Dịch vụ Chuyển nhượng”** : Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi tiến hành chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế vv...). Giá Dịch vụ Chuyển nhượng được tính theo từng lần phát sinh giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chuyển nhượng phi thương mại.
- “Hợp đồng Giám sát”** : Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ.
- “Năm Tài chính”** : Là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
- “Ngày Định giá”** : Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Điều lệ Quỹ, bao gồm các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ và các ngày khác mà Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo hoặc các mục đích khác.
- “Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ” hay “Ngày Giao dịch”** : Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại và chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ từ Nhà Đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Điều 16 Điều lệ Quỹ.
- “Ngân hàng Giám sát”** : Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, một chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp, thực hiện các nghiệp vụ bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 38 của Điều lệ Quỹ.
- “Nhà Đầu tư”** : Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
- “Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư”** : Là tài liệu ghi nhận thông tin về Nhà Đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
- “Thời điểm Đóng Sổ lệnh”** : Là thời điểm mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

“UBCKNN”	: Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“Vốn Điều lệ”	: Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.
“HSX”	: Là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“HNX”	: Là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“Các định nghĩa khác”	: Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tình hình kinh tế vĩ mô

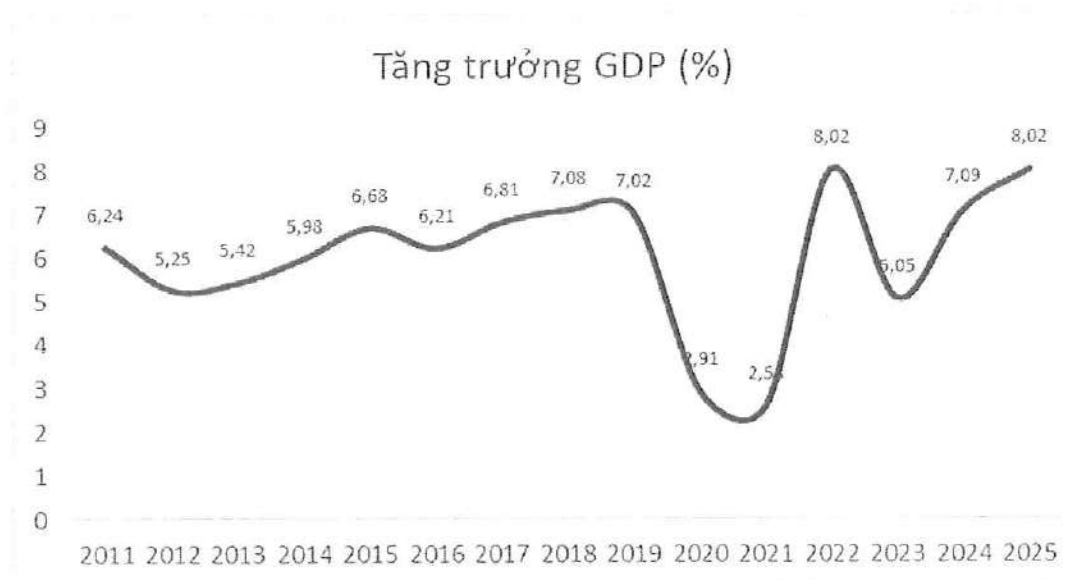
a. Chỉ số GDP tăng trưởng ấn tượng

Năm 2025, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trưởng 8,02% so với năm trước, đạt mức mục tiêu tăng trưởng đã đề ra trong năm và cũng là mức tăng trưởng lớn nhất trong nhiều năm gần đây.

Tăng trưởng năm 2025 cho thấy cấu trúc phục hồi tương đối rõ nét theo hướng “dịch vụ dẫn dắt – công nghiệp, xây dựng bám đuổi”, qua đó tạo nền tảng tăng trưởng tích cực nhưng vẫn phản ánh sự khác biệt về động lực giữa các khu vực. Xét theo đóng góp vào mức tăng giá trị tăng thêm, dịch vụ đóng góp 51,08%, tiếp đến công nghiệp và xây dựng là 43,62%, trong khi nông, lâm nghiệp và thủy sản 5,30% - hàm ý động lực tăng trưởng nghiêng về các ngành có độ lan tỏa cao tới tiêu dùng và việc làm.

Với mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 tiệm cận 10%, các chính sách hỗ trợ trong ngắn hạn như thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và đẩy nhanh giải ngân đầu tư công vẫn cần được duy trì để tạo lực kéo cho nền kinh tế.

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP (%)



Nguồn: GSO, CTCP QLQ Amber tổng hợp

b. Hoạt động xuất nhập khẩu và sản xuất công nghiệp mở rộng

Hoạt động ngoại thương năm 2025 ghi nhận nhịp bứt phá đáng kể trong bối cảnh xu hướng bảo hộ và các rào cản thuế quan gia tăng. Theo ước tính, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt khoảng 920 tỷ USD, đưa Việt Nam vào nhóm 15 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn. Ở góc độ thống kê hàng hóa, kim ngạch xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD và nhập khẩu 455,01 tỷ USD, tương ứng tổng kim ngạch hàng hóa khoảng 930,05 tỷ USD và xuất siêu 20,03 tỷ USD.

Về thị trường, Hoa Kỳ tiếp tục là điểm đến xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch khoảng 153,2 tỷ USD, trong khi Trung Quốc duy trì vị thế là nguồn nhập khẩu lớn nhất với giá trị khoảng 186 tỷ USD.

Về cơ cấu hàng hóa, tăng trưởng xuất khẩu phản ánh sự dịch chuyển rõ nét sang các nhóm hàng công nghiệp công nghệ cao. Nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng mạnh, ước đạt khoảng 107,74 tỷ USD, tăng khoảng 48,4% so với năm trước. Song song, khu vực nông nghiệp tạo dấu ấn khi xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt kỷ lục khoảng 70,09 tỷ USD. Riêng thủy sản phục hồi tích cực với kim ngạch cả năm trên 11,34 tỷ USD, tăng khoảng 13%.

Biểu đồ 2: Giá trị xuất nhập khẩu

Đơn vị: Tỷ USD (đô-la Mỹ)



Nguồn: GSO, CTCP QLQ Amber tổng hợp

Về hoạt động sản xuất, chỉ số PMI bắt đầu “bật lên” từ Quý III và duy trì trên ngưỡng 50 điểm liên tục kể từ tháng 7/2025, qua đó xác nhận trạng thái mở rộng của khu vực sản xuất. Việc PMI duy trì trên 50 không chỉ phản ánh đơn hàng mới cải thiện và công suất được nâng lên, mà còn hàm ý niềm tin của doanh nghiệp đối với triển vọng nhu cầu và chu kỳ kinh doanh trong các quý kế tiếp.

Diễn biến PMI được củng cố bởi đà tăng của chỉ số sản xuất công nghiệp. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 11 tháng 2025 tăng 9,3%, cao hơn mức 8,4% của cùng kỳ 2024, cho thấy tốc độ phục hồi đã mở rộng sang nền sản xuất thực. Động lực chủ đạo tiếp tục đến từ ngành chế biến, chế tạo khi tăng 10,6%, đóng vai trò “đầu tàu” cho toàn khu vực công nghiệp.

Ở góc nhìn theo tháng, chỉ số IIP ghi nhận các điểm nhấn đáng chú ý: tăng trưởng đạt đỉnh vào tháng 2/2025 (+17,2%) và duy trì mức cao tại các tháng cuối năm, qua đó cho thấy nhịp sản xuất ở mật độ tốt hơn so với giai đoạn đầu chu kỳ. Đà phục hồi cũng được hỗ trợ bởi các chỉ báo hoạt động, khi tiêu thụ điện tăng khoảng 4% và tiêu thụ xăng dầu tăng khoảng 8% trong 10 tháng đầu năm, phản ánh hoạt động nhà máy và vận tải – logistics gia tăng trở lại.

c. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục chảy vào Việt Nam

Trong năm 2025, tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 4.150,5 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm trước với động lực đến từ Vốn đầu tư ngân sách nhà nước (+19,7% yoy) được thúc đẩy bởi chính sách tài khóa mở rộng. Bên cạnh đó, vốn đầu tư tư nhân và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng tăng tốc với mức tăng lần lượt là 16,4% và 11,7% so với cùng kỳ. Trong vốn đầu tư khu vực nhà nước, vốn thực hiện từ ngân sách ước đạt 850,7 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 83,6% kế hoạch năm.

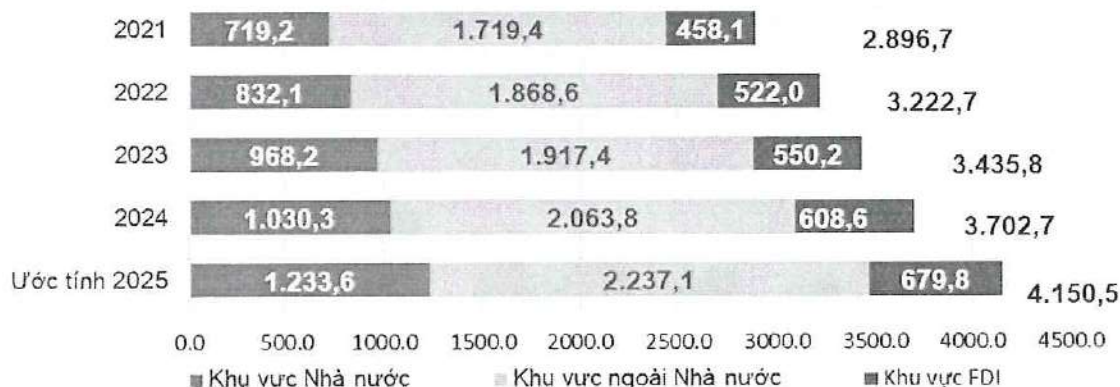
Trong bối cảnh dự địa của chính sách tài khóa còn rất lớn, đầu tư công vẫn sẽ là động lực tăng trưởng chính trong năm 2026.

Chính sách tài khóa được định vị là công cụ dẫn dắt để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng cao. Kịch bản điều hành hàm ý bội chi trên 600 nghìn tỷ đồng (khoảng 4,2% GDP) để ưu tiên đầu tư phát triển, với kế hoạch vốn đầu tư công khoảng 1,08 triệu tỷ đồng (tăng khoảng 30% so với kế hoạch đầu năm 2025). Mục tiêu giải ngân

được đặt ở vùng 85%–90%, tương ứng tăng trưởng giải ngân thực tế kỳ vọng 21%–28% so với 2025, tập trung vào các dự án hạ tầng quy mô lớn.

Biểu đồ 3: Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng



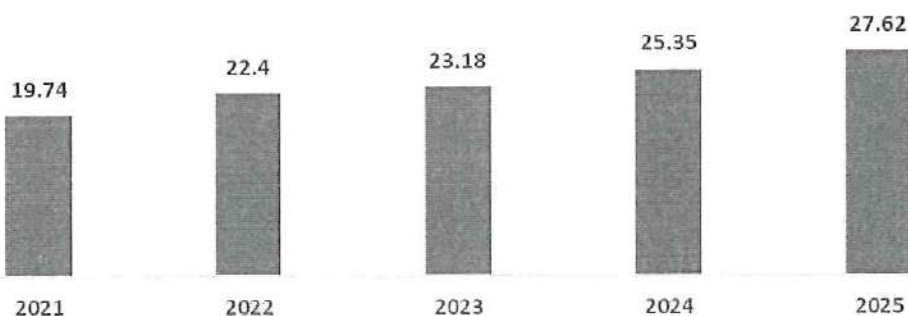
Nguồn: GSO, CTCP QLQ Amber tổng hợp

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam tiếp tục hấp dẫn và thu hút dòng vốn FDI với tổng vốn FDI đăng ký và thực hiện lần lượt đạt 28,54 tỷ USD (+15,2% yoy) và 18,8 tỷ USD (+8,5% yoy). Đây là kết quả khá tích cực trong bối cảnh FDI toàn cầu giảm liên tục trong 2 năm dưới áp lực căng thẳng địa chính trị cũng như biến động về lãi suất, tỷ giá.

Dòng vốn FDI là một trong những động lực tăng trưởng chính của Việt Nam trong những năm gần đây với lợi thế có vị trí địa lý thuận lợi, gần với chuỗi cung ứng của châu Á, nhân công giá rẻ và sự dịch chuyển của nhiều công ty đa quốc gia ra khỏi Trung Quốc vì chiến tranh thương mại. Ngoài ra, việc ký kết đối tác chiến lược toàn diện với nhiều quốc gia lớn như Mỹ, Nhật Bản, Úc, Pháp, Singapore sẽ mở đường cho việc thu hút dòng vốn FDI từ các nước này.

Biểu đồ 4: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện

Đơn vị tính: Tỷ USD

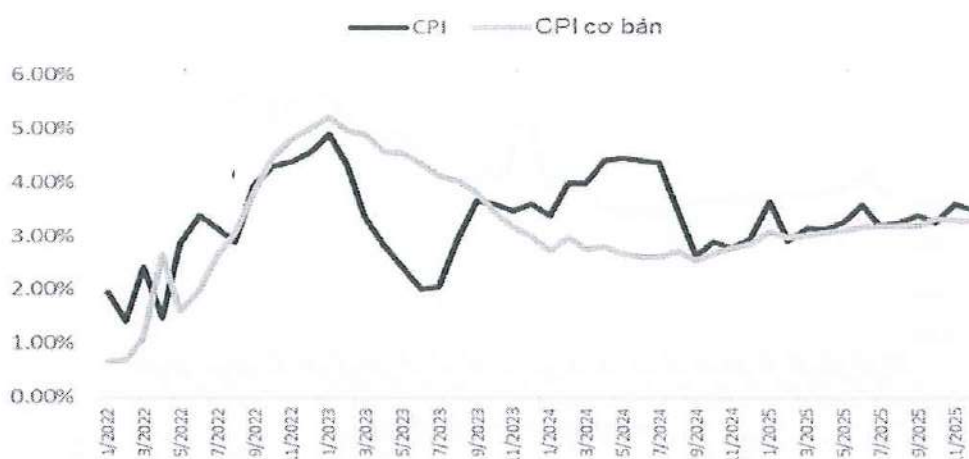


Nguồn: GSO, CTCP QLQ Amber tổng hợp

d. Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp

Việt Nam vẫn luôn kiểm soát tốt lạm phát trong nước, ngay cả trong những thời điểm nền kinh tế toàn cầu chịu áp lực lớn bởi lạm phát sau giai đoạn Covid. Điều này là bởi danh mục hàng hóa trong cơ cấu Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam chiếm phần lớn là lương thực, thực phẩm, hay giáo dục đều là những yếu tố nằm dưới sự kiểm soát của nhà nước nhờ nguồn cung dồi dào.

Biểu đồ 5: Chỉ số lạm phát (%)



Nguồn: GSO, CTCP QLQ Amber tổng hợp

Trong năm 2025, lạm phát tại Việt Nam duy trì ở vùng ổn định và thấp hơn mục tiêu điều hành 4,5%–5%, qua đó tạo nền tảng thuận lợi cho ổn định vĩ mô. CPI bình quân 11 tháng tăng 3,29% so với cùng kỳ, trong khi lạm phát cơ bản quanh 3,21%, cho thấy mặt bằng giá được kiểm soát tương đối tốt.

Áp lực tăng giá trong năm chủ yếu đến từ nhóm chi phí do điều chỉnh chính sách và yếu tố cung. Cụ thể, thuốc và dịch vụ y tế tăng mạnh (+13,3%) do điều chỉnh giá dịch vụ; giá thịt lợn tăng (+8,8%) trong bối cảnh thiếu hụt nguồn cung; và giá điện sinh hoạt tăng (+7,4%) sau các đợt điều chỉnh của EVN (tháng 10/2024 và tháng 5/2025). Ở chiều ngược lại, lạm phát được “hạ nhiệt” đáng kể nhờ giá xăng dầu giảm khoảng 9% so với cùng kỳ và mặt bằng giá thực phẩm tương đối ổn định trong phần lớn thời gian của năm.

Bản chất lạm phát Việt Nam thấp do giá cả hàng hóa thế giới không tăng, mặt khác rõ hàng hóa đa số là các sản phẩm dịch vụ liên quan đến thực phẩm hoặc danh mục hàng hóa bán theo giá Chính Phủ ban hành. Do đó áp lực sẽ tăng dần nếu thị trường hàng hóa thế giới sôi động trở lại.

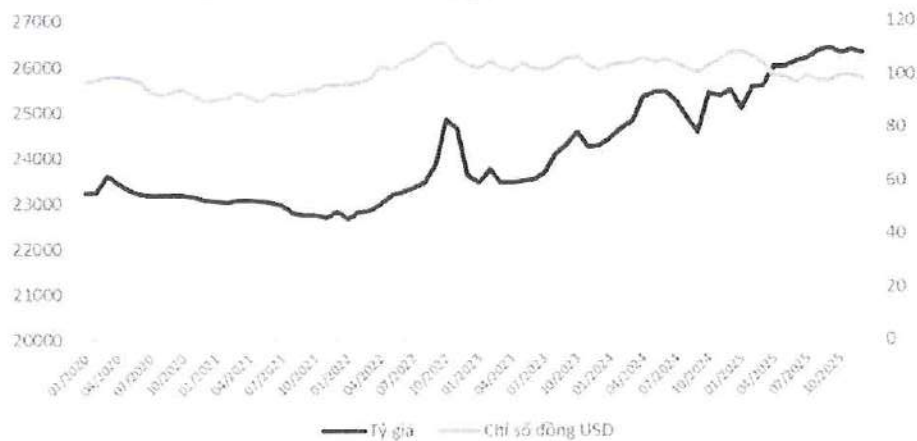
Bước sang năm 2026, với nhu cầu tiêu dùng được dự báo tăng trưởng trở lại, tỷ giá tiếp tục dự báo ở mức cao, tạo áp lực lạm phát rõ rệt hơn, tuy nhiên mức lạm phát sẽ tiếp tục được duy trì trong mức mục tiêu đề ra.

e. Tỷ giá

Năm 2026, tỷ giá USD/VND được kỳ vọng giảm mức độ căng thẳng so với giai đoạn 2024–2025, tuy nhiên xu hướng nền vẫn nghiêng về mất giá nhẹ khi các yếu tố cầu ngoại tệ trong nước còn lớn. Cuối năm 2025, VND ước mất giá khoảng 3,4% so với đầu năm, phản ánh giai đoạn biến động mạnh khi chênh lệch lãi suất VND - USD bất lợi, cầu ngoại tệ gia tăng và các cú sốc trên thị trường tài sản tạo hiệu ứng lan tỏa sang thị trường ngoại hối. Áp lực trong năm 2025 đến từ nhiều nguồn cầu như nhu cầu USD để nhập khẩu nguyên liệu và linh kiện phục vụ sản xuất; biến động giá vàng và chênh lệch giá trong nước – thế giới kích hoạt cầu ngoại tệ trong ngắn hạn, khiến thị trường nhạy cảm hơn với các cú sốc kỳ vọng.

Bước sang 2026, kịch bản cơ sở là USD/VNĐ tiếp tục tăng nhưng với biên độ “vừa phải”, phản ánh sự cân bằng tốt hơn giữa các lực kéo – đẩy. Ở chiều hỗ trợ, bối cảnh quốc tế được kỳ vọng thuận lợi hơn khi đồng USD có xu hướng suy yếu và mặt bằng lãi suất USD giảm dần, qua đó thu hẹp áp lực từ chênh lệch lãi suất và cải thiện tâm lý nắm giữ VND. Đồng thời, thặng dư thương mại được kỳ vọng duy trì/tăng giúp gia tăng nguồn cung ngoại tệ cho nền kinh tế, tạo lớp đệm tự nhiên cho tỷ giá.

Biểu đồ 6: Tỷ giá VNĐ/USD



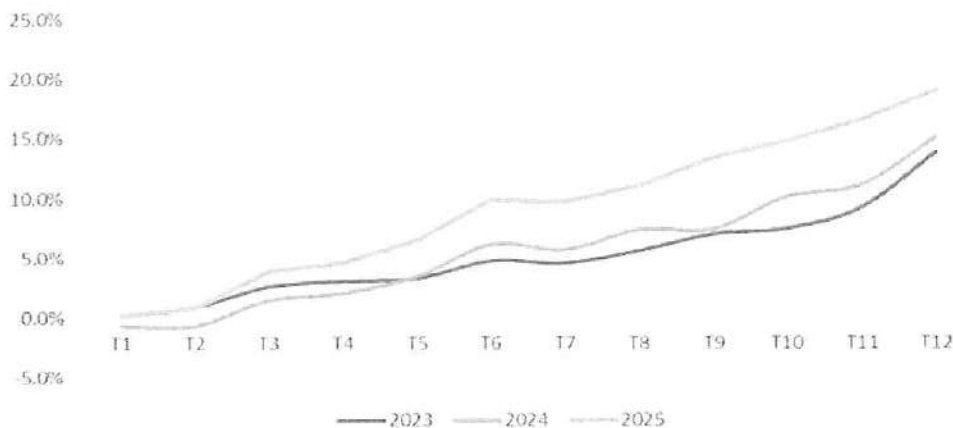
Nguồn: GSO, CTCP QLQ Amber tổng hợp

f. Chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt hỗ trợ tăng trưởng

Trong năm 2025, chính sách tiền tệ đóng vai trò bộ đỡ quan trọng cho phục hồi kinh tế, với trọng tâm duy trì mặt bằng lãi suất thấp và thúc đẩy cung ứng vốn. Trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng cao, tín dụng tăng mạnh và trở thành kênh truyền dẫn chính của chính sách, với tăng trưởng toàn hệ thống ước khoảng 19%, tương đương quy mô vốn bổ sung xấp xỉ 2,96 triệu tỷ đồng. Mặt bằng lãi suất thấp trong phần lớn thời gian của năm góp phần giảm chi phí vốn, hỗ trợ doanh nghiệp xoay vòng dòng tiền và kích hoạt nhu cầu đầu tư – tiêu dùng.

Biểu đồ 7: Tăng trưởng tín dụng

Đơn vị: %



Nguồn: CTCP QLQ Amber tổng hợp

Năm 2025, lãi suất duy trì ở vùng thấp trong phần lớn thời gian để hỗ trợ tăng trưởng, nhưng bước ngoặt xuất hiện từ Quý IV khi áp lực thanh khoản gia tăng. Lãi suất huy động bật tăng từ tháng 10; đến giữa tháng 12/2025, kỳ hạn 12 tháng tại nhóm ngân hàng tư nhân tăng khoảng 70–100 bps lên quanh 5,82%, trong khi nhóm quốc doanh tăng khoảng 50 bps lên quanh 5,2%. Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất qua đêm có thời điểm lên 7,5%, phản ánh căng thẳng vốn ngắn hạn và buộc cơ quan điều hành phải tăng cường hỗ trợ bằng công cụ FX-Swap và gần đây là thực hiện tái cấp vốn đối với một Ngân hàng.

Sang năm 2026, mặt bằng lãi suất nhiều khả năng thiết lập nền cao hơn, với lãi suất huy động 12 tháng dự kiến tăng thêm 50–100 bps để tái cân bằng cung–cầu vốn. Ba “nút thắt” chính gồm: (i) huy động tăng chậm hơn tín dụng, (ii) Chỉ số dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi (LDR) toàn hệ thống tiệm cận trần 85% và cách tính được

thay đổi khi loại bỏ lượng tiền gửi KBNN khỏi công thức tính LDR, (iii) lệch kỳ hạn khi tiền gửi ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong khi nhu cầu vốn trung - dài hạn tăng lên.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

a. Thị trường chứng khoán năm

VN-Index chốt ngày 31/12/2025 tại 1.784,49 điểm, tăng +40,87% so với cuối 2024 (tương ứng +517,71 điểm). Đây là năm thị trường hội tụ đồng thời ba yếu tố: tâm lý cải thiện rõ rệt, kỳ vọng quay lại mạnh, và xu hướng được dẫn dắt đủ thuyết phục để hút dòng tiền theo xu hướng:

- Nền kinh tế, doanh nghiệp duy trì tăng trưởng tốt. Tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,0%. GDP 2026 mục tiêu tăng trưởng 10% trở lên;
- Lãi suất duy trì nền thấp, tăng trưởng tín dụng mạnh;
- Kỳ vọng động lực tăng trưởng mới từ các Nghị quyết 57-59-66-68-NQ/TW 2025;
- Các mức định giá cơ bản toàn thị trường ở thời điểm cuối năm 2025 vẫn tương đối hợp lý, hệ số P/E ở mức 15,13; P/B ở mức 2,02 và P/S đạt mức 1,69.

Tổng vốn hóa toàn thị trường cuối năm 2025 đạt khoảng 400 tỉ USD, tương đương 78%/GDP 2025.

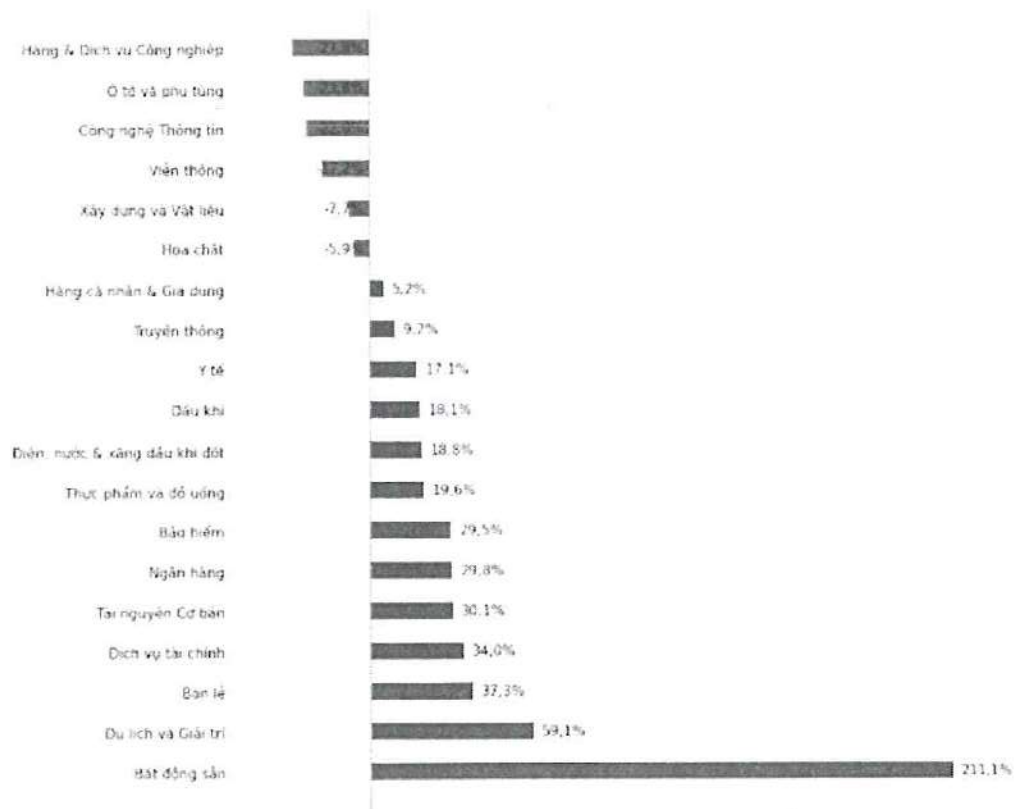
Tỉ trọng vốn hóa nhóm ngân hàng giảm dần từ mức cao nhất, khoảng 33% vốn hóa thị trường trong năm 2024. Điều này phản ánh xu hướng giảm dần mức độ ảnh hưởng của các cổ phiếu ngân hàng lên thị trường, có thể xu hướng này sẽ tiếp diễn trong năm 2026.

Ảnh hưởng tích cực, vượt trội lên VNINDEX trong năm 2025 là nhóm cổ phiếu VinGroup với VIC (+736,5% YoY), VHM (+207,6% YoY). Tiếp đến là các cổ phiếu ngân hàng, nổi bật với TCB (+46,8% YoY), VPB (+52,9% YoY), STB (+53,2% YoY), SHB (+107,7% YoY), bên cạnh các cổ phiếu bán lẻ, hàng không với MWG (+47,0% YoY), VJC (+108,8% YoY).

Ở chiều ngược lại công nghệ, viễn thông, nhóm xuất khẩu như hóa chất, thủy sản, thép khu công nghiệp có diễn biến kém tích cực, giảm điểm trong năm 2025 với FPT (-25,4% YoY), DGC (-38,4% YoY), SIP (-25,1% YoY), CTR (-28,9% YoY), VHC (-18,8% YoY), HSG (-13,3% YoY), phản ánh mức độ phân hóa cao trong các ngành nghề.

Biểu đồ 8: Hiệu suất đầu tư theo nhóm ngành

Đơn vị: %



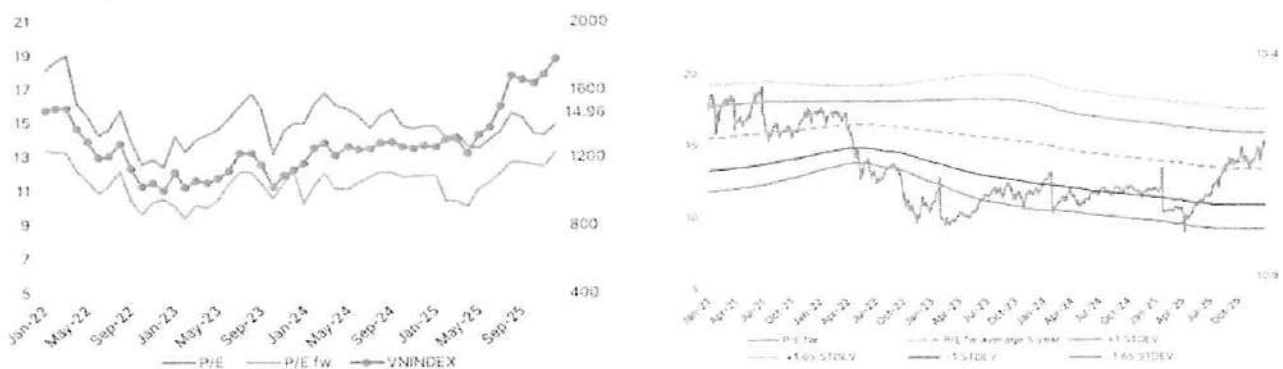
Nguồn: CTCP QLQ Amber tổng hợp

b. Triển vọng thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán 2026 sẽ có nhiều biến chuyển lớn trong đó vai trò của dòng tiền dẫn dắt sẽ rất quan trọng. Thị trường sẽ phân hóa sâu sắc hơn, do đó việc lựa chọn và sàng lọc cổ phiếu trở nên quan trọng hơn.

Thị trường cổ phiếu: dự đoán thị trường có sự phân hóa lớn. Trong đó các quy định mới sẽ đóng vai trò dẫn dắt phương hướng và đường lối phát triển.

Biểu đồ 9: Chỉ số P/E của VNINDEX



Nguồn: CTCP QLQ Amber tổng hợp

Dòng tiền nội: Tỷ giá không còn là yếu tố lớn tác động lên thị trường chứng khoán, tính thanh khoản của toàn bộ hệ thống sẽ đóng vai trò quan trọng hơn đặc biệt là các diễn biến liên quan đến Chi tiêu công, Tăng trưởng tín dụng, Xung lực tín dụng.

Dòng tiền ngoại: Sự bất định trong các chính sách của Trump không đảm bảo năm 2026 dòng vốn vào từ nước ngoài sẽ cải thiện (cả về FDI lẫn FII), bên cạnh đó, lạm phát Mỹ chưa hạ nhiệt, các Ngân hàng trung ương như ECB, PBoC, BOJ đều có thể sẽ giảm lãi suất sẽ khiến áp lực tỷ giá trở nên phức tạp hơn.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp: cung trái phiếu từ các ngân hàng trong 2026 nhiều khả năng sẽ tiếp tục gia tăng để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn (CAR).

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ

Tên tiếng Việt : Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Amber
Tên Tiếng Anh : Amber Fund Management Joint Stock Company
Tên viết tắt : Amber Capital
Giấy phép thành lập và hoạt động : 39/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8/10/2008
kinh doanh chứng khoán số
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0102970695 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/10/2008; thay đổi lần thứ 3 ngày 27/09/2025.
Địa chỉ trụ sở chính: : Tầng 1, tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Hà Nội
Điện thoại: : 0243 938 6222
Fax : 0243 938 1222
Vốn Điều lệ : 70.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng)

1.1. Danh sách cổ đông

a) Cổ đông sáng lập

- Công ty cổ phần tư vấn Anh (8% vốn điều lệ).
- Bà Cao Thị Vân Anh (30% vốn điều lệ).
- Ông Phạm Minh Tuấn (10% vốn điều lệ).

b) Cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

- Bà Nghiêm Phương Nhi (93,93% vốn điều lệ).

1.2. Hội đồng quản trị Công ty Quản lý Quỹ

Bà Nghiêm Phương Nhi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Nghiêm Phương Nhi đồng thời đang giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hòa An.

Bà là một chuyên gia với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Đầu tư, M&A và Quản trị doanh nghiệp.

Bà từng là cán bộ cấp cao tại Tập đoàn Viettel, thành viên HĐQT tại Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam – Vinaconex, Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel, Tổng công ty cổ phần Bưu Chính Viettel. Bà Nhi đồng thời có nhiều năm kinh nghiệm tham gia HĐQT tại các doanh nghiệp cổ phần trong nhiều lĩnh vực và trực tiếp tư vấn về công tác quản trị doanh nghiệp tại các doanh nghiệp lớn.

Bà Nhi có bằng Cử nhân Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và đại học Saxion – Deventer Hà Lan và Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Tổng hợp Nijmegen – Hà Lan.

Ông Hoàng D.Quan

Thành viên HĐQT

Ông Hoàng D.Quan có hơn 30 năm kinh nghiệm quản lý các quỹ đầu tư và ngân hàng lớn như: CTCP Quản lý quỹ PVI, CTCP Đầu tư tài chính AI Capital, CTCP Quản lý quỹ Thăng Long Meritz Capital, Techcombank, HDBank,...

Ông hiện là chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quản lý tài chính A+ và thành viên HĐQT CTCP Vinhomes.

Ông Hoàng D.Quan tốt nghiệp trường Đại học Brooklyn, Mỹ và tham gia nhiều chương trình giám đốc điều hành tại Anh và Pháp.

Ông Tăng Minh Vương

Thành viên HĐQT

Thông tin chi tiết của ông Tăng Minh Vương được trình bày theo nội dung tại mục Ban điều hành Công ty quản lý quỹ.

1.3. Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Tăng Minh Vương
Tổng Giám đốc

Ông Tăng Minh Vương là một chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm, với hơn 10 năm hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính. Ông từng giữ vị trí Giám đốc tài chính và hiện là Thành viên Hội đồng quản trị của CTCP Bánh kẹo Hải Hà.

Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa, ông Vương sở hữu chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Bà Nguyễn Thanh Hiếu
Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thanh Hiếu có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Bà Hiếu đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức tài chính hàng đầu, bao gồm: Chuyên gia Ban đầu tư CTCP Quản lý quỹ PVCombank, Giám đốc tài chính của CTCP Glexhomes, Giám đốc dịch vụ Vốn chủ sở hữu tại Công ty chứng khoán VNDirect, Giám đốc quan hệ nhà đầu tư và truyền thông của CTCP Đầu tư Hải Phát, Giám đốc đầu tư của CTCP Quản lý Quỹ Techcom, Trưởng phòng kinh doanh trái phiếu/ vốn liên ngân hàng tại Ngân hàng PVCombank.

Bà Hiếu có bằng cử nhân Kinh tế đối ngoại trường Đại học Ngoại Thương và bằng thạc sĩ ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng của Đại học Paris Dauphine và ESCP Europe Pháp. Bà cũng sở hữu chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN nhà nước cấp.

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

2.1 Tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Amber

Thông tin chi tiết về tình hình hoạt động kết quả kinh doanh và các báo cáo tài chính hàng năm sau kiểm toán được cập nhật cho Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Đơn vị tính: VNĐ

Năm	2021	2022	2023	2024	2025 (*)
Vốn Điều lệ	50.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Doanh thu	5.461.445.258	7.409.108.603	9.280.185.609	12.258.974.849	12.260.984.080
Lợi nhuận	1.424.886.657	1.255.053.069	13.275.694.052	(2.299.087.431)	6.511.040.249

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán, soát xét của CTCP Quản lý Quỹ Amber. Số liệu năm 2025 căn cứ theo Báo cáo tài chính Quý IV/2025 của CTCP Quản lý Quỹ Amber

Thành lập từ năm 2008, Công ty cổ phần quản lý quỹ Amber phần đầu trở thành Công ty quản lý quỹ và tài sản chuyên nghiệp, góp phần mang lại sự thịnh vượng bền vững cho khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, trong những năm qua, Công ty đã không ngừng đầu tư vào nâng cao tính chuyên nghiệp trong các hoạt động quản trị và nghiệp vụ chuyên môn. Tôn chỉ chung cho tất cả các hoạt động ở Công ty nói chung và hoạt động đầu tư nói riêng là đảm bảo tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật và các cam kết với khách hàng, đề cao sự minh bạch và luôn luôn chú trọng vào các hoạt động kiểm soát rủi ro. Công ty cũng không ngừng đầu tư cho đội ngũ nhân sự đáp ứng được các tiêu chuẩn hành nghề do UBCKNN quy định và các tiêu chuẩn chuyên môn quốc tế khác. Trong năm 2021, công ty đã đầu tư để phát triển hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mở trực tuyến và các ứng dụng giao dịch khác, hoàn thiện cơ sở hạ tầng để đảm bảo chất lượng phục vụ tốt nhất tới các Nhà đầu tư khi đầu tư vào Quỹ mở do công ty quản lý.

2.2 Các Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý

Quỹ Đầu tư Trái phiếu an toàn Amber (ASBF)

ASBF là quỹ mở được thành lập vào tháng 7/2021 với vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận ổn định và dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định, bao gồm: (1) tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, (2) công cụ thị trường tiền tệ, (3) công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu

1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Quỹ tập trung đầu tư vào các loại tiền gửi có lãi suất hấp dẫn, trái phiếu có thanh khoản tốt, chứng chỉ tiền gửi có cổ tức cao và sẽ đánh giá những biến động của thị trường tiền tệ để phân bổ tỷ trọng vào các tài sản và lượng tiền mặt đủ để đảm bảo khả năng sinh lời cao nhất cũng như khả năng thanh toán của Quỹ.

Quỹ đầu tư tài chính AFM (AFMF)

AFMF là quỹ thành viên được thành lập từ tháng 11 năm 2018 với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Mục tiêu chính của Quỹ là tăng giá trị tài sản ròng cho Quỹ, tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho các thành viên góp vốn thông qua việc đầu tư linh hoạt và đa dạng trên các lĩnh vực mục tiêu. Quỹ sẽ tập trung đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao hoặc các doanh nghiệp đang được định giá thấp, các chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, các chứng khoán niêm yết có vốn hóa vừa và nhỏ, hoặc các công cụ tài chính tiền tệ khác được pháp luật cho phép nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa trên các phân tích, đánh giá về kinh tế vĩ mô, chu kỳ kinh tế và thị trường. Quỹ được phép linh hoạt phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư giá trị hoặc tăng trưởng hoặc kết hợp cả hai chiến lược này tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ AFMF được xây dựng nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận trên cơ sở mức rủi ro phù hợp cho nguồn vốn đầu tư của Quỹ AFMF.

Quỹ đầu tư năng lượng mới AFM (ANE)

ANE là quỹ thành viên được thành lập từ tháng 11 năm 2021 với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm sự tăng trưởng vốn trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, ưu tiên vào năng lượng điện mặt trời, năng lượng điện gió,... nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư. Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa trên các phân tích, đánh giá về kinh tế vĩ mô, chu kỳ kinh tế và thị trường. Quỹ được phép linh hoạt phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư giá trị hoặc tăng trưởng hoặc kết hợp cả hai chiến lược này tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ được xây dựng nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận trên cơ sở mức rủi ro phù hợp cho nguồn vốn đầu tư của Quỹ.

Quỹ đầu tư công nghệ Amber (ATF)

ATF là quỹ thành viên được thành lập từ tháng 6 năm 2022 với số vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm sự tăng trưởng vốn trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam, nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các nhà đầu tư góp vốn trong mức rủi ro cho phép, ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực công nghệ, công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông, và công nghệ tài chính fintech. Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa trên các phân tích, đánh giá về kinh tế vĩ mô, chu kỳ kinh tế và thị trường. Quỹ được phép linh hoạt phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư giá trị hoặc tăng trưởng hoặc kết hợp cả hai chiến lược này tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ được xây dựng nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận trên cơ sở mức rủi ro phù hợp cho nguồn vốn đầu tư của Quỹ.

Các thông tin hoạt động trong quá khứ của Công ty Quản lý Quỹ không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong tương lai.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng	: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số	: 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu : 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp
 ký chứng khoán số : ngày 01/08/2006.
 Địa chỉ trụ sở chính : 74 Thọ Nhuộm, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.
 Điện thoại : 02439411840
 Fax : 02439411847
 Lĩnh vực hoạt động chính : Huy động vốn, tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, và
 các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.

Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thông qua một (01) tổ chức kiểm toán trong danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất các tổ chức kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ được lựa chọn bao gồm:

1. Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 39/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 10 năm 2008.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội.
- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại: 024 3 9386222 Fax: 024 3 9381222
- Website: <http://ambercapital.vn>
- Chương trình, ứng dụng của đại lý phân phối: Amber Capital

2. Công ty cổ phần chứng khoán Finhay (FHSC)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103015219 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006.
- Giấy phép thành lập số 50/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24/8/2022
- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 702, tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, Phường Ba Đình, Hà Nội.
- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Phòng 702, tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, Phường Ba Đình, Hà Nội.
- Điện thoại: 024 6687 8996 Email: hello@finhay.com.vn Website: <https://www.finhay.com.vn>
- Chương trình, ứng dụng của đại lý phân phối: Finhay

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyên nhượng

Tên tổ chức được ủy quyền : Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)
 Quyết định thành lập số : 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ
 Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số : 0104154332 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 02/08/2023.

Địa chỉ trụ sở chính	: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.
Phạm vi dịch vụ được ủy quyền	: - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ mở; - Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ, cập nhật sổ chính; - Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư; - Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.
Giá dịch vụ	: Mức 1: 12.000.000 VNĐ/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần. Mức 2: 10.000.000 VNĐ/tháng áp dụng cho khi Quỹ có tần suất giao dịch ≤ 02 phiên/tuần. (Trường hợp Quỹ thay đổi tần suất giao dịch, mức giá dịch vụ mới sẽ được áp dụng từ tháng liền sau tháng thay đổi) Giá dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT, chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch (nếu có). Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho VSDC theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
Hình thức thanh toán	: Được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	: QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU AMBER
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:	: Amber Equity Investment Fund
Tên viết tắt:	: AEIF
Địa chỉ liên hệ	: Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội.
Điện thoại	: 0243 938 6222
Fax	: 0243 938 1222
Website	: ambercapital.vn
Email	: info@ambercapital.vn

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số: 40/4.01.2014/UBCKNN cấp ngày

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ

Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số: ngày

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber là Quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber quản lý trong suốt thời gian hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho một Công ty Quản lý Quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.

Quỹ tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quỹ có trách nhiệm phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phát hành theo yêu cầu của Nhà Đầu tư vào Ngày Giao dịch. Quỹ không giới hạn về thời gian hoạt động.

1.5. Ban Đại diện Quỹ:

- **Bà Nguyễn Thị Mai - Chủ tịch, Thành viên độc lập**

Bà Mai tốt nghiệp Đại học Luật Hà nội năm 2011 và có chứng chỉ hành nghề luật sư năm 2015

Bà Mai có 7 năm kinh nghiệm tại vị trí Luật sư tại Công ty Luật TNHH Trương Anh Tú, sau đó bà tiếp tục giữ vai trò chuyên viên pháp chế tại các hệ thống công ty kinh doanh như hệ thống thẩm mỹ viện Nevada, CTCP đầu tư Thịnh Phát, CTCP bất động sản Bigland, CTCP Chứng khoán Thủ đô. Từ 2024 đến nay bà là chuyên viên chính phụ trách pháp chế tại CTCP Kinh doanh và thương mại Hà Nội Xanh.

- **Bà Nguyễn Thị Như Trang – Thành viên độc lập**

Bà Trang tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp của Học viện Tài chính và bà đã có Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ tài chính cấp năm 2015. Bà Trang có 9 năm hành nghề Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C tại chi nhánh Hà Nội, sau đó bà giữ chức Phó phòng Tài chính - Ngân hàng - Cấu trúc của CTCP Tập đoàn T&T và hiện tại là phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Hãng kiểm toán AMA.

- **Ông Đỗ Anh Tuấn - Thành viên độc lập**

Ông Tuấn là một chuyên gia trong lĩnh vực tài chính. Ông có nhiều năm kinh nghiệm với vị trí trưởng phòng Quản lý và kinh doanh tài sản của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân Hàng TMCP An Bình. Hiện tại, Ông Tuấn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ABG Thủ đô.

Ông là thạc sỹ kinh tế, tài chính và quan hệ quốc tế của Đại học Aix-Marseille 2 (Pháp) và thạc sỹ tài chính, tăng trưởng và phát triển của Đại học Nice Sophia Antipolis (Pháp).

1.6. Danh sách Người Điều hành Quỹ

- **Bà Nguyễn Thanh Hiếu – Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber.** Thông tin chi tiết về bà Nguyễn Thanh Hiếu được trình bày tại mục 1.3 phần IV Bản cáo bạch này. Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001649/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/01/2018.
- **Ông Lê Đức Mạnh – Ông Lê Đức Mạnh** là một chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm, với hơn 10 năm hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý tài sản. Ông đang giữ vị trí Phó phòng quản lý quỹ của CTCP Quản lý quỹ Amber và hiện là chủ tịch HĐQT của CTCP SD Trường Thành. Ông tốt nghiệp ngành tài chính ngân hàng của Học viện Ngân hàng và sở hữu chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001851/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/11/2019.

2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ

Điều lệ Quỹ được tóm tắt tại Phụ lục 01 đính kèm Bản cáo bạch này. Nhà Đầu tư cần lưu ý rằng các nội dung tại Phụ lục 01 là nội dung tóm tắt của Điều lệ Quỹ. Để có thông tin đầy đủ, Nhà Đầu tư cần tham khảo Điều lệ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber. Trong trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa Bản cáo bạch và Điều lệ Quỹ thì sẽ vận dụng nội dung của Điều lệ Quỹ.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào Quỹ sẽ không được bất kỳ một sự cam kết bảo lãnh bởi một tổ chức nào, cũng như không có bất kỳ sự cam kết chắc chắn nào từ Công ty Quản lý Quỹ rằng Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Do đó, các Nhà Đầu tư tiềm năng nên cân nhắc thật kỹ những yếu tố rủi ro của Quỹ, cùng với các thông tin

được đề cập trong Bản cáo bạch này. Phải thừa nhận rằng, Công ty Quản lý Quỹ đã tối thiểu hóa rủi ro bằng một danh mục đầu tư đa dạng, nhưng vẫn có những rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ sau đây:

3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hoặc toàn bộ trong một khoảng thời gian, dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường và sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ. Rủi ro này xuất phát từ những biến động chung của toàn nền kinh tế, chính trị xã hội, đe dọa tất cả các ngành nghề kinh tế, từ đó gây ra sự biến động của toàn thị trường chứng khoán, không loại trừ bất kỳ công cụ đầu tư nào. Rủi ro này mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ. Rủi ro này có thể giảm thiểu được bằng cách xác định và quản trị cụ thể đến từng loại rủi ro cấu thành, hoặc cắt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

3.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là loại rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đã đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi của cung cầu tiền tệ cùng nhiều yếu tố vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài, và ảnh hưởng gián tiếp tới cổ phiếu. Rủi ro này có thể được hạn chế bằng cách Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất của từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

3.3 Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do lạm phát. Rủi ro lạm phát ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu. Lạm phát tăng cao sẽ làm giảm giá trị của mệnh giá trái phiếu và lãi trái phiếu được nhận hàng kỳ. Quỹ có thể giảm thiểu được rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào trái phiếu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi. Lạm phát sẽ gây ảnh hưởng gián tiếp tới cổ phiếu và có thể được hạn chế bằng cách Quỹ khi đầu tư sẽ phân bổ vào các doanh nghiệp có yếu tố cạnh tranh bền vững, trong đó bao gồm khả năng doanh nghiệp có thể chuyển phần lớn lạm phát sang cho khách hàng, người tiêu dùng.

3.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh bán của Nhà Đầu tư trong một Ngày Giao dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian do tính thanh khoản của thị trường thấp; hay các lệnh bán/lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện một phần do NAV của Quỹ giảm thấp hơn ngưỡng pháp luật quy định, hay do tổng giá trị các lệnh bán/lệnh chuyển đổi vượt mức rút vốn tối đa theo quy định của Pháp luật. Ngoài ra, trong một số trường hợp bất khả kháng, Nhà Đầu tư không thể thực hiện được lệnh bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Chứng chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch.

Rủi ro này có thể được hạn chế bằng cách Quỹ luôn duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách giữ một phần trạng thái tiền tệ và tỷ lệ thích hợp các tài sản có tính thanh khoản cao nhất để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể được tiên lượng một cách hợp lý; việc thanh toán trong đa phần trường hợp sẽ được thực hiện đúng hạn và sẽ không bị ảnh hưởng bởi những cổ phiếu kém thanh khoản nhất thời.

3.5 Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển và khung pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện. Những sự thay đổi về khung pháp lý trong thời gian hoạt động của Công ty là không thể tránh khỏi và có thể ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ để thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư tối ưu nhất.

3.6 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các Quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty Quản lý Quỹ điều hành. Công ty Quản lý Quỹ có thể kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập quy chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ, quy trình đầu tư cũng như bộ phận quản lý danh mục

đầu tư riêng biệt cho từng Quỹ nhằm hạn chế xung đột lợi ích giữa các Quỹ. Bên cạnh đó, sự giám sát của Ngân hàng Giám sát cũng sẽ giúp giảm thiểu rủi ro này.

3.7 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là những rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro này có thể được hạn chế bằng cách Công ty Quản lý Quỹ sẽ áp dụng các cơ chế chọn lọc và chỉ tiến hành giao dịch đối với các đối tác có tiềm lực tài chính vững mạnh và có uy tín lớn.

Đối với cổ phiếu, Quỹ mở sẽ ưu tiên giao dịch các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch; việc giao dịch mua bán được tiến hành qua hệ thống giao dịch của các sở giao dịch hoặc qua các công ty chứng khoán có hệ thống lưu ký, giám sát theo quy định của Pháp luật, để đảm bảo các sổ dư của các bên liên quan đầy đủ và đúng luật.

Đối với trái phiếu, Quỹ ưu tiên đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, có độ an toàn về khả năng thanh toán. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, quỹ sẽ ưu tiên các tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các đơn vị có uy tín.

3.8 Rủi ro biến động giá thị trường

Rủi ro biến động giá thị trường là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng loại chứng khoán thay đổi. Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị các khoản đầu tư của Quỹ. Rủi ro này được hạn chế khi Quỹ lựa chọn đầu tư vào cổ phiếu của các công ty có chỉ số cơ bản tốt nên có mức biến động ít hơn thị trường. Ngoài ra, danh mục đầu tư của Quỹ cũng sẽ được tạo lập để làm giảm ảnh hưởng và sự phụ thuộc vào các biến động nhất thời của giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

3.9 Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi các biến động về tỷ giá. Quỹ không bảo vệ và chịu trách nhiệm cho rủi ro tỷ giá của Nhà Đầu tư nước ngoài mua Chứng chỉ Quỹ bằng đơn vị tiền tệ duy nhất của Quỹ là đồng Việt Nam. Các Nhà Đầu tư nước ngoài cần tự tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này. Rủi ro này sẽ được hạn chế bằng việc Công ty Quản lý Quỹ sẽ tăng cường giám sát, phân tích các công ty có hoạt động đầu tư kinh doanh có rủi ro về tỷ giá trong danh mục đầu tư của Quỹ.

3.10 Rủi ro hạn chế đầu tư

Rủi ro hạn chế đầu tư là rủi ro về hạn chế trong số lượng, chủng loại, tần suất, tính đa dạng của các công cụ đầu tư và sản phẩm đầu tư trên thị trường, do đó Công ty Quản lý Quỹ có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cơ hội giải ngân theo chiến lược đầu tư đã lựa chọn hoặc khó khăn trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Danh mục các yếu tố rủi ro nêu trên không phải là bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về các rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ. Các Nhà Đầu tư tiềm năng cần cân nhắc kỹ hoặc tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn trước khi quyết định đầu tư.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- 1.1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);
- 1.2. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;
- 1.3. Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP và Nghị định số 306/2025/NĐ-CP;
- 1.4. Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC;
- 1.5. Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC;

- 1.6. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
- 1.7. Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- 1.8. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 18/2025/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC;
- 1.9. Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2025/TT-BTC;
- 1.10. Các văn bản luật khác có liên quan, bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của những quy định nói trên.

2. Phương án phát hành lần đầu ra công chúng (IPO):

Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số/GCN-UBCK ngày/...../..... bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thông tin về phương án phát hành lần đầu của Quỹ cụ thể như sau:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	: QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU AMBER
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:	: Amber Equity Investment Fund
Tên viết tắt:	: AEIF
Loại hình quỹ	: Quỹ mở
Nhà Đầu Tư của Quỹ	: Nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đáp ứng các quy định tại Điều 13 Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan
Thời gian hoạt động	: Không giới hạn
Vốn Điều lệ dự kiến huy động tối thiểu	: 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng)
Số lượng đơn vị quỹ dự kiến chào bán tối thiểu	: 5.000.000 (năm triệu) chứng chỉ quỹ
Đơn vị tiền tệ	: Đồng Việt Nam
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)/ đơn vị quỹ
Giá dịch vụ phát hành	: Miễn phí
Giá Phát hành lần đầu	: 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)/ đơn vị quỹ
Ngày phát hành	: Sẽ được quy định trong bản thông báo chào bán sau khi Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng
Thời hạn phát hành lần đầu	: Trong thời hạn 05 Ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ gửi UBCKNN và công bố bản thông báo chào bán theo quy định và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Công ty Quản lý quỹ đảm bảo thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư tối thiểu là 20 ngày và thời hạn phân phối Chứng Chỉ quỹ không quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực Trong trường hợp không hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn trên, công ty quản lý quỹ xin gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định.
Mục tiêu đầu tư	: Mục tiêu chính của Quỹ AEIF là tìm kiếm lợi nhuận và tối ưu mức sinh lời trong dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư linh hoạt

Chiến lược đầu tư	và hiệu quả vào cổ phiếu của các công ty có mô hình kinh doanh bền vững và triển vọng tăng trưởng cao, cũng như các loại tài sản có định giá hấp dẫn theo đúng quy định hiện hành của pháp luật. : Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường. Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào những ngành nghề hiện có và được giao dịch trên Thị trường Chứng khoán với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ.
Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư	: Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường. Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào những ngành nghề hiện có và được giao dịch trên Thị trường Chứng khoán với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ.
Tài sản dự kiến đầu tư	: - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; - Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật có liên quan; - Công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, Chứng chỉ Quỹ đại chúng, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; - Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật hiện hành tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật hiện hành. - Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Kiểm soát rủi ro đầu tư	: Ban điều hành quỹ được phép đầu tư những tài sản được phép đầu tư theo quy định của Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch. Ngân hàng Giám sát sẽ giám sát và kiểm tra tính tuân thủ, đảm bảo các hạn chế đầu tư theo quy định.
Cơ cấu đầu tư	: Cơ cấu đầu tư của Quỹ sẽ phù hợp với các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ.
Địa điểm phát hành	: Chứng chỉ Quỹ đầu tư cổ phiếu Amber được phát hành lần đầu thông qua các Đại lý phân phối được chỉ định. Danh sách, địa chỉ các điểm nhận lệnh của Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư có thể đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu được nêu tại phụ lục 4 của Bản cáo Bạch này.
Số tiền mua tối thiểu lần đầu	: 100.000 (một trăm nghìn) đồng.
Số lượng đăng ký tối thiểu lần đầu	: 10 Chứng chỉ quỹ
Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ mở	: Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở theo quy định và hướng dẫn của các Đại lý phân phối được chỉ định của Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối.
Đăng ký đặt mua	: Nhà đầu tư nộp Phiếu đăng ký đặt mua Chứng chỉ quỹ mở tại Đại lý Phân phối
Nộp tiền đặt mua	: Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ quỹ bằng các chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát bằng Đồng Việt Nam. Phí chuyển tiền do Nhà Đầu tư trả. Thông tin về nội dung chuyển tiền và tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát sẽ được cung cấp bởi Đại lý phân phối. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trước thời điểm kết thúc đợt phát hành.
Số lượng Chứng chỉ quỹ được phân phối	: Số lượng CCQ được phân phối= Số tiền đăng ký mua/ Giá phát hành Số lượng chứng quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy
Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ trong đợt phát hành lần đầu	: Trường hợp chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ thấp hơn giá trị mua tối thiểu lần đầu hoặc thấp hơn số tiền đăng ký mua, việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu coi như không hợp lệ. Số tiền đăng ký mua này sẽ được hoàn trả lại Nhà đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc sau khi Quỹ nhận Giấy Chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này. Trường hợp số tiền thanh toán thực tế vào tài khoản của Quỹ cao hơn số tiền ghi trên Phiếu đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở và cao hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối theo phiếu đặt mua đã đăng ký.
Phân phối chứng chỉ quỹ	: - Trong trường hợp tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ đảm bảo số vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu, Nhà Đầu Tư sẽ được phân phối đầy đủ số lượng Chứng chỉ quỹ theo như số tiền đã đăng ký mua hợp lệ - Trong trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành bao gồm cả thời gian gia hạn (“kết thúc giai đoạn chào bán”) mà tổng số tiền đăng ký thấp hơn vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu (50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng)) hoặc không đủ 100 nhà đầu tư không kể Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đăng ký mua chứng chỉ quỹ hợp lệ, Công ty Quản lý quỹ sẽ báo cáo UBCKNN. Trong thời hạn 15 (mười lăm)

	ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ thực hiện hoàn trả toàn bộ số tiền đăng ký đặt mua Chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu tư. Các chi phí phát sinh có liên quan đến việc huy động vốn trong giai đoạn chào bán do Công ty quản lý quỹ chi trả
Ngày giao dịch chính thức đầu tiên	: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy Chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức giao dịch chính thức vào các Ngày giao dịch từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Ngày giao dịch chính thức đầu tiên sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ
Ngân hàng Giám sát	: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
Đại lý phân phối trong đợt phát hành lần đầu	: Công ty cổ phần quản lý quỹ Amber Công ty cổ phần chứng khoán Finhay Tại các địa điểm phân phối/điểm nhận lệnh của các đại lý tại phụ lục 04 Bản cáo bạch này

3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo

3.1 Các quy định chung về giao dịch

Thời gian giao dịch sau đợt phát hành lần đầu	: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ. Ngày giao dịch chính thức đầu tiên sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ.
Ngày Giao dịch	: Hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6. Trong trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao dịch gần nhất sau đó. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi có các ngày nghỉ Lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc bằng thư điện tử.
Giá Phát hành	: là mức giá mà Nhà Đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ để mua một Đơn vị Quỹ, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Chứng chỉ Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá Dịch vụ Phát hành (nếu có).
Giá Mua lại	: là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá Dịch vụ Mua lại (nếu có). Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa của Quỹ là năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch.
Giá Dịch vụ Phát hành	: Miễn phí (0%) cho tất cả các giao dịch.
Giá Dịch vụ Mua lại	: Theo thời gian nắm giữ: + Dưới 180 ngày: 1,5% + Từ ngày 181 đến ngày 364: 1% + Từ ngày 365 đến ngày 545: 0,5% + Từ ngày 546 trở lên: 0%

Giá Dịch vụ Chuyển đổi	: Miễn phí (0%) cho tất cả các giao dịch.
Giá dịch vụ chương trình SIP và chi phí rời SIP	: Miễn phí (0%) cho giá dịch vụ chương trình SIP Miễn phí (0%) cho chi phí rời SIP
Giá Dịch vụ Chuyển nhượng phí thương mại	: 300.000 VNĐ /lần chuyển nhượng (ba trăm nghìn đồng)
Giá trị/số lượng tối thiểu các lệnh giao dịch	: Giá trị mua tối thiểu: 100.0000 VNĐ (một trăm nghìn đồng). Số lượng đơn vị quỹ (CCQ) đăng ký bán tối thiểu: 05 đơn vị quỹ. Số lượng đơn vị quỹ (CCQ) đăng ký chuyển đổi tối thiểu: 01 đơn vị quỹ.
Số dư tài khoản tối thiểu	: Không áp dụng.
Thời điểm Đóng Sổ lệnh	: 14h30 ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T-1). Lệnh mua/ bán/ chuyển đổi chỉ được thực hiện nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận trước thời điểm đóng sổ lệnh của ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ tiếp tục có giá trị để thực hiện tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ kế tiếp. Trong trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý phân phối và các bên liên quan về lịch giao dịch cụ thể trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà Đầu tư	: Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Đại lý Chuyển nhượng của Quỹ sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư vào sổ chính và Nhà Đầu tư sẽ nhận được bản xác nhận kết quả giao dịch.
Thời hạn thanh toán tiền bán	: Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp Quỹ thanh toán cho Đại lý Ký danh thì Đại lý Ký danh sẽ có trách nhiệm thanh toán chi tiết đến từng Nhà Đầu tư theo thỏa thuận giữa Nhà Đầu tư và Đại lý Ký danh trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khoản thanh toán từ Công ty Quản lý Quỹ. Trường hợp tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ được thanh toán vào tài khoản khác do Nhà Đầu tư chỉ định, Nhà Đầu tư cần thực hiện đăng ký thay đổi thông tin với Đại lý Phân phối nơi Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch trước thời điểm chốt sổ lệnh tối thiểu một (01) ngày làm việc.
Tần suất giao dịch của Quỹ	: Hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6. Trong trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch gần nhất sau đó.
Phương thức giao dịch	: Nhà Đầu tư đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý Phân phối. Đối với Nhà Đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở cần mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối. Nhà Đầu tư cũng có thể đặt lệnh qua phương thức giao dịch điện tử tuân theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Nhà Đầu tư có thể đặt lệnh tại hơn một Đại lý Phân phối, tuy nhiên cần mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại lý Phân phối mà Nhà Đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản của Nhà Đầu tư tại các Đại lý Phân phối khác nhau được quản lý độc lập. Nhà Đầu tư có thể nộp các Phiếu lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho tài khoản mở tại một Đại lý Phân phối tại bất kỳ địa điểm nhận lệnh nào của Đại lý Phân phối đó.

Nhà Đầu tư có thể ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở, và phải điền thông tin người được ủy quyền vào “Đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở” và cung cấp Giấy ủy quyền hợp lệ. Người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi Nhà Đầu tư đăng ký lại người được ủy quyền tại Đại lý Phân phối.

Hủy lệnh giao dịch : Lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ chỉ được hủy trước Thời điểm Đóng Sở lệnh. Nhà Đầu tư thực hiện hủy lệnh tại Đại lý Phân phối mà Nhà Đầu tư đã đăng ký giao dịch.

Trong trường hợp Nhà Đầu tư hủy lệnh sau khi đã thực hiện chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ, số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản của Nhà Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.

Giao dịch Chuyển đổi Quỹ : Nhà Đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các Chứng chỉ Quỹ mở do Công ty Cổ phần quản lý quỹ Amber quản lý và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng.

Địa điểm phát hành và các Đại lý Phân phối : Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber được phát hành lần đầu thông qua các Đại lý Phân phối. Danh sách, địa chỉ các Điểm Nhận lệnh của Đại lý Phân phối được liệt kê tại Phụ lục 04 của Bản cáo bạch này.

3.2 Thực hiện mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở

- a) Công ty Quản lý Quỹ có quyền được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- (i) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; hoặc
- (ii) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu tư dẫn tới:
- Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư cho đến khi Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần Đơn vị Quỹ hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ này và Bản Cáo bạch; hoặc

- Giá trị Tài sản Ròng còn lại hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá trị Tài sản Ròng tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ này và Bản Cáo bạch; hoặc
 - Số lượng Đơn vị Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch;
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- b) Đối với việc thực hiện một phần lệnh bán/chuyển đổi theo quy định nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ, theo đó:
- (i) Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch trong một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch;
 - (ii) Phần còn lại của lệnh bán/chuyển đổi chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy;
- c) Chứng chỉ Quỹ cũng có thể bị tạm ngừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
- (i) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - (ii) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - (iii) Các sự kiện khác mà Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xét thấy là cần thiết.
- d) Công Ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt;
- e) Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công Ty Quản lý Quỹ thông báo cho Nhà Đầu tư tùy vào tình hình thực tế nhưng không quá chín mươi (90) ngày, kể từ Ngày tạm dừng Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ.
- f) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.
- g) Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa của quỹ là năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối theo từng thời kỳ.

3.3 Các hình thức tham gia vào quỹ

Nhà Đầu tư đặt lệnh giao dịch tại điểm nhận lệnh của Đại lý Phân phối hoặc đặt lệnh qua phương thức giao dịch điện tử.

a) *Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ*

- Giá trị mua tối thiểu mỗi lần giao dịch: 100.000 VNĐ (*một trăm nghìn đồng*).
- Lệnh mua được gửi tới Đại lý Phân phối kèm theo xác nhận việc Nhà Đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiền khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư được hưởng lợi. Phí dịch vụ chuyển tiền do Nhà Đầu Tư trả. Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ nhiều hơn số tiền ghi trên Lệnh mua và không thấp hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối căn cứ trên Lệnh mua đã đăng ký. Số tiền dư sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ chuyển trả (không có lãi) vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư hoặc sẽ tiếp tục được giữ lại để chờ yêu cầu giao dịch tiếp theo từ Nhà Đầu Tư.
- Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ nhỏ hơn số tiền ghi trên lệnh mua thì lệnh mua đó được coi là không hợp lệ.
- Nhà Đầu Tư chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về Phòng chống rửa tiền (PCRT) và quản lý ngoại hối liên quan đến giao dịch Chứng chỉ Quỹ và kiểm tra với ngân hàng của Nhà Đầu Tư. Công Ty Quản Lý Quỹ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào và Nhà Đầu Tư hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan đến việc ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản cho Nhà Đầu Tư từ chối các khoản thanh toán của Công Ty Quản Lý Quỹ/Quỹ ghi có vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, yêu cầu chứng minh dòng tiền/nguồn tiền, hoạt động chuyển vốn, lợi nhuận ra nước ngoài của Nhà Đầu Tư hay bất kỳ vấn đề nào khác liên quan đến việc tiền mua Chứng Chỉ Quỹ không được chuyển từ tài khoản của chính Nhà Đầu Tư (bao gồm cả việc thanh toán được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư, hoặc không được thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) theo quy định).
- Số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:
$$\text{Số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} * (1 - \text{Giá Dịch vụ Phát hành (\%)})}{NAV \text{ của Đơn vị Quỹ sử dụng tại Ngày Giao dịch}}$$
- Số lượng Đơn vị Quỹ có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư.
- Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ từ chối Lệnh mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch gần nhất. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

- **Các trường hợp mua không hợp lệ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ quỹ:**

- Lệnh mua được gửi tới Đại lý Phân phối sau Thời điểm Đóng Sổ lệnh;
- Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được Nhà đầu tư/Người được ủy quyền hợp lệ thanh toán trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh nhưng Nhà Đầu tư không ghi Phiếu lệnh mua Chứng chỉ Quỹ tại Đại lý Phân phối hoặc không đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ qua phương thức giao dịch điện tử;
- Đến Thời điểm Đóng Sổ lệnh, Quỹ không nhận được tiền thanh toán của Nhà Đầu tư hoặc tiền mua Chứng chỉ Quỹ đã được thanh toán vào tài khoản của Quỹ nhưng nội dung chuyển tiền không đúng với cú pháp theo hướng dẫn của Công ty Quản lý Quỹ;
- Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền đăng ký mua tối thiểu theo quy định;
- Lệnh giao dịch mua chứng chỉ quỹ bị Công Ty Quản Lý Quỹ từ chối thực hiện vì lý do đảm bảo tuân thủ quy định về PCRT hoặc theo hướng dẫn/yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Với trường hợp này, việc chuyển trả lại tiền mua chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư sẽ phụ thuộc vào từng tình huống phát sinh cụ thể.

Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ chỉ thị chuyển trả vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch gần nhất, trừ trường hợp số tiền này được đầu tư vào kỳ giao dịch tiếp theo của Quỹ theo yêu cầu của Nhà đầu tư gửi tới Công ty quản lý quỹ và được Công ty Quản Lý Quỹ xác nhận giữ lại tiền. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

b) Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ :

- Nhà Đầu tư đặt bán bằng số lượng Đơn vị Quỹ muốn bán.
- Số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu 1 lần giao dịch bán: 05 đơn vị quỹ.
- Số lượng Đơn vị Quỹ đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Số tiền Nhà Đầu tư nhận được được tính theo công thức sau:
$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \text{Số lượng Đơn vị Quỹ được mua lại} * \text{NAV của Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch} * (1 - \text{Giá Dịch vụ Mua lại (\%)}) - \text{thuế (nếu có)}$$
- Nhà Đầu tư nhận được tiền bán chứng chỉ quỹ sau khi trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).
- Lệnh bán có thể không thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Bản Cáo Bạch này.
- Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần thì quy định về số lượng tối thiểu của mỗi lần giao dịch không áp dụng.

- Tiền bán Chứng chỉ Quỹ được chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Số tiền bán Chứng chỉ Quỹ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị.
- Phí chuyển khoản sẽ được trừ vào số tiền bán Chứng chỉ Quỹ này. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ thuế thu nhập theo quy định của Pháp luật.

Trường hợp bán không hợp lệ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

- Lệnh bán được gửi tới Đại lý Phân phối sau Thời điểm Đóng Sổ lệnh.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ đang sở hữu.

c) Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ:

- Nhà Đầu tư có thể thực hiện lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ giữa các quỹ mở do Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Amber quản lý.
- Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới Đại lý Phân phối trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh.
- Nhà Đầu tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu. Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi không thấp hơn một (01) chứng chỉ quỹ.
- Nguyên tắc thực hiện lệnh chuyển đổi: Lệnh bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị chuyển đổi được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu. Các lệnh được thực hiện tại các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ của các quỹ tương ứng.
- Trong trường hợp chuyển đổi sẽ không áp dụng số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu cho mỗi lệnh mua ở quỹ mục tiêu. Nhà Đầu tư thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, phí chuyển tiền và thuế (nếu có) theo quy định mà không phải thanh toán Giá Dịch vụ Phát hành và Giá Dịch vụ Mua Lại trên số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi.
- Nhà Đầu tư sẽ nhận được xác nhận giao dịch của lệnh chuyển đổi trong vòng một (01) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu.
- Lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ quỹ.

Trường hợp chuyển đổi không hợp lệ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

- Lệnh chuyển đổi được gửi tới Đại lý Phân phối sau Thời điểm Đóng Sổ lệnh.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ đang sở hữu.

d) Chương trình đầu tư định kỳ

Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (sau đây gọi là “SIP”) là chương trình đầu tư có hệ thống trong một khoảng thời gian, cho phép Nhà Đầu Tư đầu tư một khoản tiền một cách thường xuyên định kỳ nhằm tối ưu hóa lợi nhuận thông qua tích lũy (hàng tháng hoặc hàng quý) để mua Chứng Chỉ Quỹ. Lợi ích mang lại cho Nhà đầu tư khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ như: tích lũy tài sản bền vững,

giảm thiểu rủi ro do biến động thị trường bằng bình quân giá các khoản đầu tư, rèn luyện kỷ luật tài chính và đặc biệt phù hợp với nhà đầu tư có thu nhập ổn định, mong muốn đầu tư an toàn và hiệu quả.

Phương thức tham gia

Thời gian tham gia tối thiểu: một (01) năm và có thể kéo dài không hạn định. Nhà đầu tư thanh toán liên tục hàng tháng hoặc hàng quý một khoản đầu tư cố định được đăng ký tại Đại lý Phân phối.

Số tiền tối thiểu: 100.000 VNĐ (một trăm nghìn đồng)/tháng hoặc 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng)/quý.

Ngày thực hiện giao dịch: Giao dịch mua Chứng chỉ quỹ sẽ được thực hiện tại ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất sau khi Quỹ nhận được tiền mua Chứng chỉ quỹ trong Chương trình đầu tư Định kỳ. Nhà đầu tư có thể chuyển tiền đầu tư Chương trình SIP vào bất kỳ ngày làm việc nào trong tháng hoặc trong quý.

Chương trình đầu tư định kỳ (SIP) được coi là chấm dứt khi:

- Nhà Đầu Tư thanh toán tiền mua Chứng chỉ quỹ không đúng hạn hoặc không liên tục hoặc không đúng số tiền đã đăng ký cho bất cứ lần thanh toán;
- Nhà Đầu Tư không tham gia tối thiểu 01 (một) năm;
- Nhà Đầu Tư đăng ký chuyển đổi sang một quỹ khác.

3.4 Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế ...)

- a. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại cho một tổ chức/cá nhân khác được thực hiện tại Đại lý Phân phối;
- b. Nhà Đầu Tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu đăng ký chuyển nhượng chứng chỉ quỹ và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý Phân phối trước Thời điểm Đóng Sở lệnh của ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- c. Giá Dịch vụ: 300.000 VNĐ/lần chuyển nhượng.
- d. Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

3.5 Một số lưu ý cho Nhà Đầu Tư nước ngoài

- Trước khi mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Nhà Đầu tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành.
- Nhà Đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài không cư trú phải thực hiện chuyển khoản từ chính Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (Tài khoản IICA) của Nhà Đầu tư mở tại Ngân hàng được phép theo quy định của pháp luật vào tài khoản của Quỹ đối với việc đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu tư phải nộp giấy xác nhận

từ Ngân hàng về việc mở Tài khoản IICA cho Đại Lý Phân Phối tại thời điểm đăng ký giao dịch Chứng Chi Quỹ Mở.

- Việc chuyển khoản mua Chứng Chi Quỹ của Nhà Đầu tư nước ngoài không cư trú được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài tài khoản IICA sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà Đầu tư nước ngoài không cư trú phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua Chứng Chi Quỹ không được chuyển khoản từ tài khoản IICA theo quy định của pháp luật.
- Nhà Đầu tư cá nhân, tổ chức nước ngoài là người cư trú có thể thực hiện chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng khác không phải là tài khoản IICA. Trường hợp việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu tư được hưởng lợi. Công ty Quản lý Quỹ khuyến nghị Nhà Đầu tư nước ngoài là người cư trú thực hiện chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng mang tên Nhà Đầu tư để tránh trường hợp gặp khó khăn khi rút và chuyển vốn ra nước ngoài.
- Nhà Đầu tư nước ngoài là người cư trú nếu thực hiện đăng ký tài khoản nhận tiền bán Chứng Chi Quỹ và thực hiện chuyển tiền mua Chứng Chi Quỹ từ tài khoản khác không phải tài khoản IICA cần cung cấp thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn tại Việt Nam cho Đại Lý Phân Phối tại thời điểm đăng ký giao dịch Chứng Chi Quỹ Mở và cập nhật các thay đổi (nếu có) trong thời hạn ngắn nhất. Trong thời gian Nhà Đầu tư này nắm giữ Chứng Chi Quỹ, nếu thẻ tạm trú hết hạn nhưng Nhà Đầu tư không cung cấp được thẻ tạm trú mới hoặc văn bản xác nhận gia hạn thời hạn tạm trú thì Nhà Đầu tư sẽ được coi là Nhà Đầu tư nước ngoài không cư trú và Công ty Quản lý Quỹ sẽ từ chối thực hiện các giao dịch trên tài khoản giao dịch Chứng Chi Quỹ Mở của Nhà Đầu tư cho đến khi Nhà Đầu tư cung cấp thẻ tạm trú mới hoặc văn bản xác nhận gia hạn thời hạn tạm trú hoặc giấy xác nhận ngân hàng về việc mở tài khoản IICA. Người được ủy quyền để đại diện giao dịch cho Nhà Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định của Bộ Tài Chính Hướng Dẫn Hoạt Động Nhà Đầu tư Nước Ngoài Trên Thị Trường Chứng Khoán Việt Nam.

4 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4.1 Tần suất xác định giá trị tài sản ròng: Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được xác định hàng ngày vào các Ngày Định giá. Ngày Định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp Ngày Định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định giá là Ngày Giao dịch gần nhất, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

4.2 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng:

- a) Giá trị Tài sản Ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản do Quỹ trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày trước Ngày Định giá. Tổng giá trị tài sản và tổng nợ của Quỹ được xác định theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
- b) Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo phương pháp định giá được phê duyệt bởi Ban Đại diện Quỹ theo từng thời điểm phù hợp với các quy định được áp dụng. Phương pháp xác

định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch và quy định nội bộ tại sổ tay định giá hoặc được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.

- c) Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều lệ và phù hợp với các quy định của UBCKNN. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác nhận Giá trị tài sản ròng thì Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác.
- d) Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định Giá trị Tài sản Ròng (bao gồm tổng nợ và tổng tài sản) của Quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, đảm bảo Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.

4.3 Công bố giá trị tài sản ròng:

- a. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà Đầu tư được thực hiện muộn nhất tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá đối với kỳ định giá ngày.
- b. Trong trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá trị Tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản ròng.
- c. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá trị Tài sản ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát (trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng ký xác nhận.
- d. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Giá trị Tài sản ròng của Quỹ giảm xuống dưới 30 tỷ đồng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 10 tỷ đồng trong vòng 6 tháng liên tục, Công ty Quản lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định

5 Thông tin hướng dẫn tham gia vào Quỹ đầu tư

Việc đầu tư vào Quỹ được thực hiện theo Quy trình và các hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định chi tiết tại Phụ lục 03 của Bản cáo bạch này.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Quỹ được Công ty Quản lý Quỹ công bố định kỳ theo quy định của Pháp luật. Báo cáo tài chính bán niên/ năm được soát xét/ kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập. Nhà Đầu tư có thể tham khảo báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ hoặc liên lạc trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ để nhận được bản sao báo cáo tài chính năm gần nhất.

2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ (cập nhật hằng năm)

Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ được công bố và cập nhật trong các báo cáo hoạt động định kỳ hàng tháng, quý, năm của Quỹ theo quy định của Pháp luật. Nhà Đầu tư có thể tham khảo báo cáo hoạt động định kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ hoặc liên lạc trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ để nhận được bản sao báo cáo hoạt động gần nhất của Quỹ.

3. Giá dịch vụ, phí và phân phối lợi nhuận

3.1 Các loại Giá dịch vụ do Nhà Đầu tư trả

- a. Giá Dịch vụ Phát hành (trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu, tại các lần giao dịch tiếp sau, khi tham gia chương trình Đầu tư định kỳ): miễn phí (0%) cho tất cả các giao dịch. Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch.
- b. Giá Dịch vụ Mua Lại:
 - + Dưới 180 ngày: 1,5%
 - + Từ ngày 181 đến ngày 364: 1%
 - + Từ ngày 365 đến ngày 545: 0,5%
 - + Từ ngày 546 trở lên: 0%Giá dịch vụ mua lại tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
- c. Giá dịch vụ Chuyển Đổi: miễn phí (0%) cho tất cả các giao dịch chuyển đổi. Giá dịch vụ chuyển đổi tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.
- d. Giá Dịch vụ Chuyển Nhượng phí thương mại: 300.000 VNĐ/lần chuyển nhượng.
- e. Thanh toán Giá dịch vụ: Các khoản Giá dịch vụ nêu trên sẽ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối. Phần thanh toán cho Đại lý Phân phối sẽ được tính trên Hợp Đồng Đại lý Phân phối được ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối. Ngân hàng Giám sát sẽ chuyển trả trực tiếp phần phí này cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối dựa trên kết quả tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan và chỉ thị thanh toán của Quỹ.
- f. Giá dịch vụ chương trình đầu tư định kỳ (SIP) và phí rời SIP: 0%.

3.2 Các loại Giá dịch vụ do Quỹ trả

- a. Giá dịch vụ quản lý Quỹ: Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ là 1,35% NAV/năm. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý Quỹ Amber để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber. Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý sẽ được Công ty Quản lý Quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng

Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ và giá các dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thông báo mức giá dịch vụ áp dụng khi có sự thay đổi với Ngân hàng Giám sát và thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ.

b. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng (chưa bao gồm VAT):

- Mức 1: 12.000.000 VNĐ/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần
- Mức 2: 10.000.000 VNĐ/tháng áp dụng cho khi Quỹ có tần suất giao dịch ≤ 02 phiên/tuần

(Trường hợp quỹ thay đổi tần suất giao dịch, mức giá dịch vụ mới sẽ được áp dụng từ tháng liền sau tháng thay đổi)

- c. Giá dịch vụ giám sát 0,02% NAV/năm chưa bao gồm thuế GTGT (Tối thiểu: 5.000.000 VNĐ/tháng).
- d. Giá dịch vụ lưu ký 0,05% NAV/năm (Tối thiểu: 15.000.000 VNĐ/tháng), Mức giá này chưa bao gồm phí dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch và thuế GTGT (nếu có).
- e. Các loại giá dịch vụ khác (giá dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, định giá ...): theo báo giá của các đơn vị cung cấp tại từng thời điểm, được phê duyệt bởi Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ.

3.3 Thuế

- a. Các loại thuế do Nhà Đầu tư trả và do Quỹ trả liên quan đến việc nhận cổ tức và bán các Đơn vị quỹ sẽ theo quy định của Pháp luật.
- b. Nhà Đầu tư trong quá trình mua/bán Chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của Pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

3.4 Các loại chi phí khác

- a. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- b. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- c. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư (không bao gồm chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ do Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối tự chi trả);
- d. Chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại diện;
- e. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- f. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- g. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư;
- h. Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ;
- i. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại diện Quỹ quyết định; phù hợp với quy định của pháp luật;
- j. Chi về bảo hiểm (nếu có);
- k. Phí nộp cơ quan quản lý khi xin chứng nhận IPO và chứng nhận đăng ký thành lập quỹ
- l. Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;

- m. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- n. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại lý Phân phối sau khi các giá trị này đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, đảm bảo tính chính xác theo quy định của Luật hiện hành.

4.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản chi phí sau thuế sau:

- a. Tỷ lệ chi phí hoạt động được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 100\%}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong năm}}$$

Giá trị Tài Sản ròng trung bình trong năm là Tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định giá chia cho số Ngày Định giá Chứng chỉ Quỹ trong năm.

- b. Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

4.2 Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

- a. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong năm}}$$

- b. Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\% \times 365}{2 \times \text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

5.1 Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

- Cổ tức
- Lãi trái phiếu
- Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi
- Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
- Các khoản thu nhập khác

5.2 Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber được quy định cụ thể như sau:

- Cổ tức Quỹ dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
- Công ty quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà Đầu Tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn 50 tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội nhà đầu tư chấp nhận.
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia cổ tức Quỹ khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của quỹ lớn hơn 50 tỷ đồng và thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ khác đến hạn.
- Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư.
- Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị Quỹ. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

5.3 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- a. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc Đơn vị Quỹ);
- b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- c. Giá trị lợi nhuận được phân chia; số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
- d. Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
- e. Các ảnh hưởng tác động đến Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi phân chia;
- f. Các yêu cầu khác theo quy định Pháp luật hiện hành.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Các báo cáo hoạt động của Quỹ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho Nhà Đầu tư tại văn phòng Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc tại các Đại lý Phân phối của Quỹ.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ, theo Điều lệ, Pháp luật và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu, quản lý một cách công bằng, minh bạch và liêm chính đối với tất cả các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý bằng cách:
 - 1.1. Tách bạch các chiến lược đầu tư và mục tiêu của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - 1.2. Tách bạch giữa tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với các tài sản của Quỹ và tài sản của Nhà Đầu tư ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; và
 - 1.3. Tách bạch tài sản giữa các Quỹ được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của các thành viên Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, thành viên ban kiểm soát, người giám sát tuân thủ, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên Công ty Quản lý Quỹ phải

được báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi giao dịch theo đúng quy định của pháp luật và quy chế quản trị nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Báo cáo cho Nhà đầu tư

Hàng tháng, quý, năm Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi thống kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, tài khoản phụ, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các báo cáo khác theo luật định cho Nhà đầu tư.

2. Báo cáo Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ sẽ công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các thông tin sau:

2.1 Điều lệ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên đã soát xét, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán.

2.2 Báo cáo hoạt động quản lý Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do UBCKNN quy định;

2.3 Báo cáo thống kê phí giao dịch của hoạt động đầu tư của Quỹ hàng năm và bán niên.

3. Báo cáo bất thường

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho Nhà Đầu tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quỹ phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sáp nhập Quỹ.

4. Hình thức gửi báo cáo

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho Nhà Đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của Nhà đầu tư. Các báo cáo sẽ được cung cấp tới các Đại lý Phân phối nếu có yêu cầu.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Nhà Đầu tư có thể liên hệ Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc các Đại lý Phân phối của Công ty Quản lý Quỹ để được giải đáp các thắc mắc liên quan tới Quỹ và hoạt động của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber

Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Hà Nội.

Điện thoại: 0243 938 6222

Fax: 0243 938 1222

Hoặc

Công ty cổ phần chứng khoán Finhay

Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 Phố Kim Mã, Phường Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 6687 8996

Danh sách các Đại lý Phân phối mới (nếu có) của Quỹ sẽ được cập nhật kịp thời trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục 1: Điều lệ Quỹ tóm tắt
2. Phụ lục 2: Nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng
3. Phụ lục 3: Quy trình và các hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ Quỹ
4. Phụ lục 4: Danh sách các Đại lý Phân phối và Điểm nhận Lệnh
5. Phụ lục 5: Biểu mẫu đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ
6. Phụ lục 6: Điều lệ Quỹ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Nghiêm Phương Nhi

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



Tăng Minh Vương

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường

PHỤ LỤC 01

TÓM TẮT NỘI DUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều lệ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (AEIF) gồm 15 chương, 69 điều và 04 Phụ lục, gồm những nội dung chính sau:

I. Chương I. Các điều khoản chung:

Chương này gồm 7 Điều, từ Điều 1 đến Điều 7, cung cấp các thông tin liên quan đến tên Quỹ và địa chỉ liên hệ, thời gian hoạt động, nguyên tắc tổ chức của Quỹ, tổng số vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán, đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ, các thông tin về Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Trong đó có các nội dung chính sau:

1. Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber là Quỹ đại chúng dạng mở. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và thực thi các quyền hạn khác nhau theo Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ do Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng Giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.
3. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.
4. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (*bằng chữ: năm mươi tỷ đồng*), số vốn này được chia thành 5.000.000 (*năm triệu*) Đơn vị Quỹ.
5. Mệnh giá của một Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng*).
6. Giá trị của một Đơn vị Quỹ tại một thời điểm nhất định bằng Giá trị Tài sản Ròng chia cho tổng số Đơn vị Quỹ tại thời điểm đó.

II. Chương II. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

Chương này gồm 5 Điều, từ Điều 8 đến Điều 12, cung cấp các thông tin liên quan đến mục tiêu, chiến lược, hạn chế đầu tư, các quy định về hoạt động cho vay, vay, giao dịch ký quỹ, phương pháp lựa chọn đầu tư.

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận và tối ưu mức sinh lời trong dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư linh hoạt và hiệu quả vào cổ phiếu của các công ty có mô hình kinh doanh bền vững và triển vọng tăng trưởng cao, cũng như các loại tài sản có định giá hấp dẫn theo đúng quy định hiện hành của pháp luật..

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Quỹ đầu tư tập trung đầu tư cổ phiếu chọn lọc, ưu tiên các công ty có triển vọng tăng trưởng giá trị bền vững trong trung và dài hạn, bên cạnh việc nắm giữ một phần các tài sản thu nhập cố định để cân bằng rủi ro.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào những ngành nghề hiện có và được giao dịch trên Thị trường Chứng khoán với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

- b) Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định Pháp luật hiện hành tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại mục này phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ.
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Hạn chế đầu tư của Quỹ

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư vào quá 20% tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- e) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ; trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán.
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điểm b, d, e và f khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;

- g) Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;
 - h) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ đó;
 - i) Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty Quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ; theo quy định.
 - j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
 - k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành.
2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư do các nguyên nhân theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định.
4. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của Pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.
5. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a, b, Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào;
2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày;
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán;
4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính Phủ theo quy định của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính Phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đưa ra các phương pháp lựa chọn đầu tư tại Điều 12 Điều lệ Quỹ, phù hợp với loại tài sản, tuân thủ các quy định tại Điều 8, 9, 10, 11 Điều lệ Quỹ, các quy định khác tại Điều lệ Quỹ và các quy định của Pháp luật.

III. Chương III. Nhà Đầu tư, Sổ đăng ký Nhà Đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Chương này gồm 8 Điều, từ Điều 13 đến Điều 20, cung cấp các quy định về Nhà Đầu tư; quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư; Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư; Giao dịch Chứng chỉ Quỹ; mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; Giá Phát hành, Giá Mua lại; thừa kế Chứng chỉ Quỹ và giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ, trong đó các nội dung chính sau:

Điều 13. Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu Chứng chỉ Quỹ. Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu tư tổ chức ký.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư

Nhà Đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;

2. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của Quỹ;
3. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
4. Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
5. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư
6. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
7. Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
8. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
9. Quyền và nghĩa vụ tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
10. Tuân thủ Điều lệ Quỹ;
11. Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
12. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.

Điều 15. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư chính (sổ chính) hoặc Đại lý Ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản Ký danh.
3. Thông tin về Nhà Đầu tư tại Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.
4. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư được lưu trữ tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch lần đầu trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ và được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch.
2. Tần suất giao dịch của Quỹ: Hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6 ("Ngày Giao dịch"). Trong trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch gần nhất sau đó. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan về lịch giao dịch cụ thể trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản

Công ty Quản lý Quỹ có quyền được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của Nhà Đầu tư, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong các trường hợp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 18. Giá Phát hành, Giá Mua lại Chứng chỉ Quỹ

1. Giá bán/ Giá phát hành một đơn vị quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng, tức là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán cho Quỹ, bằng 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng) cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).

2. Giá bán/ Giá phát hành một đơn vị quỹ cho các lần tiếp theo, là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ, bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).
3. Giá mua lại một đơn vị Quỹ, là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.

Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trong trường hợp Quỹ bị thua lỗ, khoản lỗ sẽ được dồn sang năm sau để tính lợi nhuận lũy kế. Nhà Đầu Tư có thể thực hiện bán lại Chứng Chỉ Quỹ (nếu có nhu cầu).

IV. Chương IV. Đại hội Nhà Đầu tư

Chương này gồm 6 Điều, từ Điều 21 đến Điều 26, cung cấp các quy định về Đại hội Nhà Đầu tư, Đại hội Nhà Đầu tư bất thường; Thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư; Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Nhà Đầu tư; Nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản và phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Các nội dung chính như sau:

Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư

1. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp có tên trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
3. Đại hội Nhà Đầu Tư do Công ty Quản Lý Quỹ triệu tập. Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được triệu tập họp thường niên hoặc bất thường. Trừ trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ Quỹ, việc họp Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư trong các trường hợp sau:

1. Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
2. Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ Quỹ;
3. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 23. Thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;

3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn Tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm toán cho các Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban Đại diện Quỹ gây tổn thất cho quỹ;
7. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.

Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội Nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ Quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.
5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
6. Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà đầu tư.
7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
8. Công ty Quản lý quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị Quyết của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà đầu tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 25. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản

Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, nguyên tắc, trình tự, thủ tục, trình tự lấy ý kiến Nhà Đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 26. Phân đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư phân đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư về một số các nội dung quy định tại khoản 2, 3 Điều 23 Điều lệ Quỹ có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang Quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư phân đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức Giá Mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu tư và Nhà Đầu tư không phải thanh toán Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi.

V. Chương V. Ban Đại diện Quỹ

Chương này gồm 7 Điều, từ Điều 27 đến Điều 33, cung cấp các quy định về Ban Đại diện Quỹ; Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ; Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ; Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ; Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ; Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ; và cuộc họp Ban Đại diện Quỹ. Các nội dung chính như sau:

Điều 27: Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có 03 thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được Nhà Đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại diện Quỹ phải tuân thủ quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật.

2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban Đại diện Quỹ là các thành viên độc lập.

3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:

- a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
- b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại diện Quỹ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Quỹ và không nhất thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ ;
- c) Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

3. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại diện Quỹ:

- a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
- b) Là thành viên của trên năm (05) Ban Đại diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;
2. Phê duyệt số tay định giá Giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ) và/hoặc các giao dịch khác mà cần phải có sự phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định pháp luật.
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
5. Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;
6. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, mức độ cần trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ;
7. Giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với các quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan;
8. Phê chuẩn các giao dịch của Quỹ với Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát phù hợp với quy định của pháp luật;
9. Kiến nghị những thay đổi đối với chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ để Đại hội Nhà đầu tư quyết định;
10. Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Quỹ, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng định hướng hoạt động đầu tư của Quỹ định kỳ hàng quý, hàng năm;
11. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 30. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà Đầu tư bầu chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội Nhà Đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại diện Quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại diện Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban Đại diện Quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời

thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

5. Ban Đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Ban Đại diện Quỹ bị giảm quá một phần ba ($1/3$) so với số quy định tại Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, Ban Đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá $1/3$.
 - b) Số lượng thành viên độc lập Ban Đại diện Quỹ giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này, Đại hội Nhà Đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một người trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất.

Điều 33. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần hoặc theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba ($2/3$) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số, trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
3. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
4. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.
5. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban Đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán nhưng không vượt quá tổng ngân sách hoạt động trong năm của Ban đại diện Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

VI. Chương VI. Công ty quản lý quỹ

Chương này gồm 4 Điều, từ Điều 34 đến Điều 37, cung cấp các quy định về Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ (CTQLQ); Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ; Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ và Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
2. Không phải là người có liên quan với Ngân hàng Giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
4. Được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ:

- a) Tuân thủ các quy định của Điều lệ Quỹ và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
- b) Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;
- c) Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
- d) Phân công tối thiểu 02 người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch;
- e) Ký các Hợp đồng Giám sát với Ngân hàng Giám sát trong đó có các điều khoản chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc quản lý tài sản của Quỹ;
- f) Ký các Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư (nếu có), dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ ủy quyền khác theo quy định của pháp luật với tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác, khách hàng ủy thác khác mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ; đảm bảo sự tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động quản lý quỹ cho Quỹ với các hoạt động đầu tư tài chính của Công ty Quản lý Quỹ;
- g) Phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác;
- h) Trong trường hợp trong ngày Công ty Quản lý Quỹ mua hoặc bán cùng một loại tài sản cho Quỹ và cho chính Công ty Quản lý Quỹ thì việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo thứ tự ưu tiên theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
- i) Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện sau khi được chấp thuận bởi Ban đại diện Quỹ về loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;
- j) Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ; lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư (Sổ chính) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Việc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được thực hiện theo các nguyên tắc và trên cơ sở hợp đồng theo các quy định của pháp luật;
- k) Đảm bảo tất cả các giao dịch chứng khoán của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung phù hợp với quy định của pháp luật;
- l) Đảm bảo rằng khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty Quản lý Quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí/giá dịch vụ quy định trong Điều lệ này;
- m) Thực hiện các quyền liên quan đến tài sản của Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành; thay mặt Quỹ, thực hiện thanh toán các khoản phí và chi phí hợp lý hợp lệ của Quỹ;

- n) Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện sai lệch, thông báo cho Công ty quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư và không được thu giá dịch vụ quản lý đối với phần danh mục không phù hợp với chính sách đầu tư và các tổn thất. Trường hợp giao dịch này phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;
 - o) Tổ chức các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện các công việc hành chính khác có liên quan để đảm bảo hoạt động của Quỹ diễn ra thông suốt;
 - p) Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - q) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác của Quỹ và gửi các báo cáo đó đến Ban Đại diện Quỹ, các Nhà đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - r) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
 - s) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối chứng chỉ quy cần phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử;
 - t) Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử; cũng như các quy định pháp lý áp dụng đối với hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
 - u) Các nghĩa vụ cần phải tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:
- a) Lựa chọn Ngân hàng Giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 37 Điều lệ Quỹ.
 - b) Được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động Quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan đến việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu tư vào Quỹ;
 - c) Được hưởng các khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - d) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà Đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - e) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của quỹ theo quy định của Pháp luật;
 - f) Khi thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà quỹ là cổ đông, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền thực hiện, phải bảo đảm ý kiến biểu quyết của mình là không gây bất kì ảnh hưởng nào tới quyết định mà các cổ đông khác tham gia biểu quyết thông qua theo quy định của Pháp luật;
 - g) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với các Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ;
 - h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - i) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư;
 - j) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác của Pháp luật.
 - k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Nhà Đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền, nghĩa vụ đối với Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định thay thế Công ty Quản lý Quỹ.
3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, Công ty Quản lý Quỹ thay thế gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai Công ty Quản lý Quỹ. Biên bản phải được Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát xác nhận.
4. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay đối với Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng lưu ký của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng lưu ký và ngược lại.
2. Công ty Quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý.
3. Công ty Quản lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ chỉ được là đối tác mua, bán các tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
4. Thành viên HĐQT, Ban điều hành, mọi nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao nào, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại Giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

VII. Chương VII. Ngân hàng Giám sát

Chương này gồm 4 Điều, từ Điều 38 đến Điều 41, cung cấp các quy định về Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát; Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát; Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát và Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát.

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại, có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
2. Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
3. Phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng Giám sát, Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại.

4. Ngân hàng Giám sát, Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.

5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

- a) Luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu tư Quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng Giám sát và Điều lệ Quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các Quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- l) Đảm bảo duy trì số lượng nhân viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn để cung ứng dịch vụ, duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, hệ thống kỹ thuật đầy đủ theo quy định của pháp luật chứng khoán của Việt Nam;
- m) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền lập theo quy định của Pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng Giám sát;
- n) Ngân hàng Giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát;
- o) Không được nhận một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng Giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba;
- p) Ngân hàng Giám sát phải tuân thủ mọi cam kết tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 Điều lệ quỹ và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát

- a) Hưởng các khoản thanh toán phí/giá dịch vụ cho dịch vụ lưu ký và giám sát tài sản Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát và phù hợp với các quy định của Pháp luật;
- b) Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết;
- c) Được quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật;
- d) Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và quy định tại Hợp đồng Giám sát.

Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát.
2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
4. Ngân hàng Giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý Quỹ.
5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát liên đới cùng với Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho Ngân hàng Giám sát khác theo quy định pháp luật.
2. Trường hợp thay đổi Ngân hàng Giám sát, Quỹ thông qua Công ty Quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Ngân hàng Giám sát thay thế. Ngân hàng Giám sát thay thế phải lập và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao giữa hai Ngân hàng Giám sát có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ.

VIII. Chương VIII. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Chương này gồm 5 Điều, từ Điều 42 đến Điều 46, cung cấp các quy định về các hoạt động được ủy quyền; tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan; Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan; Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ với hoạt động đã ủy quyền và Chấm dứt hoạt động ủy quyền.

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng Quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật có liên quan.
2. Các hoạt động được ủy quyền bao gồm:
 - a) Dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư;
 - b) Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng;
 - c) Các hoạt động khác (khi phát sinh) theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và được phép cung cấp các dịch vụ liên quan theo quy định; Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.
2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền
Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mình thực hiện.
2. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động nhận ủy quyền.
3. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ.
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
4. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
7. Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền trong các trường hợp theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của các tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty

Quản lý Quỹ chỉ định phù hợp Với quy định của Pháp luật và hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Tổ chức nhận ủy quyền bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ.

IX. Chương IX. Đại lý Phân phối

Chương này gồm 3 Điều, từ Điều 47 đến Điều 49, cung cấp các quy định về Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ; Hoạt động của Đại lý Phân phối và Quyền và nghĩa vụ của đại lý phân phối.

Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ

1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với Công ty Quản lý Quỹ.
2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại:
 - a) Không được làm đại lý ký danh;
 - b) Phải tách bạch việc phân phối Chứng chỉ Quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - c) Chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.
3. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Trường hợp Đại lý Phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của Đại lý Phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
4. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, công ty phải bảo đảm các nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.
5. Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

Điều 48. Hoạt động của Đại lý Phân phối, Đại lý ký danh

1. Hoạt động của Đại lý Phân phối bao gồm:
 - a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố;
 - b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư; Đại lý Phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu theo quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được Đại lý Phân phối lưu trữ

theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời, phải đảm bảo ghi nhận đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời Điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử khác thì phải tuân thủ lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

- c) Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
 - d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu tư; cung cấp cho Nhà Đầu tư Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;
 - e) Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu tư;
 - f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.
2. Đại lý Ký danh chỉ được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối

- 1. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu tư.
- 2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, để gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm Quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các Quỹ để Nhà Đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các Quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu tư.
- 5. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- 6. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào, không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Đại lý Phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi Nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý Phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật

không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý Phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.

7. Đại lý Phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Đại lý Phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.
8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.
9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.
10. Phương tiện để Đại lý Phân phối thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.
11. Khi thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo theo quy định tại Khoản 11 Điều 49 Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
12. Công ty Quản lý Quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại lý Phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý Phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại lý Phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý Phân phối.

X. Chương X. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

Chương này gồm 5 Điều, từ Điều 50 đến Điều 54, cung cấp các quy định về Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán; năm tài chính; chế độ kế toán; Báo cáo tài chính và Báo cáo khác.

Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất các tổ chức kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
2. Tổ chức Kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 51. Năm Tài chính

1. Năm Tài chính có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam cho Quỹ mở và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 53. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của quỹ.
2. Báo cáo tài chính năm sẽ được kiểm toán hàng năm, báo cáo tài chính bán niên sẽ được soát xét bán niên bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.
3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng Giám sát, Ban Đại diện Quỹ và và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 54. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của quỹ.

XI. Chương XI. Giá trị tài sản ròng của quỹ

Chương này gồm 5 Điều, từ Điều 55 đến Điều 58, cung cấp các quy định về Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, phương pháp, quy trình xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư và Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn tổ chức báo giá.

Điều 55. Xác định Giá trị Tài sản Ròng

1. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
2. Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc do tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng Giám sát về việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ đồng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong vòng sáu (06) tháng liên tục, Công ty quản lý quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định.
4. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được xác định vào Ngày định giá. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà Đầu tư được thực hiện muộn nhất tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá đối với kỳ định giá ngày.
5. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật.
6. Giá trị Tài sản Ròng của một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán quỹ mở. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào quỹ.

Điều 56. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 Điều lệ Quỹ.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư giao dịch Chứng chỉ Quỹ khi định giá sai Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, với các mức sai lệch đạt từ 1% Giá trị Tài sản Ròng trở lên.
2. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Quỹ sẽ không đền bù cho những Nhà đầu tư chịu thiệt hại ít hơn một trăm ngàn (100.000) đồng nhưng toàn bộ phần thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ phải được đưa vào thu nhập của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư quyết định khác.

Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Nguyên tắc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá
 - a) Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn danh sách tổ chức cung cấp báo giá (tối thiểu gồm ba (03) tổ chức);
 - b) Danh sách tổ chức cung cấp báo giá do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ thông qua.
2. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a) Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
 - b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
 - c) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.

XII. Chương XII. Thu thập và phân phối lợi nhuận

Chương này gồm 3 Điều, từ Điều 59 đến Điều 61, cung cấp các quy định về Thu nhập của quỹ và Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận.

Điều 59. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức
2. Lãi trái phiếu
3. Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi
4. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
5. Các khoản thu nhập khác.

Điều 60. Phân phối lợi nhuận của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ và đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua. Tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của pháp luật.
2. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ.
3. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.
4. Chỉ những Nhà Đầu tư được ghi trong danh sách Nhà Đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
5. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ theo quy định.

Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Trong mọi trường hợp, tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.
2. Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ:

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,35%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý quỹ} = 1,35\% * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$

3. Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại Ngày định giá.

Giá dịch vụ giám sát là 0,02%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi/ tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 15 triệu đồng mỗi/ tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ lưu ký/giám sát} = \text{Mức giá áp dụng} * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$

4. Giá dịch vụ quản trị quỹ (nếu có) được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = \text{Mức giá áp dụng} * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

5. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng (chưa bao gồm VAT) là:

- a) Mức 1: 12.000.000 VNĐ/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần.
- b) Mức 2: 10.000.000 VNĐ/tháng áp dụng cho khi Quỹ có tần suất giao dịch ≤ 02 phiên/tuần.

(Trường hợp quỹ thay đổi tần suất giao dịch, mức giá dịch vụ mới sẽ được áp dụng từ tháng liền sau tháng thay đổi)

- 6. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
- 7. Chi phí trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.
- 8. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.
- 9. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.
- 10. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
- 11. Phí nộp cho cơ quan quản lý để xin cấp giấy phép cho quỹ.
- 12. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.
- 13. Thuế đánh trên các phí và các loại lệ phí khác.

14. Quỹ sẽ thanh toán các khoản Giá dịch vụ quản lý quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng Giám sát Giá dịch vụ quản trị quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế và phí (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại giá dịch vụ nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

XIII. Chương XIII. Tái cơ cấu quỹ

Chương này gồm 3 Điều từ Điều 62 đến Điều 64, quy định về Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập; Các điều kiện chia, tách quỹ và Các điều kiện giải thể Quỹ.

Điều 62. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 63. Chia, tách Quỹ

1. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc chia, tách quỹ theo quy định.
2. Ngày chia, tách quỹ là ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định chia, tách quỹ. Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 64. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ.
2. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật.

XIV. Chương XIV. Giải quyết các xung đột về lợi ích

Chương này gồm 1 điều là Điều 65, quy định về Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải:

1. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
4. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XV. Chương XV. Công bố thông tin và sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chương này gồm 4 Điều, từ Điều 66 đến Điều 69, cung cấp các quy định về Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Đăng ký Điều lệ và Điều khoản thi hành. Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Đăng Ký Lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Điều Lệ Quỹ có 04 Phụ lục:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ

PHỤ LỤC 02

NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

I. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Ngày định giá theo quy định pháp luật.

Ngay sau khi Ngân hàng Giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ

2.1. Giá trị Tài sản Ròng (NAV): được xác định bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi Tổng nợ phải trả có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, giá dịch vụ định giá, ...) tại ngày trước Ngày định giá.

Tại Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền sẽ tiến hành việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ theo các nguyên tắc sau đây:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá niêm yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá cộng lãi lũy kế ; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá hoặc có giao dịch có sự biến động

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		lớn (*), phương pháp xác định giá là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. Trường hợp Trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện để niêm yết thì giá Trái phiếu được tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế. Ghi chú (*) Giao dịch có sự biến động lớn được hiểu như sau: - Đối với Trái phiếu chính phủ: Giá thị trường có lãi suất chiết khấu vượt quá giới hạn chênh lệch so với lãi suất tiêu chuẩn kỳ hạn tương ứng là 0,5% trở lên (Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính, nếu không có sẵn thì là Lãi suất được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở lãi suất trung thầu gần nhất của kỳ hạn cận dưới (ngắn hơn liền kề) và kỳ hạn cận trên (dài hơn liền kề)); - Đối với Trái phiếu doanh nghiệp: Giá thị trường (giá sạch) tăng/giảm từ 1% trở lên so với giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá gần nhất hoặc giá sạch khi mua về cộng lãi lũy kế nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá ; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. + Giá trị sổ sách.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. + Giá trị sổ sách.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	- Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

❖ Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.
- Trong các tình huống phát sinh khác không thể xác định được phương thức định giá thì sẽ được áp dụng theo phương pháp được Ban Đại diện quỹ phê duyệt.

2.2. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

2.3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

2.4. Giá trị Tài sản Ròng của một Đơn vị quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

2.5. Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

II. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Vào Ngày Định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ các theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Sổ tay định giá này.
2. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ được chuyển cho Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
3. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Trong ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Phân phối hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác cho Nhà Đầu tư muộn nhất tại ngày làm việc tiếp theo sau ngày định giá.

PHỤ LỤC 03

QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Bước 1: Mở tài khoản

Đối với Nhà Đầu tư lần đầu thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập, Nhà Đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ bằng cách điền vào “Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở” và/hoặc đăng ký giao dịch trực tuyến và nộp cho Đại lý Phân phối và cung cấp các giấy tờ cần thiết theo hướng dẫn của Đại lý Phân phối;

2. Bước 2: Đăng ký giao dịch

Nhà Đầu tư điền thông tin vào Phiếu Lệnh Mua/Bán/Hủy/Chuyển Đổi Chứng Chỉ Quỹ, Giấy đăng ký Chuyển nhượng/tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP), Phiếu thay đổi chi tiết thông tin đăng ký của Nhà đầu tư bằng cách điền vào các phiếu tương ứng theo mẫu tại được công bố tại website và nộp cho Đại lý Phân phối.

3. Bước 3: Nộp tiền đối với lệnh mua Chứng chỉ Quỹ

Nhà Đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Số tài khoản của Quỹ sẽ được Đại lý Phân phối cung cấp cho Nhà Đầu Tư. Nội dung chuyển khoản của Nhà Đầu tư cần theo đúng yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ.

4. Bước 4: Đại lý Phân phối kiểm tra

Đại lý Phân phối tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của hồ sơ và các thông tin ghi trên phiếu lệnh, và có thể yêu cầu Nhà Đầu tư bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ/thông tin theo đúng quy định.

5. Bước 5: Chuyển thông tin lên Đại Lý Chuyển nhượng

Đại lý Phân phối chuyển thông tin về lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Đại lý Chuyển nhượng.

6. Bước 6: Khớp lệnh & phân bổ

Đại lý Chuyển Nhượng tổng hợp lệnh giao dịch và phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư đối với các lệnh hợp lệ.

7. Bước 7: Thông báo Kết quả Giao dịch

Kết quả giao dịch sẽ được thông báo đến Nhà Đầu tư trong vòng một (01) ngày kể từ Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ.

8. Bước 8: Thanh toán tiền bán

Tiền bán chứng khoán sẽ được thanh toán vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu tư trong vòng năm (05) ngày sau Ngày Giao Dịch.

PHỤ LỤC 04
DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH

1. Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 39/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 10 năm 2008.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội.

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024 3 9386222 Fax: 024 3 9381222

Website: <http://ambercapital.vn>

Chương trình, ứng dụng của đại lý phân phối: Amber Capital

2. Công ty cổ phần chứng khoán Finhay

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103015219 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 702, tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, Phường Ba Đình, Hà Nội.

Giấy phép hoạt động kinh doanh số 50/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Phòng 702, tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, Phường Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 024 6687 8996

Email: hello@finhay.com.vn

Website: <https://www.finhay.com.vn>

Chương trình, ứng dụng của đại lý phân phối: Finhay

PHỤ LỤC 05
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các biểu mẫu đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ được nêu cụ thể dưới đây. Nội dung chi tiết biểu mẫu được đăng tải và cập nhật thường xuyên khi có thay đổi tại địa chỉ website: ambercapital.vn và tại các điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ. Các biểu mẫu được cập nhật lên website của Công ty Quản lý Quỹ trước ít nhất 03 (ba) ngày kể từ ngày chính thức áp dụng.

1. Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở và đăng ký dịch vụ giao dịch trực tuyến
2. Phiếu lệnh mua
3. Phiếu lệnh bán
4. Phiếu lệnh chuyển đổi
5. Phiếu hủy lệnh giao dịch
6. Đăng ký chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ mở
7. Đăng ký tham gia chương trình đầu tư định kỳ (SIP)
8. Phiếu thay đổi chi tiết đăng ký nhà đầu tư



GIẤY ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN CHO NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN

APPLICATION FORM FOR OPEN-ENDED FUND TRADING ACCOUNT OPENING AND ONLINE TRADING SERVICE REGISTRATION FOR INDIVIDUAL INVESTORS

(Không nhận nhà đầu tư có yếu tố Mỹ/ Not accepting American investors)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

INVESTOR INFORMATION

Họ và tên Nhà Đầu Tư: Full name of investor		Quốc tịch: Nationality	
Mã số thuế: Vietnamese Tax ID			
Số CCCD/Hộ chiếu: ID/Passport		Ngày cấp: Issuing date	
Nơi cấp: Issuing place			
Ngày, tháng, năm sinh: Date of birth		Giới tính: Gender	
		☐ Nam Male ☐ Nữ Female	
Thông tin liên hệ và đăng ký giao dịch trực tuyến/ Contact information and registration for online trading service	Điện thoại di động/ Mobile phone		
	Địa chỉ email/ Email address		
	Địa chỉ thường trú/ Residential address		
	Địa chỉ liên lạc/ Mailing address		

II. KHẢO SÁT KHÁCH HÀNG

CLIENT SURVEY

1. Nguồn tiền đầu tư/ Source of funds				
☐ Tiền lương Salary	☐ Tiền gửi NH Deposit	☐ Thừa kế Inheritance	☐ Bất động sản Real-estate	☐ Nguồn khác Others
2. Mức thu nhập bình quân hàng tháng của anh/chị nằm trong khoảng nào? / What is your average monthly income range?				
☐ Dưới 10 triệu VND Under 10 million VND	☐ 10-30 triệu VND 10-30 million VND	☐ 30-70 triệu VND 30-70 million VND	☐ 70-100 triệu VND 70-100 million VND	☐ Trên 100 triệu VND Over 100 million VND
3. Trong 1-3 năm tới, anh/chị dự kiến có thể dành bao nhiêu mỗi tháng để tiết kiệm hoặc đầu tư? / In the next 1-3 years, how much do you expect to allocate monthly for savings or investment?				
☐ Dưới 2 triệu VND Under 2 million VND	☐ 2 - 5 triệu VND 2 - 5 million VND	☐ 5 - 15 triệu VND 5 - 15 million VND	☐ Trên 15 triệu VND Over 15 million VND	☐ Không đều - phụ thuộc thu nhập từng thời điểm Irregular - depends on income at each time
4. Mục tiêu chính của anh/chị khi đầu tư là gì? / What is your primary investment goal?				
☐ Bảo toàn vốn và sinh lời ổn định, an toàn Capital preservation and steady, safe returns		☐ Tăng trưởng tài sản trung - dài hạn vượt trội Superior medium-to-long term asset growth		
☐ Tích lũy cho các kế hoạch dòng tiền cụ thể (mua nhà, học phí, hưu trí...) Saving for specific cash flow plans (house purchase, tuition, retirement...)		☐ Khác Others		

III. THÔNG TIN TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG NHẬN TIỀN BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ, CỔ TỨC

BANK ACCOUNT DETAIL FOR RECEIVING SALES PROCEEDS, DIVIDEND

Tên chủ tài khoản ngân hàng: Bank account holder

Số tài khoản Bank account number	
Tên ngân hàng Bank name	Chi nhánh Branch

IV. NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG LỢI (NẾU CÓ) / BENEFICIARY (IF ANY)

Người được hưởng lợi là cá nhân không đứng danh chủ sở hữu tài sản nhưng có đầy đủ các quyền đối với tài sản đó.
The economic beneficiary is an individual investor who is NOT the owner of this investment but has full rights for this investment.

Tên đầy đủ Full name			
Số CCCD/Hộ chiếu ID/Passport number	Ngày cấp Issuing date		
Nơi cấp Issuing place			
Ngày tháng năm sinh Date of birth	Giới tính Gender	☐ Nam Male	☐ Nữ Female
Điện thoại liên lạc Phone number			
Địa chỉ email Email address			
Địa chỉ liên lạc Mailing address			

V. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOA KỲ (CHO MỤC ĐÍCH TUÂN THỦ FATCA) INFORMATION RELATED TO UNITED STATES (FOR FATCA COMPLIANCE)

Nhà Đầu tư có trách nhiệm tự xác định tình trạng FATCA của mình. DLPP không trực tiếp cung cấp hoặc không khai về tình trạng FATCA.
(Investor is responsible for determining his/her own FATCA status. Distributor does not advise what Investor's FATCA status is or should be).

☐ (a) Nhà Đầu tư là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ (1) hoặc là đối tượng phải khai thuế tại Hoa Kỳ.
(Investor is a United States (US) citizen, resident, or taxpayer under the US law)

☐ (b) Nhà Đầu tư không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú hoặc người đóng thuế theo luật Hoa Kỳ và có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ (2) (Investor is a non-US citizen or resident or taxpayer under the US law and Investor has indicia of US status)

☐ (c) Nhà Đầu tư không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú hoặc người đóng thuế theo luật Hoa Kỳ và không có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ (Investor is a non-US citizen or resident or taxpayer under the US law and Investor doesn't have indicia of US status)

(1) Là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ. Đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ bao gồm đối tượng có thể vắng mặt hoặc người lưu trú tại Hoa Kỳ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong giai đoạn 3 năm bao gồm năm hiện tại và 2 năm liền kề trước đó; A US resident includes either a permanent resident card ("green card") holder or someone who was physically present in the US for at least 31 days during the current year and 183 days during the 3-year period that includes the current year and two previous years.

(2) Có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ. Nhà Đầu tư có một trong các dấu hiệu sau: nơi sinh tại Hoa Kỳ, địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ, số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ, có định kỳ chuyển khoản vào một tài khoản tại Hoa Kỳ này, định kỳ nhận tiền từ một tài khoản tại Hoa Kỳ, có ủy quyền con mình hoặc một đối tượng có địa chỉ tại Hoa Kỳ, có địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ cư trú tại Hoa Kỳ. Indicia of US status include one of the following: US birth place, US residence address or US correspondence address, US telephone number, Standing instructions to transfer funds or receive funds from (any) account(s) maintained in the US, A Power of Attorney or signatory authority granted to a person with a US address, An "in care of" address or "hold mail" address in the US.

Trong trường hợp Nhà Đầu tư tích chọn (a) hoặc (b), Nhà Đầu tư cam kết cung cấp toàn bộ tài liệu FATCA, bao gồm mẫu đơn W-9 hoặc W-8BEN và/hoặc các tài liệu chứng minh theo yêu cầu của DLPP trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chung Chủ Quỹ Mở và Đăng Ký Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến. Trường hợp Nhà Đầu tư từ chối không trả lời và/hoặc không cung cấp tài liệu FATCA trong vòng 90 ngày cho DLPP thì tài khoản của Nhà Đầu tư này được phân loại là "Tài khoản chống đối" theo quy định của FATCA. Investor chooses (a) or (b). Investor assures to complete FATCA documentations included Form W-9 or W-8BEN and/or other documentations required by Distributor within 90 days of signing Application Form For Open-Ended Fund Trading Account Opening and Online Trading Service Registration. If Investor refuses to complete the above-mentioned question and/or does not send the completed forms to Distributor within 90 days, the Investor's account will be classified as "Recalcitrant" according to FATCA.

Cho mục đích tuân thủ các yêu cầu về rà soát khách hàng của FATCA, Nhà Đầu tư, theo đây, đồng ý cho DLPP truy cập và báo cáo thông tin về các tài khoản của Khách hàng cho Sở Thuế Hoa Kỳ (IRS) hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện khai thuế theo yêu cầu của Tổ chức tài chính tuân thủ FATCA. / For purpose of compliance with FATCA, Investor hereby grants full permission to Distributor to access and report Investor's account information to the US Internal Revenue Services (IRS) or to competent authorities as required for foreign financial institutions complying with FATCA.

VI. XÁC NHẬN CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
INVESTOR'S CONFIRMATIONS OF COMMITMENT

1. Nhà Đầu Tư xác nhận đã được cung cấp, đọc và hiểu toàn bộ các tài liệu và thông tin cần thiết liên quan đến việc đầu tư vào chứng chỉ của các quỹ mở do Amber Capital quản lý.
Investor certifies that Investor has been provided, has read and understood all necessary documents and information relating to the investment in open-ended fund managed by Amber Fund Management JSC (Amber Capital).
2. Nhà Đầu Tư xác nhận đã hiểu biết đầy đủ và chấp nhận toàn bộ các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến việc đầu tư chứng chỉ quỹ, đồng thời cam kết tự chịu trách nhiệm toàn bộ về kết quả đầu tư. Nhà Đầu Tư đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang rằng Amber Capital, nhân sự của Amber Capital, Đại lý phân phối, Đại lý ký danh và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan được chỉ định của Amber Capital không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc đầu tư chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư.
Investor confirms that Investor has fully understood and accepted all risks involved with investment to the Fund(s) certificate and Investor hereby undertakes to bear full responsibility of the investment result. Investor agrees unconditionally and irrevocably that Amber Capital and its personnel, Distributor, Registered name agent and other related service providers shall have no liability with respect to my/our investment in the Fund(s) certificate.
3. Nhà Đầu Tư cam kết rằng nguồn tiền đầu tư chứng chỉ quỹ là nguồn tiền hợp pháp, minh bạch và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của pháp luật để được dùng vào mục đích đầu tư chứng chỉ quỹ.
Investor commits that the source of funds invested in the Fund(s) certificates are legally, transparently and fully compliant with the requirements of law to be used for the purpose of investing in the fund certificate.
4. Nhà Đầu Tư xác nhận và đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán phí giao dịch, phí sử dụng dịch vụ do Amber Capital cung cấp, thuế và các khoản phí phát sinh từ các giao dịch tương ứng theo quy định của pháp luật và biểu phí của Amber Capital tại từng thời điểm.
Investor confirms and agrees to be responsible for paying transaction fees, other fees for using services provided by Amber Capital, tax and other charges incurred from fund unit transactions in accordance with the laws and Fee schedule of Amber Capital at any time.
5. Nhà Đầu Tư cam kết rằng toàn bộ các thông tin và tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, cập nhật và hoàn toàn chính xác. Nhà Đầu Tư sẽ ngay lập tức thông báo cho Amber Capital và Đại lý phân phối bằng văn bản hợp lệ khi có bất kỳ thay đổi nào với các thông tin và tài liệu đó.
Investor hereby undertakes that all information given in this form and all documents provided are adequate, up-to-date and accurate. Investor shall immediately notify Amber Capital and the Distributor by giving written notice in the event of any change to the information provided herein.
6. Nhà Đầu Tư cam kết bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Amber Capital, nhân sự của Amber Capital, Đại lý phân phối, Đại lý ký danh và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan nếu vi phạm bất kỳ xác nhận, cam kết nào của Nhà Đầu Tư tại văn bản này và/hoặc các tài liệu, quy định của Amber Capital liên quan đến chứng chỉ quỹ tại từng thời điểm.
Investor undertakes to indemnify for all damages and losses incurred by Amber Capital, its personnel, Distributor, Registered name agent and other relevant service providers if there is any breach of my/our confirmations and/or commitments in this document and/or of Amber Capital's documents and regulations relating to the fund certificate from time to time.
7. Nhà Đầu Tư đồng ý rằng văn bản này và các dịch vụ, giao dịch liên quan đến chứng chỉ quỹ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là Tiếng Việt và Tiếng Anh hoặc chỉ tiếng Việt. Trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
Investor hereby agrees that this document and the services relating shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam. The language used is Vietnamese and English or Vietnamese only. In case there is any conflict between the Vietnamese language and English language, the Vietnamese language content shall prevail.
8. Nhà Đầu Tư đồng ý rằng toàn bộ các nội dung xác nhận, cam kết và trách nhiệm nêu trên của Nhà Đầu Tư được áp dụng với văn bản này, các phiếu lệnh giao dịch, các yêu cầu, đăng ký khác của Nhà Đầu Tư liên quan đến chứng chỉ quỹ và giao dịch chứng chỉ quỹ.
Investor hereby agrees that my/our confirmations, commitments and responsibilities stated herein are applied to this document and to my/our trading orders and other inquiries related to fund certificates and fund certificate transactions.
9. Nhà Đầu Tư cam kết đã tìm hiểu và được nhân viên tư vấn hướng dẫn đầy đủ các quy định về giao dịch và cách thức giao dịch. Nhà Đầu Tư hoàn toàn tự nguyện đăng ký tham gia dịch vụ này và cam kết tuân thủ đầy đủ và chính xác những hướng dẫn của Amber Capital khi sử dụng các dịch vụ.
Investor agrees to have understood and been sufficiently advised by consultant about the unit trading as well as trading methods. Investor is voluntarily using the services and commits to fully and accurately comply with Amber Capital's guidelines for the use of these services.
10. Nhà Đầu Tư xác nhận và đồng ý để Amber Capital được thu thập, lưu trữ, sử dụng và xử lý dữ liệu cá nhân của mình (bao gồm nhưng không giới hạn: thông tin định danh, liên hệ, tài khoản ngân hàng, dữ liệu giao dịch...) nhằm mục đích mở và quản lý tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, cung cấp dịch vụ đầu tư, thực hiện nghĩa vụ pháp lý và phục vụ công tác chăm sóc khách hàng, thống kê, phân tích nội bộ. Nhà Đầu Tư xác nhận đã được thông báo đầy đủ và hiểu rõ các quyền của mình theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
The Investor acknowledges and agrees that Amber Capital is authorized to collect, store, use, and process my personal data (including but not limited to: identification information, contact details, bank account information, transaction data, etc.) for the purposes of opening and managing the fund certificate trading account, providing investment services, fulfilling legal obligations, and conducting customer care, statistical, and internal analysis activities. The investor further acknowledges having been fully informed of and understanding their rights under applicable personal data protection laws.
11. Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở và Đăng Ký Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến ("Giấy Đăng Ký") này cần được sự chấp thuận của Amber Capital hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ của Quỹ.

This application form for open-ended fund trading account opening and online trading service registration form ("Registration Form") is subject to acceptance by Amber Capital or the service providers of the Fund.

12. Giấy Đăng Ký này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thời gian bởi Amber Capital mà không cần nêu lý do.
This Registration Form may be amended, revised from time to time by Amber Capital without giving reasons.
13. Việc Amber Capital và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi hay hủy (từ Giấy Đăng Ký) thực hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ. Amber Capital và các tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện lệnh bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác.
The acceptance and the processing of subscription, redemption, switch, cancellation by Amber Capital and service providers (except for the Registration Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be duly authorized. Amber Capital and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and/or electronic instructions.
14. Nhà Đầu Tư đồng ý nhận sao kê giao dịch và thông tin khác theo bất kỳ phương thức nào sau đây tùy theo chính sách được áp dụng bởi Amber Capital và/hoặc Đại lý phân phối tại ứng thời điểm. *Investor agrees to receive statements and other information by any of the following methods that are applied by Amber Capital and/or the Distributor from time to time.*
- Nhận qua địa chỉ email của nhà đầu tư - *Through the email address of the Investor.*
 - Phương thức khác phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện - *Other method in accordance with applicable law at the time of implementation.*

Nhà Đầu Tư cam kết đã đọc, hiểu, đồng ý và cam kết tuân thủ toàn bộ các điều khoản và điều kiện trong Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, Điều lệ và các tài liệu quy định khác của (các) quỹ mở do Amber Capital quản lý, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung của các tài liệu đó tại từng thời điểm theo quyết định của Amber Capital. Nhà Đầu Tư đồng ý và cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản phí và lệ phí áp dụng cho các quỹ tương ứng theo quyết định của Amber Capital tại từng thời điểm. *Investor undertakes to read, understand, agree and commit to comply with all terms and conditions in the Prospectus, Summary Prospectus, Charter and other documents of open-ended fund(s) managed by Amber Capital, including any amendments and supplements of such materials from time to time at Amber Capital's discretion. Investor agrees and undertake to pay fully and on time the fees and charges applicable to the respective funds at Amber Capital's discretion from time to time.*

NHÀ ĐẦU TƯ

(Investor)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)).
(Signature, full name and stamp (if any))

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Representative of Distributor / Fund management company)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)).
(Signature, full name and stamp (if any))

Ngày (Date): tháng (month) năm (year)

Ngày (Date): tháng (month) năm (year)

VII. THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI DISTRIBUTOR'S INFORMATION

1. Đại lý phân phối / Distributor	
Tên đại lý <i>Distributor's Name</i>	
Mã đại lý phân phối <i>Distributor's Code</i>	
Số Giấy phép TL&HD <i>License Number</i>	
Ngày cấp: <i>Issuing date</i>	Nơi cấp: <i>Issuing place</i>
Địa chỉ trụ sở chính: <i>Headquarter</i>	
Điện thoại: <i>Phone number</i>	Website:
2. Nhân viên phân phối / Distributor Staff	
Họ tên nhân viên <i>Full name</i>	
Mã nhân viên: <i>Distributor Staff's code</i>	
Số chứng chỉ hành nghề: <i>Practitioner's certificate number</i>	Ngày cấp: <i>Issuing date</i>
Điện thoại liên lạc: <i>Phone number</i>	Email:

VIII. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

APPLICABLE TERMS AND CONDITIONS FOR ONLINE TRADING SERVICE

Nhà Đầu Tư đồng ý đăng ký dịch vụ giao dịch và xác nhận lệnh trực tuyến của Công ty CP Quản Lý Quỹ Amber ("Amber Capital") với các điều khoản và điều kiện đính kèm và thông tin đăng ký như dưới đây:
The Investor agrees to register to use the online trading and order confirmation service of Amber Fund Management ("Amber Capital") with the terms and conditions as attached and registration information as follows:

Điều 1. Định nghĩa thuật ngữ trong giao dịch trực tuyến/ Article 1. Term definitions in online transactions

- 1.1. "Bên" là Nhà Đầu Tư hoặc Amber Capital tùy theo ngữ cảnh và "Các Bên" là chỉ cả Nhà Đầu Tư và Amber Capital.
"Party" is the Investor or Amber Capital depending on the context and "Parties" are both the Investor and Amber Capital.
- 1.2. "Chứng Từ Điện Tử" là các thông tin liên quan đến việc thực hiện các yêu cầu giao dịch của Nhà Đầu Tư được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ khi sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến.
"Electronic Record" is data related to performing the Investor's transactions, which is created, generated, received and stored when the Online Trading Service is used and/or the Online Trading is performed.
- 1.3. "Dịch Vụ Giao-Dịch Trực Tuyến" là các dịch vụ do Amber Capital cung cấp cho Nhà Đầu Tư tùy từng thời điểm để Nhà Đầu Tư thực hiện các Giao Dịch Trực Tuyến.
"Online Trading Service" is the services provided by Amber Capital for the Investors at certain time for the Investor's Online Trading.
- 1.4. "Giao Dịch Trực Tuyến" là các giao dịch của Nhà Đầu Tư đối với các Sản Phẩm của Amber Capital mà các giao dịch đó (i) được thực hiện phù hợp với các dịch vụ mà Amber Capital cung cấp tùy từng thời kỳ, và (ii) thông qua hệ thống công nghệ thông tin và môi trường mạng internet, mạng viễn thông hoặc các mạng mở khác.
"Online Trading" is the transactions of the Investor for the Product provided by Amber Capital, which (i) are performed in accordance with the services provided by Amber Capital from time to time, and (ii) through information technology system and internet, telecommunication network or other open networks.
- 1.5. "Hệ Thống" là hệ thống do Amber Capital thiết lập để quản lý và thực hiện các Giao Dịch Trực Tuyến bao gồm trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ thống mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính.
"System" is the system built by Amber Capital in order to manage and perform the Online Trading including hardware, software programs, database, telecommunication network, internet, computer network.
- 1.6. "Hợp Đồng Của Sản Phẩm" là văn bản thỏa thuận giữa Nhà Đầu Tư và Amber Capital liên quan đến việc tạo lập, quản lý Sản Phẩm, bao gồm nhưng không hạn chế Giấy Đăng Ký này, các văn bản, hợp đồng khác tùy theo từng Sản Phẩm.
"Product's Contract" is the agreement by and between the Investor and Amber Capital related to the creation, management of the Product, including but not limited to the Registration Form, other required documents, contracts for each Product.
- 1.7. "Mật Khẩu Đăng Nhập" là mật khẩu để xác định Nhà Đầu Tư khi truy cập vào Hệ Thống.
"Log-in Password" is the password to verify the Investor accessing the System.
- 1.8. "Mật Khẩu Giao Dịch" là mật khẩu được sử dụng để Nhà Đầu Tư xác nhận trước khi thực hiện một Giao Dịch Trực Tuyến. Mật Khẩu Giao Dịch tồn tại theo một trong hai hình thức theo lựa chọn của Nhà Đầu Tư:
"Trading Password" is the password which is used to confirm once again before executing an Online Trading. The Trading Password shall be one of the two following types at the Investor's discretion:
(i) Mật Khẩu sử dụng một lần (OTP: one-time-password), do Hệ Thống cung cấp, chỉ có hiệu lực duy nhất đối với một giao dịch tại một thời điểm nhất định của một Nhà Đầu Tư cụ thể, và sẽ tự động hủy trong một thời gian xác định.
One-time password (OTP), provided by the System, valid for only one transaction at one certain time for a certain Investor, and will automatically become invalid within a certain period of time.
(ii) Mật khẩu tĩnh (PIN): do Nhà Đầu Tư tự thiết lập và có hiệu lực cho tới khi Nhà Đầu Tư thay đổi.
PIN code: established by the Investor and effective until being changed by the Investor.
- 1.9. "Sản Phẩm" là các sản phẩm, dịch vụ do Amber Capital cung cấp tùy từng thời kỳ, được phép thực hiện giao dịch trực tuyến phù hợp với quy định của pháp luật.
"Product" is any product, service provided by Amber Capital from time to time, pursuant to laws, which could be implemented online.
- 1.10. "Sự Kiện Bất Khả Kháng" có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào sau đây, mà làm cho bất kỳ Bên nào hoặc các Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo các điều khoản này, như là sự ngăn cấm hay hành động của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, bạo loạn, chiến tranh, chiến sự, bạo động, đình công, tranh chấp lao động khác và các ngừng trệ công việc khác, các tiện ích công cộng bị ngừng hoạt động hoặc bị cản trở, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc thiên tai khác, và các sự kiện khác vượt quá tầm kiểm soát hợp lý của các Bên.
"Force Majeure" means any event including any act or restrictions of the government or state authorities, riots, wars, civil commotions, insurrections, strikes, other labor controversies and other work stoppages, deactivated or prevented public utilities, epidemic diseases, fires, floods, earthquakes, tsunamis or natural disasters, and other events beyond the control of the two Parties otherwise unavoidable, which prevent any Party or both Parties from fulfillment of all or part of these terms.

Điều 2. Nội dung thỏa thuận/ Article 2. Content

- 2.1. Amber Capital đồng ý cung cấp và Nhà Đầu Tư đồng ý sử dụng Dịch Vụ Giao-Dịch Trực Tuyến. Dịch Vụ Giao-Dịch Trực Tuyến

trong giai đoạn đầu sẽ được thực hiện qua môi trường mạng internet và có thể được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ theo thông báo của Amber Capital

Amber Capital agrees to provide and the Investor agrees to use the Online Trading Service. The Online Trading Service in the first period shall be performed through internet and could be amended, supplemented from time to time in accordance with Amber Capital's notice

- 2.2. Amber Capital sẽ quy định và/hoặc điều chỉnh nội dung cụ thể của Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến mà Amber Capital cho là hợp lý tùy từng thời điểm và công bố rộng rãi các nội dung này trên website chính thức của Amber Capital

Amber Capital shall provide and/or revise specific terms of the Online Trading Service which is considered reasonable by Amber Capital from time to time and shall publicize such terms on Amber Capital's website

- 2.3. Sau khi ký tên vào bản đăng ký này, Nhà Đầu Tư được quyền sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và mặc nhiên chấp nhận các điều khoản, điều kiện ràng buộc được Amber Capital quy định cho Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến ở từng thời điểm

After signing on this Registration Form, the Investor is entitled to use the Online Trading Service and automatically accepts the terms and conditions for the Online Trading Service set out by Amber Capital from time to time

- 2.4. Việc cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến của Amber Capital và việc sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến của Nhà Đầu Tư được ràng buộc bởi các điều khoản của Hợp Đồng Của Sản Phẩm, các thỏa thuận cam kết liên quan mà Nhà Đầu Tư đã ký kết với Amber Capital và/hoặc các điều kiện, cách thức, quy định giao dịch cụ thể được Amber Capital hướng dẫn, thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư hoặc trên website của Amber Capital

The provision of the Online Trading Service of Amber Capital and the use of the Online Trading Service and/or the execution of the Online Trading of the Investor are subject to the terms of the Online Trading Service Registration Form, Product's Contract, related agreements, commitments that the Investor has signed with Amber Capital and/or specific terms and conditions which are instructed and directly notified to the Investor or on Amber Capital's website

Điều 3. Các rủi ro phát sinh từ giao dịch trực tuyến *Article 3. Risks from Online trading*

Việc sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ Thống hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Nhà Đầu Tư cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại nào khác phát sinh khi sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến do lỗi Hệ Thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành động, thao tác của Nhà Đầu Tư ảnh hưởng đến việc sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến

There are potential risks in using the Online Trading Service and/or the Online Trading performance due to faults of the System or any third party. The Investor undertakes to accept all risks arising from using the Online Trading Service and/or executing the Online Trading, due to faults of the System, of any third party or the Investor's acts affecting using the Online Trading Service and/or executing the Online Trading

Điều 4. Thời gian cung cấp dịch vụ *Article 4. Time of service supply*

- 4.1. Amber Capital sẽ cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến liên tục

Amber Capital shall provide the Online Trading Service continuously

- 4.2. Thời gian ngừng cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến do sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp Hệ Thống hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được Amber Capital thông báo trước trên website của Amber Capital

In case of suspending the Online Trading Service supply due to amendments, maintenance and upgrading of the System or being requested by competent authorities, Amber Capital shall inform in advance

Điều 5. Chi phí *Article 5. Fees*

- 5.1. Khi sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến, Nhà Đầu Tư hiểu và đồng ý rằng Amber Capital có thể áp dụng một hoặc nhiều khoản phí sử dụng dịch vụ ("Phí Dịch Vụ"). Để tránh nhầm lẫn, Phí Dịch Vụ này không phải là các khoản phí/giá dịch vụ áp dụng đối với Sản Phẩm và/hoặc phí/giá dịch vụ cho các hình thức sử dụng dịch vụ khác mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký với Amber Capital đã được quy định trong Hợp Đồng Của Sản Phẩm và các văn bản liên quan khác, bao gồm nhưng không hạn chế giá dịch vụ phát hành, mua-lai chứng chỉ quỹ mà Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thanh toán đối với mỗi giao dịch chứng chỉ quỹ mở

By using the Online Trading Service and/or executing the Online Trading, the investor understands and agrees that Amber Capital may charge one or more fees for use of service ("Service Fee"). For the avoidance of doubt, this Service Fee is not the service fee/ service price which is applied for the Products and/or for other forms of services registered with Amber Capital by the investor and prescribed in the Product's Contracts and other related documents, including but not limited to subscription fee, redemption fee paid by the investor for each

- 5.2. Phí Dịch Vụ sẽ được Amber Capital thông báo cho Nhà Đầu Tư khi đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến. Amber Capital bảo lưu quyền ấn định, thay đổi đối với Phí Dịch Vụ và phương thức thanh toán Phí Dịch Vụ tùy từng thời điểm

The Service Fee shall be informed to the Investor by Amber Capital when registering the Online Trading Service and/or implementing the Online Trading. Amber Capital reserves the right to charge, revise the Service Fee and Service Fee payment method from time to time

Điều 6. Bảo mật *Article 6. Confidentiality*

- 6.1. Trách nhiệm của Nhà Đầu Tư *Responsibilities of the Investor*

- (i) Bảo mật Mật Khẩu Đăng Nhập, Mật Khẩu Giao Dịch của mình và chịu mọi thiệt hại, mất mát phát sinh do Mật Khẩu Đăng Nhập, Mật Khẩu Giao Dịch bị tiết lộ dưới bất cứ hình thức nào

Keep confidential the Log-in Password, Trading Password and be responsible for all losses and damages due to reveal of the Log-

in Password, the Trading Password under any circumstance.

- (ii) Trường hợp Nhà Đầu Tư phát hiện các thông tin cần bảo mật nêu trên có thể không còn thuộc sự kiểm soát của mình thì cần lập tức thông báo cho Amber Capital biết và thực hiện theo chỉ dẫn của Amber Capital.
In case of discovering the above information out of the Investor's control, the Investor must inform Amber Capital without delay and follow Amber Capital's instructions.

6.2. Trách nhiệm của Amber Capital/ Responsibilities of Amber Capital

- (i) Bảo mật và lưu giữ thông tin của Nhà Đầu Tư (tên đăng nhập/Mật Khẩu Đăng Nhập, thông tin giao dịch, và tất cả các thông tin khác của Nhà Đầu Tư) trừ trường hợp phải cung cấp các thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
Keep confidential and store the Investor's personal information (username/the Log-in Password, transaction information and all other information of the Investor), except for the case of providing this information to the competent authorities as required by law.
- (ii) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư khôi phục thông tin đăng nhập khi Nhà Đầu Tư yêu cầu.
Support the Investor to recover log-in information when requested by the Investor.

Điều 7. Cam kết của Nhà Đầu Tư/ Article 7. The Investor's undertakings

- 7.1. Cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ và tuân thủ đúng những hướng dẫn sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến do Amber Capital cung cấp trực tiếp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố rộng rãi trên website của Amber Capital ("Hướng Dẫn Công Khai"). Amber Capital không chịu trách nhiệm đối với những Giao Dịch Trực Tuyến không thực hiện được với bất kỳ lý do gì hay bất cứ thiệt hại nào xảy ra khi Nhà Đầu Tư không thực hiện đúng những Hướng Dẫn Công Khai.

Undertake to read carefully, understand clearly and comply with guidelines of the Online Trading Service and/or executing Online Trading, which are directly provided by Amber Capital or publicized on its website ("Public Instruction"). Amber Capital is not responsible for unperformed Online Trading for any reason or any damage if the Investor does not follow correctly the Public Instruction.

- 7.2. Mật Khẩu Giao Dịch là chữ ký điện tử của Nhà Đầu Tư ("Chữ Ký Điện Tử") và các Chứng Từ Điện Tử được Nhà Đầu Tư khởi tạo và/hoặc xác nhận và gửi có Chữ Ký Điện Tử của Nhà Đầu Tư có giá trị pháp lý như các yêu cầu của Nhà Đầu Tư gửi trực tiếp và hợp lệ tại quầy giao dịch.

Trading Password is deemed to be the Investor's electronic signature ("Electronic Signature") and the Electronic Record created and/or confirmed and sent with the Investor's Electronic Signature has legal value similar to the Investor's order slip sent duly at the trading counter.

- 7.3. Đồng ý rằng bất cứ hành động truy cập/giao dịch nào vào/tên tài khoản giao dịch của Nhà Đầu Tư bằng tên truy cập với đúng Mật Khẩu Đăng Nhập và Mật Khẩu Giao Dịch đều được coi là Nhà Đầu Tư truy cập/giao dịch.

Agree that any access/transaction to/on the Investor's trading account by username with correct Log-in Password and Trading Password is regard as the Investor's access/transaction.

- 7.4. Cung cấp đầy đủ/đăng ký các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư và kịp thời thông báo cho Amber Capital khi có sự thay đổi các thông tin đó, chịu trách nhiệm với thông tin cung cấp.

Fully provide/register information related to the Investor and quickly inform Amber Capital when that information is changed, be responsible for such provided information.

- 7.5. Chấp nhận rằng mọi trao đổi mà Amber Capital gửi đến hoặc được gửi đi từ địa chỉ email, điện thoại, fax hoặc phương tiện điện tử khác mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký cho Amber Capital mặc nhiên được hiểu là được Amber Capital gửi đến cho Nhà Đầu Tư hoặc gửi từ Nhà Đầu Tư cho Amber Capital.

Agree that all information or exchanges sent by Amber Capital to or sent from email, telephone, fax or other electronic means registered to the Amber Capital by the Investor are naturally regarded as sent by Amber Capital to the Investor or sent from the Investor to Amber Capital.

- 7.6. Thanh toán đầy đủ Phí Dịch Vụ và lệ phí khác theo quy định của Amber Capital đã được Hướng Dẫn Công Khai tùy từng thời điểm.

Pay in full the Services Fee and other expenses in accordance with Amber Capital's Public Instruction from time to time.

- 7.7. Nhận thức và đồng ý những rủi ro có thể phát sinh từ Giao Dịch Trực Tuyến và công bố rủi ro mà Amber Capital đã cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố trên website của Amber Capital.

Acknowledge of and agree with the potential risks from the Online Trading and the risks disclosures provided by Amber Capital or publicized on its website.

- 7.8. Chịu trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo an toàn, đảm bảo tính tương thích cho các loại máy móc, thiết bị kết nối, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng... do Nhà Đầu Tư sử dụng khi kết nối, truy cập vào Hệ Thống nhằm kiểm soát, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.

Be responsible for applying any reasonable measures in order to ensure security and compatibility for all kinds of machines, connection equipment, systematic software, application software, etc. used by the Investor to connect, access to the System in order to control and prevent illegal use and access to the Online Trading Service.

Điều 8. Cam kết của Amber Capital/ Article 8. Amber Capital's undertakings

- 8.1. Amber Capital không có bất kỳ cam kết, đảm bảo hoặc ưu tiên chuyên tiếp, thực hiện thành công các Giao Dịch Trực Tuyến của bất kỳ Nhà Đầu Tư nào khi sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến.

Amber Capital has no undertakings, assurance or providing priority regarding transaction and successful performance of any Online

Trading when the Investor uses the Online Trading Service and/or executes the Online Trading

- 8.2. Amber Capital tin rằng, Amber Capital có thể theo toàn quyền đánh giá của mình từ chối thực hiện hoặc xác minh, kiểm tra lại trước khi thực hiện những Giao Dịch Trực Tuyến mà Amber Capital thấy khả nghi, bất thường hoặc không hợp lệ.
Amber Capital can, at its sole discretion, reject to perform or verify and check again before performing any Online Transaction that Amber Capital believes invalid, unusual, and doubtful.
- 8.3. Quản lý thông tin liên quan đến việc thực hiện giao dịch của Nhà Đầu Tư theo đúng quy định pháp luật.
Manage information related to the Investor's transactions as required by law.
- 8.4. Cung cấp, hướng dẫn và hỗ trợ cho Nhà Đầu Tư sử dụng các Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến, công khai các biểu phí áp dụng.
Supply, instruct and support the Investor to use the Online Trading Service and/or perform the Online Trading; publicize applied the Service Fee levels.
- 8.5. Thông báo trước cho Nhà Đầu Tư trong trường hợp ngưng, tạm ngưng, thay đổi/chỉnh sửa/thay thế cung cấp một phần hoặc toàn bộ Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến, thay đổi các điều khoản áp dụng khi đăng ký Giao Dịch Trực Tuyến cho phù hợp với quy định pháp luật.
Inform the Investor in advance in the case of interruption, temporary interruption, change/repair/replacement partly or wholly the Online Trading Service; change the terms and conditions of this Registration Form in accordance with applicable laws.
- 8.6. Hướng dẫn và hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật phát sinh khi Nhà Đầu Tư sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến, cập nhật các phiên bản mới của Hệ Thống cho Nhà Đầu Tư (nếu có).
Instruct and support technical problems when the Investor uses the Online Trading Service and/or executes the Online Trading; update new versions of the System to the Investor (if any).
- 8.7. Lưu trữ các Chứng Từ Điện Tử liên quan đến các Giao Dịch Trực Tuyến của Nhà Đầu Tư theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo rằng các bằng chứng này có thể truy cập và sử dụng để tham chiếu khi cần thiết.
Store the Electronic Record related to the Investor's Online Trading in accordance with applicable laws and ensure that these documents are accessible and usable for reference in necessary cases.
- 8.8. Thực hiện ngay việc thông báo trên website của Amber Capital và cho các đại lý phân phối và nỗ lực tối đa để khắc phục sự cố Kỹ xảy ra lỗi đường truyền hoặc lỗi hệ thống dẫn đến Giao Dịch Trực Tuyến không thể thực hiện được để Nhà Đầu Tư kịp thời nên hành giao dịch trực tiếp với Amber Capital hoặc các tổ chức khác theo hướng dẫn của Amber Capital.
Immediately inform on Amber Capital's website and for distributors and make best efforts to repair problems of transmission or systematic faults causing the Online Trading unperformed in order for the Investor to timely execute direct transaction with Amber Capital or other institutions under instruction by Amber Capital.
- 8.9. Bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật trong trường hợp phát sinh các thiệt hại do lỗi của Amber Capital gây ra.
Compensate the Investor as provided by law for any damages due to Amber Capital's faults.

Điều 9. Miễn trừ trách nhiệm/ Article 9. Disclaimer

- 9.1. Amber Capital không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót hoặc thiệt hại nào phát sinh do:
Amber Capital shall be not responsible for any mistake or damage for the following reasons:
- (i) Nhà Đầu Tư cung cấp thông tin chậm trễ, thiếu sót hay không chính xác dẫn đến không sử dụng được Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến.
The Investor does not provide information in time, or provide incomplete or inexact information, which causes the Online Trading Service unusable and/or the Online Trading unperformed.
- (ii) Lỗi của bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm cả những đối tác của Amber Capital trong việc cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.
Mistakes of any third party, even including Amber Capital's partners in providing the Online Trading Service.
- (iii) Lỗi của Hệ Thống hay bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào liên quan, kể cả trường hợp Hệ Thống từ chối thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến của Nhà Đầu Tư vì bất kỳ lý do nào.
Faults of the System or any relevant technical mean, even including the case that the System rejects to perform the Investor's Online Trading for any reason.
- (iv) Amber Capital thực hiện chậm trễ hay không thể thực hiện được trách nhiệm của mình theo đúng các điều khoản và quy định sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến này do có sự trục trặc về máy móc, xử lý dữ liệu, thông tin viễn thông, thiên tai hay bất kỳ sự việc nào ngoài sự kiểm soát của Amber Capital hay do hậu quả của sự gian lận, giả mạo của bất kỳ bên thứ ba nào.
Amber Capital performs with delay or cannot perform its duties according to the terms and conditions of the Online Trading Services because of problems regarding machines, data process, media, act of God or any event out of its control or results of any third party's fraud and fake.
- (v) Việc Nhà Đầu Tư để lộ, tố tên đăng nhập, Mật Khẩu Đăng Nhập, Mật Khẩu Giao Dịch dẫn đến người khác dùng những thông tin này để sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến hoặc tiếp cận những thông tin mà Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến cung ứng.
The case that the Investor reveals username, the Log-in Password, the Trading Password of the Investor, which enables other person to make use of this information for using the Online Trading Service and/or performing the Online Trading or accessing to

the information provided by the Online Trading Service.

9.2. Hai Bên không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót nào xảy ra khi thực hiện một phần hay toàn bộ các điều khoản được nêu tại đây nếu sai sót đó là do Sự Kiện Bất Khả Kháng.

The Parties are not responsible for any error in implementing one or all of the terms stated herein if such error is due to the Force Majeure.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung và chấm dứt sử dụng dịch vụ.

Article 10: Amendment, supplement and termination of the service

10.1. Các điều khoản này sẽ chấm dứt hiệu lực khi:

These terms shall terminate when:

(i) Tài khoản của Nhà Đầu Tư bị đóng/chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.

The Investor's account has been closed/terminated for whatever reason.

(ii) Amber Capital thông báo trước cho Nhà Đầu Tư về việc ngừng hoặc chấm dứt các điều khoản áp dụng khi đăng ký Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần có sự đồng ý của Nhà Đầu Tư.

Amber Capital notifies the Investor in advance of the termination or suspension of terms applied when registering an Online Trading Service at any time without the consent of the Investor.

(iii) Nhà Đầu Tư yêu cầu ngừng sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến mà Amber Capital cung cấp.

The Investor requests suspending the use of the Online Trading Service provided by Amber Capital.

(iv) Xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng-Occurrence of the Force Majeure;

(v) Theo quy định của pháp luật hiện hành-in accordance with applicable laws.

(vi) Việc chấm dứt dịch vụ này không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ chưa thực hiện của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các bên có trách nhiệm hoàn tất nghĩa vụ của mình đến thời điểm chấm dứt dịch vụ trong thời gian sớm nhất có thể.

The termination of this service shall not affect any obligation arising out prior to the termination. The Parties has obliged to complete such obligation till the date of termination as soon as possible.

10.2. Amber Capital bảo lưu quyền được sửa đổi, bổ sung Phí Dịch Vụ, Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần phải có sự đồng ý trước của Nhà Đầu Tư. Amber Capital sẽ thông báo các sửa đổi, bổ sung nêu trên và các thông tin liên quan khác công khai tại website của Amber Capital hoặc gửi qua địa chỉ email mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký.

Amber Capital reserves the right to amend, supplement the Service Fee, the Online Trading Service at any time without prior approval of the Investor. Amber Capital shall update such above amendments, supplements and related information publicly on the Amber Capital's website or via the email address registered by the Investor.

10.3. Amber Capital không chịu trách nhiệm trong trường hợp Nhà Đầu Tư không nhận được thông tin do:

Amber Capital is not responsible for the case that the Investor does not receive information due to:

(i) Hộp thư của Nhà Đầu Tư không nhận được email từ Amber Capital vì bất cứ lý do gì.

The Investor's mailbox cannot receive email from Amber Capital for any reason.

(ii) Nhà Đầu Tư thay đổi địa chỉ email mà không đăng ký lại với Amber Capital.

The Investor changes email address without re-registering with Amber Capital.

Điều 11. Điều khoản chung/ *Article 11. General terms*

11.1. Các điều khoản áp dụng này là một bộ phận không thể tách rời của Giấy Đăng Ký.

These terms are integrated parts of the Registration Form.

11.2. Việc Nhà Đầu Tư đăng ký và sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến không làm miễn trừ quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư được quy định tại Hợp Đồng Của Sản Phẩm, các cam kết liên quan mà Nhà Đầu Tư đã ký kết với Amber Capital và/hoặc các điều kiện quy định về cách thức giao dịch cụ thể mà Amber Capital đã hướng dẫn hoặc được thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư.

The fact that the Investor registers and uses the Online Trading Service does not waive the Investor's rights and duties stipulated in the Product's Contract, related undertakings which the Investor has signed with Amber Capital and/or concrete conditions of trading instructed and publicized by Amber Capital.

11.3. Việc đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến không loại trừ quyền của Nhà Đầu Tư được thực hiện giao dịch qua các hình thức sử dụng dịch vụ khác mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký với Amber Capital.

Registering to use the Online Trading Service does not waive the Investor's right to execute transaction via other forms of services which the Investor has Registered with Amber Capital.

11.4. Nhà Đầu Tư cần thực hiện kiểm tra trực tiếp, thường xuyên theo dõi số dư và diễn biến tài khoản giao dịch và kịp thời phản ánh cho Amber Capital những sai sót phát sinh (nếu có) trong quá trình sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ phản hồi về sai sót trong giao dịch trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo/sao kê. Sau thời gian này, Amber Capital không chịu trách nhiệm với các khiếu nại phát sinh.

The Investor should directly and frequently check the trading account status and balance and keeps Amber Capital informed without delay of mistakes (if any) arising from the process of using the Online Trading Service and/or executing Online Trading. The Investor is obligated to respond to any errors in the transaction within three (03) working days from the date of receiving the notification/statement. After this period, Amber Capital shall not be held responsible for any arising complaints.

11.5. Các điều khoản này được điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Các tranh chấp phát sinh giữa Nhà Đầu Tư và Amber Capital được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai Bên. Trong trường hợp thương lượng không thành, các Bên có quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

These terms shall be construed to in accordance with the laws of Vietnam. Any dispute or controversy arising between the Investor and Amber Capital relating to these terms will settle by negotiation between the Parties. In case the negotiation fails, both Parties

have the rights to bring the case to competent court in accordance with applicable laws.

11.6. Giấy Đăng Ký này là hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ do Amber Capital quản lý và không phải một chỉ thị mua/bán chứng chỉ quỹ cụ thể nào. Khách hàng cần thực hiện điền phiếu lệnh mua/bán theo mẫu của Amber Capital cho từng lần giao dịch và chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát.

This Registration Form constitutes an agreement for opening a fund certificate trading account managed by Amber Capital, and does not represent any specific instruction to subscribe or redeem fund certificates. The Client must complete the subscription/redemption order form in Amber Capital's prescribed format for each transaction and transfer funds to the Fund's account at the Custodian Bank.

GIẤY ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ VÀ ĐĂNG
KÝ DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN CHO NHÀ ĐẦU TƯ TỔ CHỨC
APPLICATION FORM FOR OPEN-ENDED FUND TRADING ACCOUNT OPENING AND ONLINE
TRADING SERVICE REGISTRATION FOR CORPORATE INVESTORS

(Không nhận nhà đầu tư có yếu tố Mỹ/ Not accepting American Investors)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên công ty: Company name	
Tên viết tắt Công ty: Company acronym	
Mã số thuế: Vietnamese Tax ID	
Nơi ĐKKD (QG/TP): Country-Place of registration	
Giấy CNĐKKD/ GPHĐ: Business registration	Ngày cấp: Issuing date
Nơi cấp: Issuing place	
Địa chỉ ĐKKD: Registered Address	
Địa chỉ liên lạc: Mailing address	
Điện thoại cố định: Landline phone	
Quốc gia: Country	
Thông tin liên hệ và đăng ký giao dịch trực tuyến: Contact information and registration for online trading service	Địa chỉ email: Email address
	Điện thoại di động: Mobile phone
2. Họ tên người đại diện theo pháp luật: Full name of legal representative	
Quốc tịch: Nationality	
Số CCCD/Hộ chiếu: ID/Passport	Ngày cấp: Issuing date
Nơi cấp: Issuing place	
Ngày tháng năm sinh: Date of birth	Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ Gender Male Female
Chức vụ: Position	Số quyết định: Decision no.

II. KHẢO SÁT KHÁCH HÀNG

Để giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về nhu cầu và định hướng đầu tư của Quý khách, vui lòng trả lời một số câu hỏi ngắn dưới đây.
To help us better understand your investment needs and orientation, please answer a few short questions below.

1. Tổ chức Quý khách thuộc loại hình sở hữu nào?/ What is the ownership type of your organization? ☐ Doanh nghiệp tư nhân (vốn trong nước 100%) Privately-owned (100% domestic capital enterprise) ☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI có vốn nước ngoài chiếm trên 51% vốn chủ sở hữu) Foreign-invested enterprise (FIE) – Foreign investors hold more than 51% of the equity capital ☐ Doanh nghiệp thuộc sở hữu tập thể / hợp tác xã Collectively-owned enterprise / Cooperative ☐ Doanh nghiệp Nhà nước (Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ hoặc cổ phần có quyền biểu quyết) State-owned enterprise (SOE) – The State holds more than 50% of the charter capital or voting shares ☐ Doanh nghiệp có vốn sở hữu hỗn hợp (Nhà nước, tư nhân và/hoặc nước ngoài) Mixed-ownership enterprise – Combination of State, private, and/or foreign ownership	
2. Mục tiêu đầu tư chính của tổ chức Quý khách là gì? (Chọn tối đa 2 lựa chọn)/ What are your organization's main investment objectives? (Select up to 2 options) ☐ Tối ưu hóa nguồn vốn ngắn hạn nhằm tối ưu tính thanh khoản cao Optimize short-term idle capital with high liquidity ☐ Tích lũy vốn định kỳ theo kế hoạch dòng tiền để bổ sung cho hoạt động kinh doanh Accumulate capital periodically based on cash flow planning to support business operations ☐ Khác (xin vui lòng ghi rõ): Other (please specify) ☐ Đầu tư tăng trưởng dài hạn để tích lũy và nâng cao giá trị tài sản Long-term growth investment to accumulate and enhance asset value ☐ Phân bổ rủi ro và đa dạng hóa danh mục đầu tư Risk allocation and portfolio diversification	
3. Trong 1-3 năm tới, tổ chức Quý khách dự kiến phân bổ vốn đầu tư vào quy hoặc sản phẩm đầu tư như thế nào?/ In the next 1-3 years, how does your organization plan to allocate investment capital into funds or financial products? ☐ Đầu tư định kỳ hàng tháng hoặc theo quỹ với giá trị ổn định (phù hợp kế hoạch dòng tiền) Invest periodically on a monthly or quarterly basis with stable amounts (aligned with cash flow planning) ☐ Đầu tư không thường xuyên, tùy theo cơ hội và biến động thị trường Invest on an ad-hoc basis depending on market conditions and opportunities ☐ Đầu tư định kỳ hàng năm hoặc theo giai đoạn, với giá trị đầu tư lớn hơn cho từng đợt Invest annually or by stages, with larger investment amounts per period ☐ Chưa có kế hoạch cụ thể, sẽ xem xét khi có sản phẩm phù hợp No specific plan yet, will consider when suitable products become available	
4. Tổ chức của Quý khách có kinh nghiệm và ưu tiên đầu tư vào các sản phẩm nào dưới đây? (Chọn tối đa 2 lựa chọn)/ Which of the following products does your organization have experience with or prefer to invest in? (Select up to 2 options) ☐ Gửi tiền, trái phiếu hoặc quỹ thị trường tiền tệ (rủi ro thấp, thanh khoản cao) Deposits, bonds, or money market funds (low risk, high liquidity) ☐ Đầu tư tài sản thực thể (bất động sản, vàng, hàng hóa, v.v.) Alternative assets (real estate, gold, commodities, etc.) ☐ Quỹ cổ phiếu hoặc quỹ cân bằng (mục tiêu tăng trưởng trung-dài hạn) Equity funds or balanced funds (medium-to long-term growth objectives) ☐ Sản phẩm tài chính phái sinh hoặc đầu tư đòn bẩy Derivative financial products or leveraged investments ☐ Tổ chức chưa có kinh nghiệm đầu tư tài chính, đang tìm hiểu để tham gia The organization has no prior financial investment experience and is currently exploring opportunities to participate	

III. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP AUTHORIZED PERSON

Họ tên: Full name	
Số CCCD/Hộ chiếu: ID/Passport	Ngày cấp: Issuing date
Nơi cấp: Issuing place	
Giấy ủy quyền: Authorization letter no.	

Điện thoại di động: <i>Mobile phone</i>	
Địa chỉ liên lạc: <i>Mailing address</i>	
Phạm vi ủy quyền: <i>Authorization rights</i>	☐ Chỉ thực hiện lệnh giao dịch chứng chỉ Quỹ <i>Entitle trading rights only</i> ☐ Thực hiện tất cả các quyền như chủ tài khoản <i>Entitle all rights of account holder</i>

IV. THÔNG TIN TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG NHẬN TIỀN BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ, CỔ TỨC *BANK ACCOUNT DETAIL FOR RECEIVING SALES PROCEEDS, DIVIDEND*

Tên chủ tài khoản ngân hàng: <i>Bank account holder</i>	
Số tài khoản: <i>Bank account number</i>	
Tại ngân hàng: <i>Bank name</i>	Chi nhánh: <i>Branch</i>

V. NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG LỢI (NẾU CÓ) *BENEFICIARY (IF ANY)*

BENEFICIARY (IF ANY)

Người được hưởng lợi là cá nhân không đứng danh chủ sở hữu tài sản nhưng có đầy đủ các quyền đối với tài sản đó.

The economic beneficiary is an individual investor who is NOT the owner of this investment but has full rights for this investment.

Tên đầy đủ: <i>Full name</i>	
Số CCCD/Hộ chiếu: <i>ID/Passport number</i>	Ngày cấp: <i>Issuing date</i>
Nơi cấp: <i>Issuing place</i>	
Ngày tháng năm sinh: <i>Date of birth</i>	Giới tính: <i>Gender</i>
	☐ Nam <i>Male</i> ☐ Nữ <i>Female</i>
Điện thoại liên lạc: <i>Phone number</i>	
Địa chỉ email: <i>Email address</i>	
Địa chỉ liên lạc: <i>Mailing address</i>	

VI. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOA KỲ (CHO MỤC ĐÍCH TUÂN THỦ FATCA) *INFORMATION RELATED TO UNITED STATES (FOR FATCA COMPLIANCE)*

1. Tổ chức được thành lập hoặc có tổ chức hoạt động tại Mỹ hay không? <i>Is your organization established or organized in the United States?</i> (Nếu có xin vui lòng điền mẫu đơn W9 cho khách hàng tổ chức, và cung cấp Mã số thuế Mỹ (Nếu có).) <i>(If yes, please complete Form W-9 for entity clients and provide the U.S. Tax Identification Number (TIN), if available.)</i> ☐ Có ☐ Không	
2. Tổ chức được xem như một Định chế tài chính ngoài Mỹ (ĐCTC) (Ví dụ: ngân hàng, ngân hàng giám hộ, công ty chuyên đầu tư, môi giới đầu tư, tư vấn đầu tư, quỹ hoặc phương tiện đầu tư, công ty bảo hiểm, công ty holdings (Giữ vốn đầu tư công ty khác), v.v...) theo quy định của FATCA hay không? <i>Is your organization considered a Foreign Financial Institution (FFI) under FATCA regulations? (For example: a bank, custodian bank, investment company, investment broker, investment advisor, fund or investment vehicle, insurance company, or holding company.)</i> (Nếu có xin vui lòng cung cấp mã số GIIN, hoặc mẫu W-8BEN-E trong trường hợp tổ chức không có mã số GIIN) <i>If yes, please provide the Global Intermediary Identification Number (GIIN), or Form W-8BEN-E in case the entity does not have a GIIN</i> ☐ Có ☐ Không	

3. Tổ chức có nhà đầu tư Mỹ không?

Does the organization have any U.S. investors?

(Nếu có, xin vui lòng cung cấp Mẫu W-8BEN-E)

(If yes, please provide Form W-8BEN-E)

☐ Có

☐ Không

VII. XÁC NHẬN CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
INVESTOR'S CONFIRMATIONS OF COMMITMENT

1. Nhà đầu tư xác nhận đã được cung cấp, đọc và hiểu toàn bộ các tài liệu và thông tin cần thiết liên quan đến việc đầu tư vào chứng chỉ của các quỹ mở do Amber Capital quản lý.
The Investor certifies that The Investor has been provided, has read and understood all necessary documents and information relating to the investment in open-ended fund managed by Amber Fund Management Ltd. (Amber Capital)
2. Nhà đầu tư xác nhận đã hiểu biết đầy đủ và chấp nhận toàn bộ các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến việc đầu tư chứng chỉ quỹ, đồng thời cam kết tự chịu trách nhiệm toàn bộ về kết quả đầu tư. Nhà đầu tư đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang rằng Amber Capital, nhân sự của Amber Capital, Đại lý phân phối, Đại lý ký danh và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan được chỉ định của Amber Capital không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc đầu tư chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.
The Investor confirms that The Investor has fully understood and accepted all risks involved with investment to the Fund(s) certificate and The Investor hereby undertakes to bear full responsibility of the investment result. The Investor agrees unconditionally and irrevocably that Amber Capital and its personnel, Distributor, Registered name agent and other related service providers shall have no liability with respect to my/our investment in the Fund(s) certificate.
3. Nhà đầu tư cam kết rằng nguồn tiền đầu tư chứng chỉ quỹ là nguồn tiền hợp pháp, minh bạch và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của pháp luật để được dùng vào mục đích đầu tư chứng chỉ quỹ.
The Investor commits that the source of funds invested in the Fund(s) certificates are legally, transparently and fully compliant with the requirements of law to be used for the purpose of investing in the fund certificate.
4. Nhà đầu tư xác nhận chấp nhận vô điều kiện và không hủy ngang các công việc và kết quả đầu tư được thực hiện theo lệnh giao dịch của Người đại diện theo pháp luật và/hoặc Người được ủy quyền hợp pháp theo thông tin đăng tải tại văn bản này, bao gồm cả các thay đổi theo thông báo tại từng thời điểm. Mọi tranh chấp phát sinh (nếu có) sẽ do Nhà đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm bằng chi phí của mình.
The Investor confirms to unconditional and irrevocable accept of works and investment results made based on any trading order of my/our Legal Representative or Authorized Person according to the registration information in this document, including changes to such information notified from time to time. Any dispute arises (if any) will be my/our full responsibility at my/our own expense.
5. Nhà đầu tư xác nhận và đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán phí giao dịch, phí sử dụng dịch vụ do Amber Capital cung cấp, thuế và các khoản phí phát sinh từ các giao dịch tương ứng theo quy định của pháp luật và biểu phí của Amber Capital tại từng thời điểm.
The Investor confirms and agrees to be responsible for paying transaction fees, other fees for using services provided by Amber Capital, tax and other charges incurred from fund unit transactions in accordance with the laws and Fee schedule of Amber Capital at any time.
6. Nhà đầu tư cam kết rằng toàn bộ các thông tin và tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, cập nhật và hoàn toàn chính xác. Nhà đầu tư sẽ ngay lập tức thông báo cho Amber Capital và Đại lý phân phối bằng văn bản hợp lệ khi có bất kỳ thay đổi nào với các thông tin và tài liệu đó.
The Investor hereby undertakes that all information given in this form and all documents provided are adequate, up-to-date and accurate. The Investor shall immediately notify Amber Capital and the Distributor by giving written notice in the event of any change to the information provided herein.
7. Nhà đầu tư cam kết bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Amber Capital, nhân sự của Amber Capital, Đại lý phân phối, Đại lý ký danh và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan nếu vi phạm bất kỳ xác nhận, cam kết nào của Nhà đầu tư tại văn bản này và/hoặc các tài liệu, quy định của Amber Capital liên quan đến chứng chỉ quỹ tại từng thời điểm.
The Investor undertakes to indemnify for all damages and losses incurred by Amber Capital, its personnel, Distributor, Registered name agent and other relevant service providers if there is any breach of my/our confirmations and/or commitments in this document and/or of Amber Capital's documents and regulations relating to the fund certificate from time to time.
8. Nhà đầu tư đồng ý rằng văn bản này và các dịch vụ, giao dịch liên quan đến chứng chỉ quỹ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là Tiếng Việt và Tiếng Anh hoặc chỉ tiếng Việt. Trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
The Investor hereby agrees that this document and the services relating shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam. The language used is Vietnamese and English or Vietnamese only. In case there is any conflict between the Vietnamese language and English language, the Vietnamese language content shall prevail.
9. Nhà đầu tư đồng ý rằng toàn bộ các nội dung xác nhận, cam kết và trách nhiệm nêu trên của Nhà đầu tư được áp dụng với văn bản này, các phiếu lệnh giao dịch, các yêu cầu, đăng ký khác của Nhà đầu tư liên quan đến chứng chỉ quỹ và giao dịch chứng chỉ quỹ.
The Investor hereby agrees that my/our confirmations, commitments and responsibilities stated herein are applied to this document and to my/our trading orders and other inquiries related to fund certificates and fund certificate transactions.

10. Nhà đầu tư cam kết đã tìm hiểu và được nhân viên tư vấn hướng dẫn đầy đủ các quy định về giao dịch và cách thức giao dịch. Nhà đầu tư hoàn toàn tự nguyện đăng ký tham gia dịch vụ này và cam kết tuân thủ đầy đủ và chính xác những hướng dẫn của Amber Capital khi sử dụng các dịch vụ.

The Investor agrees to have understood and been sufficiently advised by consultant about the unit trading as well as trading methods. The investor is voluntarily using the services and commits to fully and accurately comply with Amber Capital's guidelines for the use of these services.

11. Nhà đầu tư xác nhận và đồng ý để Amber Capital được thu thập, lưu trữ, sử dụng và xử lý dữ liệu cá nhân của mình (bao gồm nhưng không giới hạn: thông tin định danh, liên hệ, tài khoản ngân hàng, dữ liệu giao dịch...) nhằm mục đích mở và quản lý tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, cung cấp dịch vụ đầu tư, thực hiện nghĩa vụ pháp lý và phục vụ công tác chăm sóc khách hàng; thống kê, phân tích nội bộ. Nhà đầu tư xác nhận đã được thông báo đầy đủ và hiểu rõ các quyền của mình theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

The Investor acknowledges and agrees that Amber Capital is authorized to collect, store, use, and process my personal data (including but not limited to: identification information, contact details, bank account information, transaction data, etc.) for the purposes of opening and managing the fund certificate trading account, providing investment services, fulfilling legal obligations, and conducting customer care, statistical, and internal analysis activities. The Investor further acknowledges having been fully informed of and understanding their rights under applicable personal data protection laws.

12. Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở và Đăng Ký Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến ("Giấy Đăng Ký") cần được sự chấp thuận của Amber Capital hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ của Quý.

This Application Form For Open-Ended Fund Trading Account Opening and Online Trading Service Registration ("Registration Form") is subject to acceptance by Amber Capital or the service providers of the Fund.

13. Giấy Đăng Ký này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thời gian bởi Amber Capital mà không cần nêu lý do.

This Registration Form may be amended, revised from time to time by Amber Capital without giving reasons.

14. Việc Amber Capital và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi hay hủy (trừ Giấy Đăng Ký) thực hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ. Amber Capital và các tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện lệnh bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác.

The acceptance and the processing of subscription, redemption, switch, cancellation by Amber Capital and service providers (except for the Registration Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be duly authorized. Amber Capital and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and/or electronic instructions.

15. Nhà đầu tư đồng ý nhận sao kê giao dịch và thông tin khác theo bất kỳ phương thức nào sau đây tùy theo chính sách được áp dụng bởi Amber Capital và/hoặc Đại lý phân phối tại từng thời điểm/ The Investor agrees to receive statements and other information by any of the following methods that are applied by Amber Capital and/or the Distributor from time to time:

- Nhận qua địa chỉ email của nhà đầu tư - Through the email address of The Investor

- Phương thức khác phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện - Other method in accordance with applicable law at the time of implementation.

Nhà đầu tư cam kết đã đọc, hiểu, đồng ý và cam kết tuân thủ toàn bộ các điều khoản và điều kiện trong Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, Điều lệ và các tài liệu, quy định khác của (các) quỹ mở do Amber Capital quản lý, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung của các tài liệu đó tại từng thời điểm theo quyết định của Amber Capital. Nhà đầu tư đồng ý và cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản phí và lệ phí áp dụng cho các quỹ tương ứng theo quyết định của Amber Capital tại từng thời điểm/ The Investor undertakes to read, understand, agree and commit to comply with all terms and conditions in the Prospectus, Summary Prospectus, Charter and other documents of open-ended fund(s) managed by Amber Capital, including any amendments and supplements of such materials from time to time at Amber Capital's discretion. The Investor agrees and undertake to pay fully and on time the fees and charges applicable to the respective funds at Amber Capital's discretion from time to time.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Legal representative)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(Signature, full name and stamp (if any))

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI LÝ

PHÂN PHỐI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Representative of Distributor/ Fund management company)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(Signature, full name and stamp (if any))

Ngày (Date).....tháng (month).....năm (year).....

Ngày (Date).....tháng (month).....năm (year).....

CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT (Specimen signature of the legal representative)		CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP (Specimen signature of the authorized person)	
Chữ ký 1 (1 st signature)	Chữ ký 2 (2 nd signature)	Chữ ký 1 (1 st signature)	Chữ ký 2 (2 nd signature)

VIII. THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI DISTRIBUTOR'S INFORMATION

1. Đại lý phân phối: Distributor	
Tên đại lý: Distributor's Name	
Mã đại lý phân phối: Distributor's Code	
Số Giấy phép TL&HD: License Number	
Ngày cấp: Issuing date	Nơi cấp: Issuing place
Địa chỉ trụ sở chính: Headquarter	
Điện thoại: Phone number	Website
2. Nhân viên phân phối: Distributor Staff	
Họ tên nhân viên: Full name	
Mã nhân viên: Distributor Staff's code	
Số chứng chỉ hành nghề: Practitioner's certificate number	Ngày cấp: Issuing date
Điện thoại liên lạc: Phone number	Email

IX. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN APPLICABLE TERMS AND CONDITIONS FOR ONLINE TRADING SERVICE

Nhà Đầu Tư đồng ý đăng ký dịch vụ giao dịch và xác nhận lệnh trực tuyến của Công ty CP Quản Lý Quỹ Amber ("Amber Capital") với các điều khoản và điều kiện đính kèm và thông tin đăng ký như dưới đây.
The Investor agrees to register to use the online trading and order confirmation service of Amber Fund Management ("Amber Capital") with the terms and conditions as attached and registration information as followings.

Điều 1. Định nghĩa thuật ngữ trong giao dịch trực tuyến / Article 1. Term definitions in online transactions

1.1. "Bên" là Nhà Đầu Tư hoặc Amber Capital tùy theo ngữ cảnh và "Các Bên" là chỉ cả Nhà Đầu Tư và Amber Capital.
"Party" is The Investor or Amber Capital depending on the context and "Parties" are both The Investor and Amber Capital.

1.2. "Chứng Từ Điện Tử" là các thông tin liên quan đến việc thực hiện các yêu cầu giao dịch của Nhà Đầu Tư được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ khi sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến.
"Electronic Record" is data related to performing The Investor's transactions, which is created, generated, received and stored when the Online Trading Service is used and/or the Online Trading is performed.

1.3. "Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến" là các dịch vụ do Amber Capital cung cấp cho Nhà Đầu Tư tùy từng thời điểm để Nhà Đầu Tư thực hiện các Giao Dịch Trực Tuyến.
"Online Trading Service" is the services provided by Amber Capital for The Investors at certain time for The Investor's Online Trading.

1.4. "Giao Dịch Trực Tuyến" là các giao dịch của Nhà Đầu Tư đối với các Sản Phẩm của Amber Capital mà các giao dịch đó (i) được thực hiện phù hợp với các dịch vụ mà Amber Capital cung cấp tùy từng thời kỳ, và (ii) thông qua hệ thống công nghệ thông tin.

tin và môi trường mạng internet, mạng viễn thông hoặc các mạng mở khác.

"Online Trading" is the transactions of The Investor for the Product provided by Amber Capital, which (i) are performed in accordance with the services provided by Amber Capital from time to time; and (ii) through information technology system and internet, telecommunication network or other open networks.

- 1.5. "Hệ Thống" là hệ thống do Amber Capital thiết lập để quản lý và thực hiện các Giao Dịch Trực Tuyến bao gồm trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ thống mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính.

"System" is the system built by Amber Capital in order to manage and perform the Online Trading including hardware, software programs, database, telecommunication network, internet, computer network.

- 1.6. "Hợp Đồng Của Sản Phẩm" là văn bản thỏa thuận giữa Nhà Đầu Tư và Amber Capital liên quan đến việc tạo lập, quản lý Sản Phẩm, bao gồm nhưng không hạn chế Giấy Đăng Ký, các văn bản, hợp đồng khác tùy theo từng Sản Phẩm.

"Product's Contract" is the agreement by and between The Investor and Amber Capital related to the creation, management of the Product, including but not limited to the Registration Form, other required documents, contracts for each Product.

- 1.7. "Mật Khẩu Đăng Nhập" là mật khẩu để xác định Nhà Đầu Tư khi truy cập vào Hệ Thống.

"Log-in Password" is the password to verify The Investor accessing the System.

- 1.8. "Mật Khẩu Giao Dịch" là mật khẩu được sử dụng để Nhà Đầu Tư xác nhận trước khi thực hiện một Giao Dịch Trực Tuyến. Mật Khẩu Giao Dịch tồn tại theo một trong hai hình thức theo lựa chọn của Nhà Đầu Tư.

"Trading Password" is the password which is used to confirm once again before executing an Online Trading. The Trading Password shall be one of the two following types at The Investor's discretion.

- (i) Mật khẩu sử dụng một lần (OTP - one-time-password): do Hệ Thống cung cấp, chỉ có hiệu lực duy nhất đối với một giao dịch tại một thời điểm nhất định của một Nhà Đầu Tư cụ thể, và sẽ tự động hủy trong một thời gian xác định.

One-time password (OTP): provided by the System, valid for only one transaction at one certain time for a certain The Investor, and will automatically become invalid within a certain period of time.

- (ii) Mật khẩu tĩnh (PIN): do Nhà Đầu Tư tự thiết lập và có hiệu lực cho tới khi Nhà Đầu Tư thay đổi.

PIN code: established by The Investor and effective until being changed by The Investor.

- 1.9. "Sản Phẩm" là các sản phẩm, dịch vụ do Amber Capital cung cấp tùy từng thời kỳ, được phép thực hiện giao dịch trực tuyến phù hợp với quy định của pháp luật.

"Product" is any product, service provided by Amber Capital from time to time, pursuant to laws, which could be implemented online.

- 1.10. "Sự Kiện Bất Khả Kháng" có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào sau đây, mà làm cho bất kỳ Bên nào hoặc các Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo các điều khoản này, như là sự ngăn cấm hay hành động của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, bạo loạn, chiến tranh, chiến sự, bạo động, đình công, tranh chấp lao động khác và các ngưng trệ công việc khác, các tiện ích công cộng bị ngưng hoạt động hoặc bị cản trở, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc thiên tai khác, và các sự kiện khác vượt quá tầm kiểm soát hợp lý của các Bên.

"Force Majeure" means any event including any act or restrictions of the government or state authorities, riots, wars, civil commotions, insurrections, strikes, other labor controversies and other work stagnations, deactivated or prevented public utilities, epidemic diseases, fires, floods, earthquakes, tsunamis or natural disasters, and other events beyond the control of the two Parties otherwise unavoidable, which prevent any Party or both Parties from fulfillment of all or part of these terms.

Điều 2. Nội dung thỏa thuận/ Article 2. Content

- 2.1. Amber Capital đồng ý cung cấp và Nhà Đầu Tư đồng ý sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến. Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến trong giai đoạn đầu sẽ được thực hiện qua môi trường mạng internet và có thể được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ theo thông báo của Amber Capital.

Amber Capital agrees to provide and The Investor agrees to use the Online Trading Service. The Online Trading Service in the first period shall be performed through internet and could be amended, supplemented from time to time in accordance with Amber Capital's notice.

- 2.2. Amber Capital sẽ quy định và/hoặc điều chỉnh nội dung cụ thể của Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến mà Amber Capital cho là hợp lý tùy từng thời điểm và công bố rộng rãi các nội dung này trên website chính thức của Amber Capital.

Amber Capital shall provide and/or revise specific terms of the Online Trading Service which is considered reasonable by Amber Capital from time to time and shall publicize such terms on Amber Capital's website.

- 2.3. Sau khi ký tên vào bản đăng ký này, Nhà Đầu Tư được quyền sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và mặc nhiên chấp nhận các điều khoản, điều kiện ràng buộc được Amber Capital quy định cho Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến ở từng thời điểm.

After signing on this Registration Form, The Investor is entitled to use the Online Trading Service and automatically accepts the terms and conditions for the Online Trading Service set out by Amber Capital from time to time.

- 2.4. Việc cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến của Amber Capital và việc sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến của Nhà Đầu Tư được ràng buộc bởi các điều khoản của Giấy Đăng Ký, Hợp Đồng Của Sản Phẩm, các thỏa thuận, cam kết liên quan mà Nhà Đầu Tư đã ký kết với Amber Capital và/hoặc các điều kiện, cách thức, quy định, giao dịch cụ thể được Amber Capital hướng dẫn, thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư hoặc trên website của Amber Capital.

The provision of the Online Trading Service of Amber Capital and the use of the Online Trading Service and/or the execution of the Online Trading of The Investor are subject to the terms of the Registration Form, Product's Contract, related agreements, commitments that The Investor has signed with Amber Capital and/or specific terms and conditions which are instructed and

directly notified to The Investor or on Amber Capital's website.

Điều 3. Các rủi ro phát sinh từ giao dịch trực tuyến/ Article 3. Risks from Online trading

Việc sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến hoàn toàn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ Thống hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Nhà Đầu Tư cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại nào khác phát sinh khi sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến do lỗi Hệ Thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành động, thao tác của Nhà Đầu Tư ảnh hưởng đến việc sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến.

There are potential risks in using the Online Trading Service and/or the Online Trading performance due to faults of the System or any third party. The Investor undertakes to accept all risks arising from using the Online Trading Service and/or executing the Online Trading, due to faults of the System, of any third party or The Investor's acts affecting using the Online Trading Service and/or executing the Online Trading.

Điều 4. Thời gian cung cấp dịch vụ/ Article 4. Time of service supply

4.1. Amber Capital sẽ cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến liên tục.
Amber Capital shall provide the Online Trading Service continuously.

4.2. Thời gian ngừng cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến do sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp Hệ Thống hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được Amber Capital thông báo trước trên website của Amber Capital.
In case of suspending the Online Trading Service supply due to amendments, maintenance and upgrading of the System or being requested by competent authorities, Amber Capital shall inform in advance.

Điều 5. Chi phí/ Article 5. Fees

5.1. Khi sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến, Nhà Đầu Tư hiểu và đồng ý rằng Amber Capital có thể ấn định một hoặc nhiều khoản phí sử dụng dịch vụ ("Phí Dịch Vụ"). Để tránh nhầm lẫn, Phí Dịch Vụ này không phải là các khoản phí/giá dịch vụ áp dụng đối với Sản Phẩm và/hoặc phí/giá dịch vụ cho các hình thức sử dụng dịch vụ khác mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký với Amber Capital đã được quy định trong Hợp Đồng Của Sản Phẩm và các văn bản liên quan khác, bao gồm nhưng không hạn chế giá dịch vụ phái sinh, mua lại chứng chỉ quỹ mà Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thanh toán đối với mỗi giao dịch chứng chỉ quỹ mở.

By using The Online Trading Service and/or executing the Online Trading, The Investor understands and agrees that Amber Capital may charge one or more fees for use of service ("Service Fee"). For the avoidance of doubt, this Service Fee is not the service fee/ service price which is applied for the Products and/or for other forms of services registered with Amber Capital by The Investor and prescribed in the Product's Contracts and other related documents, including but not limited to subscription fee, redemption fee paid by The Investor for each.

5.2. Phí Dịch Vụ sẽ được Amber Capital thông báo cho Nhà Đầu Tư khi đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến. Amber Capital bảo lưu quyền ấn định, thay đổi đối với Phí Dịch Vụ và phương thức thanh toán Phí Dịch Vụ tùy từng thời điểm.

The Service Fee shall be informed to The Investor by Amber Capital when registering the Online Trading Service and/or implementing the Online Trading. Amber Capital reserves the right to charge, revise the Service Fee and Service Fee payment method from time to time.

Điều 6. Bảo mật/ Article 6. Confidentiality

6.1. Trách nhiệm của Nhà Đầu Tư
Responsibilities of The Investor

(i) Bảo mật Mật Khẩu Đăng Nhập, Mật Khẩu Giao Dịch của mình và chịu mọi thiệt hại, mất mát phát sinh do Mật Khẩu Đăng Nhập, Mật Khẩu Giao Dịch bị tiết lộ dưới bất cứ hình thức nào.

Keep confidential the Log-in Password, Trading Password and be responsible for all losses and damages due to reveal of the Log-in Password, the Trading Password under any circumstance.

(ii) Trường hợp Nhà Đầu Tư phát hiện các thông tin căn bản mật nêu trên có thể không còn thuộc sự kiểm soát của mình thì cần lập tức thông báo cho Amber Capital biết và thực hiện theo chỉ dẫn của Amber Capital.

In case of discovering the above information out of The Investor's control, The Investor must inform Amber Capital without delay and follow Amber Capital's instructions.

6.2. Trách nhiệm của Amber Capital
Responsibilities of Amber Capital

(i) Bảo mật và lưu giữ thông tin của Nhà Đầu Tư (tên đăng nhập/Mật Khẩu Đăng Nhập, thông tin giao dịch, và tất cả các thông tin khác của Nhà Đầu Tư) từ tương hợp phải cung cấp các thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Keep confidential and store The Investor's personal information (username/the Log-in Password, transaction information and all other information of The Investor), except for the case of providing this information to the competent authorities as required by law.

(ii) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư khôi phục thông tin đăng nhập khi Nhà Đầu Tư yêu cầu.
Support The Investor to recover log-in information when requested by The Investor.

Điều 7. Cam kết của Nhà Đầu Tư/ Article 7. The Investor's undertakings

7.1. Cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ và tuân thủ đúng những hướng dẫn sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến do Amber Capital cung

cấp trực tiếp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố rộng rãi trên website của Amber Capital ("Hướng Dẫn Công Khai"). Amber Capital không chịu trách nhiệm đối với những Giao Dịch Trực Tuyến không thực hiện được với bất kỳ lý do gì hay bất cứ thiệt hại nào xảy ra khi Nhà Đầu Tư không thực hiện đúng những Hướng Dẫn Công Khai.

Undertake to read carefully, understand clearly and comply with guidelines of the Online Trading Service and/or executing Online Trading, which are directly provided by Amber Capital or publicized on its website ("Public Instruction"). Amber Capital is not responsible for unperformed Online Trading for any reason or any damage if The Investor does not follow correctly the Public Instruction.

- 7.2. Mật Khẩu Giao Dịch là chữ ký điện tử của Nhà Đầu Tư ("Chữ Ký Điện Tử") và các Chứng Từ Điện Tử được Nhà Đầu Tư khởi tạo và/hoặc xác nhận và gửi có Chữ Ký Điện Tử của Nhà Đầu Tư có giá trị pháp lý như các văn bản của Nhà Đầu Tư gửi trực tiếp và hợp lệ tại quầy giao dịch.

Trading Password is deemed to be The Investor's electronic signature ("Electronic Signature") and the Electronic Record created and/or confirmed and sent with The Investor's Electronic Signature has legal value similar to The Investor's order slip sent duly at the trading counter.

- 7.3. Đồng ý rằng bất cứ hành động truy cập/giao dịch nào vào/trên tài khoản giao dịch của Nhà Đầu Tư bằng tên truy cập với đúng Mật Khẩu Đăng Nhập và Mật Khẩu Giao Dịch đều được coi là Nhà Đầu Tư truy cập/giao dịch.

Agree that any access/transaction to/on The Investor's trading account by username with correct Log-in Password and Trading Password is regard as The Investor's access/transaction.

- 7.4. Cung cấp đầy đủ/đăng ký các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư và kịp thời thông báo cho Amber Capital khi có sự thay đổi các thông tin đó, chịu trách nhiệm với thông tin cung cấp.

Fully provide/register information related to The Investor and quickly inform Amber Capital when that information is changed, be responsible for such provided information.

- 7.5. Chấp nhận rằng mọi trao đổi mà Amber Capital gửi đến hoặc được gửi đi từ địa chỉ email, điện thoại, fax hoặc phương tiện điện tử khác mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký cho Amber Capital mặc nhiên được hiểu là được Amber Capital gửi đến cho Nhà Đầu Tư hoặc gửi từ Nhà Đầu Tư cho Amber Capital.

Agree that all information or exchanges sent by Amber Capital to or sent from email, telephone, fax or other electronic means registered to the Amber Capital by The Investor are naturally regarded as sent by Amber Capital to The Investor or sent from The Investor to Amber Capital.

- 7.6. Thanh toán đầy đủ Phí Dịch Vụ và lệ phí khác theo quy định của Amber Capital đã được Hướng Dẫn Công Khai này từng thời điểm.

Pay in full the Services Fee and other expenses in accordance with Amber Capital's Public Instruction from time to time.

- 7.7. Nhận thức và đồng ý những rủi ro có thể phát sinh từ Giao Dịch Trực Tuyến và Bản Công Bố Rủi Ro mà Amber Capital đã cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố trên website của Amber Capital.

Acknowledge of and agree with the potential risks from the Online Trading and the Risks Disclosure provided by Amber Capital or publicized on its website.

- 7.8. Chịu trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo an toàn, đảm bảo tính tương thích cho các loại máy móc, thiết bị kết nối, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng... do Nhà Đầu Tư sử dụng khi kết nối, truy cập vào Hệ Thống nhằm kiểm soát, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.

Be responsible for applying any reasonable measures in order to ensure security and compatibility for all kinds of machines, connection equipment, systematic software, application software, etc. used by The Investor to connect, access to the System in order to control and prevent illegal use and access to the Online Trading Service.

Điều 8. Cam kết của Amber Capital/ Article 8. Amber Capital's undertakings

- 8.1. Amber Capital không có bất kỳ cam kết, đảm bảo hoặc ưu tiên chuyên tiếp, thực hiện thành công các Giao Dịch Trực Tuyến của bất kỳ Nhà Đầu Tư nào khi sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến.

Amber Capital has no undertakings, assurance or providing priority regarding transition and successful performance of any Online Trading when The Investor uses the Online Trading Service and/or executes the Online Trading.

- 8.2. Amber Capital tin rằng, Amber Capital có thể theo toán quyền đánh giá của mình từ chối thực hiện hoặc xác minh, kiểm tra lại trước khi thực hiện những Giao Dịch Trực Tuyến mà Amber Capital thấy khả nghi, bất thường hoặc không hợp lệ.

Amber Capital can, at its sole discretion, reject to perform or verify and check again before performing any Online Transaction that Amber Capital believes invalid, unusual, and doubtable.

- 8.3. Quản lý thông tin liên quan đến việc thực hiện giao dịch của Nhà Đầu Tư theo đúng quy định pháp luật.

Manage information related to The Investor's transactions as required by law.

- 8.4. Cung cấp, hướng dẫn và hỗ trợ cho Nhà Đầu Tư sử dụng các Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến, công khai các biên phí áp dụng.

Supply, instruct and support The Investor to use the Online Trading Service and/or perform the Online Trading, publicize applied the Service Fee levels.

- 8.5. Thông báo trước cho Nhà Đầu Tư trong trường hợp ngưng, tạm ngưng, thay đổi/chỉnh sửa/thay thế cung cấp một phần hoặc toàn bộ Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến, thay đổi các điều khoản áp dụng khi đăng ký Giao Dịch Trực Tuyến cho phù hợp với quy định pháp luật.

Inform The Investor in advance in the case of interruption, temporary interruption, change/repair/replacement partly or wholly the Online Trading Service, change the terms and conditions of this Registration Form in accordance with applicable laws.

- 8.6. Hướng dẫn và hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật phát sinh khi Nhà Đầu Tư sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến, cập nhật các phiên bản mới của Hệ Thống cho Nhà Đầu Tư (nếu có).
Instruct and support technical problems when The Investor uses the Online Trading Service and/or executes the Online Trading, update new versions of the System to The Investor (if any).

- 8.7. Lưu trữ các Chứng Từ Điện Tử liên quan đến các Giao Dịch Trực Tuyến của Nhà Đầu Tư theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo rằng các bằng chứng này có thể truy cập và sử dụng để tham chiếu khi cần thiết.
Store the Electronic Record related to The Investor's Online Trading in accordance with applicable laws and ensure that these documents are accessible and usable for reference in necessary cases.

- 8.8. Thực hiện ngay việc thông báo trên website của Amber Capital và cho các đại lý phân phối và nỗ lực tối đa để khắc phục sự cố khi xảy ra lỗi đường truyền hoặc lỗi hệ thống dẫn đến Giao Dịch Trực Tuyến không thể thực hiện được để Nhà Đầu Tư kịp thời tiến hành giao dịch trực tiếp với Amber Capital hoặc các tổ chức khác theo hướng dẫn của Amber Capital.
Immediately inform on Amber Capital's website and for distributors and make best efforts to repair problems of transmission or systematic faults causing the Online Trading unperformed in order for The Investor to timely execute direct transaction with Amber Capital or other institutions under instruction by Amber Capital.

- 8.9. Bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật trong trường hợp phát sinh các thiệt hại do lỗi của Amber Capital gây ra.
Compensate The Investor as provided by law for any damages due to Amber Capital's faults.

Điều 9. Miễn trừ trách nhiệm/ Article 9. Disclaimer

- 9.1. Amber Capital không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót hoặc thiệt hại nào phát sinh do:
Amber Capital shall be not responsible for any mistake or damage for the following reasons:

- (i) Nhà Đầu Tư cung cấp thông tin chậm trễ, thiếu sót hay không chính xác dẫn đến không sử dụng được Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến.
The Investor does not provide information in time, or provide incomplete or inexact information, which causes the Online Trading Service unusable and/or the Online Trading unperformed.
- (ii) Lỗi của bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm cả những đối tác của Amber Capital trong việc cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.
Mistakes of any third party, even including Amber Capital's partners in providing the Online Trading Service.
- (iii) Lỗi của Hệ Thống hay bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào liên quan, kể cả trường hợp Hệ Thống từ chối thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến của Nhà Đầu Tư vì bất kỳ lý do nào.
Faults of the System or any relevant technical mean, even including the case that the System rejects to perform The Investor's Online Trading for any reason.
- (iv) Amber Capital thực hiện chậm trễ hay không thể thực hiện được trách nhiệm của mình theo đúng các điều khoản và quy định sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến này do có sự trục trặc về máy móc, xử lý dữ liệu, thông tin viễn thông, thiên tai hay bất kỳ sự việc nào ngoài sự kiểm soát của Amber Capital hay do hậu quả của sự gian lận, giả mạo của bất kỳ bên thứ ba nào.
Amber Capital performs with delay or cannot perform its duties according to the terms and conditions of the Online Trading Services because of problems regarding machines, data process, media, act of God or any event out of its control or results of any third party's fraud and fake.
- (v) Việc Nhà Đầu Tư để mất lộ tên đăng nhập, Mật Khẩu Đăng Nhập, Mật Khẩu Giao Dịch dẫn đến người khác dùng những thông tin này để sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến hoặc tiếp cận những thông tin mà Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến cung ứng.
The case that The Investor reveals username, the Log-in Password, the Trading Password of The Investor, which enables other person to make use of this information for using the Online Trading Service and/or performing the Online Trading or accessing to the information provided by the Online Trading Service.

- 9.2. Hai Bên không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót nào xảy ra khi thực hiện một phần hay toàn bộ các điều khoản được nêu tại đây nếu sai sót đó là do Sự Kiện Bất Khả Khắc.
The Parties are not responsible for any error in implementing one or all of the terms stated herein if such error is due to the Force Majeure.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung và chấm dứt sử dụng dịch vụ/ Article 10. Amendment, supplement and termination of the service

- 10.1. Các điều khoản này sẽ chấm dứt hiệu lực khi:
These terms shall terminate when:

- (i) Tài khoản của Nhà Đầu Tư bị đóng/chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.
The investor's account has been closed/terminated for whatever reason.
- (ii) Amber Capital thông báo trước cho Nhà Đầu Tư về việc ngừng hoặc chấm dứt các điều khoản áp dụng khi đăng ký Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần có sự đồng ý của Nhà Đầu Tư.
Amber Capital notifies The Investor in advance of the termination or suspension of terms applied when registering an Online Trading Service at any time without the consent of The Investor.
- (iii) Nhà Đầu Tư yêu cầu ngừng sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến mà Amber Capital cung cấp.

The Investor requests suspending the use of the Online Trading Service provided by Amber Capital;

(iv) Xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng;

Occurrence of the Force Majeure;

(v) Theo quy định của pháp luật hiện hành.

In accordance with applicable laws.

(vi) Việc chấm dứt dịch vụ này không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ chưa thực hiện của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các bên có trách nhiệm hoàn tất nghĩa vụ của mình đến thời điểm chấm dứt dịch vụ trong thời gian sớm nhất có thể.

The termination of this service shall not affect any obligation arising out prior to the termination. The Parties has obliged to complete such obligation till the date of termination as soon as possible.

10.2. Amber Capital bảo lưu quyền được sửa đổi, bổ sung Phí Dịch Vụ, Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần phải có sự đồng ý trước của Nhà Đầu Tư. Amber Capital sẽ thông báo các sửa đổi, bổ sung nêu trên và các thông tin liên quan khác công khai tại website của Amber Capital hoặc gửi qua địa chỉ email mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký.

Amber Capital reserves the right to amend, supplement the Service Fee, the Online Trading Service at any time without prior approval of The Investor. Amber Capital shall update such above amendments, supplements and related information publicly on the Amber Capital's website or via the email address registered by The Investor.

10.3. Amber Capital không chịu trách nhiệm trong trường hợp Nhà Đầu Tư không nhận được thông tin do:

Amber Capital is not responsible for the case that The Investor does not receive information due to:

(i) Hộp thư của Nhà Đầu Tư không nhận được email từ Amber Capital vì bất cứ lý do gì.

The Investor's mailbox cannot receive email from Amber Capital for any reason.

(ii) Nhà Đầu Tư thay đổi địa chỉ email mà không đăng ký lại với Amber Capital.

The Investor changes email address without re-registering with Amber Capital.

Điều 11: Điều khoản chung/ Article 11. General terms

11.1. Các điều khoản áp dụng này là một bộ phận không thể tách rời của Giấy Đăng Ký.

These terms of use is an integrated part of the Registration Form.

11.2. Việc Nhà Đầu Tư đăng ký và sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến không làm miễn trừ quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư được quy định tại Hợp Đồng Của Sản Phẩm, các cam kết liên quan mà Nhà Đầu Tư đã ký kết với Amber Capital và/hoặc các điều kiện quy định về cách thức giao dịch cụ thể mà Amber Capital đã hướng dẫn hoặc được thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư.

The fact that The Investor registers and uses the Online Trading Service does not waive The Investor's rights and duties stipulated in the Product's Contract, related undertakings which The Investor has signed with Amber Capital and/or concrete conditions of trading instructed and publicized by Amber Capital.

11.3. Việc đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến không loại trừ quyền của Nhà Đầu Tư được thực hiện giao dịch qua các hình thức sử dụng dịch vụ khác mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký với Amber Capital.

Registering to use the Online Trading Service does not waive The Investor's right to execute transaction via other forms of services which The Investor has registered with Amber Capital.

11.4. Nhà Đầu Tư cần thực hiện kiểm tra trực tiếp, thường xuyên theo dõi số dư và diễn biến tài khoản giao dịch và kịp thời phản ánh cho Amber Capital những sai sót phát sinh (nếu có) trong quá trình sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và/hoặc thực hiện Giao Dịch Trực Tuyến. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ phản hồi về sai sót trong giao dịch trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo/sao kê. Sau thời gian này, Amber Capital không chịu trách nhiệm với các khiếu nại phát sinh.

The Investor should directly and frequently check the trading account status and balance and keeps Amber Capital informed without delay of mistakes (if any) arising from the process of using the Online Trading Service and/or executing Online Trading. The Investor is obligated to respond to any errors in the transaction within three (03) working days from the date of receiving the notification/statement. After this period, Amber Capital shall not be held responsible for any arising complaints.

11.5. Các điều khoản này được điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Các tranh chấp phát sinh giữa Nhà Đầu Tư và Amber Capital được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai Bên. Trong trường hợp thương lượng không thành, các Bên có quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

These terms shall be construed to in accordance with the laws of Vietnam. Any dispute or controversy arising between The Investor and Amber Capital relating to these terms will settle by negotiation between the Parties. In case the negotiation fails, both Parties have the rights to bring the case to competent court in accordance with applicable laws.

11.6. Giấy Đăng Ký này là hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ do Amber Capital quản lý và không phải một chỉ thị mua/bán chứng chỉ quỹ cụ thể nào. Khách hàng cần thực hiện điền phiếu lệnh mua/bán theo mẫu của Amber Capital cho từng lần giao dịch và chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát.

This Registration Form constitutes an agreement for opening a fund certificate trading account managed by Amber Capital, and does not represent any specific instruction to subscribe or redeem fund certificates. The Client must complete the subscription/redemption order form in Amber Capital's prescribed format for each transaction and transfer funds to the Fund's account at the Custodian Bank.

X. CÁC HỒ SƠ CẦN CUNG CẤP
REQUIRED DOCUMENTS

- Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở và đăng ký dịch vụ giao dịch trực tuyến cho nhà đầu tư tổ chức (đính kèm) (bản gốc có đóng dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức).
Application form for open-ended fund trading account opening and online trading service registration for corporate investors (attached) (original with seal and signature of the legal representative of the Institutional Investor)
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
A valid copy of Business Registration Certificate
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (nếu có).
Valid copies of documents related to change(s) of Business Registration Certificate information (if any)
- Văn bản ủy quyền hợp lệ (nếu có).
Valid Power of attorney (if any)
- Photo CCCD/Hộ chiếu còn hiệu lực người đại diện theo pháp luật đại diện phần vốn góp, ủy quyền đặt lệnh.
Copy of ID/Passport of legal representative, representative of contributed capital, authorization to place orders
- Giấy xác nhận Mã số giao dịch chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài).
Confirmation of securities trading code from Vietnam Securities Depository And Clearing Corporation (for foreign Investor)
- Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản đầu tư gián tiếp (IICA) (đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài).
The bank information on opening the capital contributed account (CCA) or the direct investment capital account (IICA) (for foreign Investor)
- Tài liệu xác nhận tình trạng FATCA.
Supporting documents for FATCA status
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (nếu có).
Valid copies of documents related to change(s) of Business Registration Certificate information (if any)
- Tài liệu khác theo yêu cầu đối với Chủ đầu tư, Chủ sở hữu hưởng lợi hoặc mục đích khác.
Any other documents (if required) for Ultimate Owner, Beneficial Owner or for other purposes



Amber | CAPITAL

PHIẾU LỆNH MUA/
SUBSCRIPTION ORDER

QUỸ MỞ CỦA AMBER CAPITAL /AMBER CAPITAL OPEN-ENDED FUNDS

Chủ tài khoản /Người được ủy quyền
Account Holder/Authorised representative

(Nhà phân phối điền vào) (to be inserted by Distributor)

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

Họ tên/Full name:

CMND-Hộ chiếu-ĐKKD:

ID-Passport-Business Registration no.:

Số tài khoản Người sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư là:
Investor's Unitholder Account Number is:

Vui lòng điền đầy đủ lệnh mua này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển đơn điền đầy đủ này cho Đại lý phân phối của bạn.

Please complete this order form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign at the places indicated. Please return the completed form to your Distributor.

Nhà đầu tư yêu cầu đầu tư vào các Quỹ mở sau của Amber Capital:

I/we request investment in the following Open-Ended Funds of Amber Fund Management:

Tên quỹ/Fund name

Số tiền đầu tư(bằng số*) /Investment Amount (in number*)

Số tiền đầu tư bằng chữ/Investment Amount (in words)

NGUỒN VỐN / SOURCE OF FUNDS

(*)bằng đồng Việt Nam đã bao gồm phí dịch vụ phát hành/amount in Vietnam Dong including subscription fee

Nguồn vốn/ Source of funds

Vui lòng đánh dấu vào ô mô tả chính xác nhất nguồn vốn của khoản đầu tư này hoặc ghi rõ nếu là nguồn khác:

Please tick the box that best describes the source of funds for this investment or specify if other:

☐ Thu nhập từ lương
Employment income

☐ Tiền gửi ngân hàng/tiền tiết kiệm
Bank deposit/savings account

☐ Bán tài sản/bất động sản
Asset/Property sale

☐ Thừa kế
Inheritance

☐ Ghi rõ nếu là nguồn khác:
If other please specify:

CHỮ KÝ VÀ TUYÊN BỐ /SIGNATURES AND DECLARATIONS

Nhà đầu tư đăng ký mua Đơn vị của (các) Quỹ như đã chỉ rõ, và xác nhận rằng đã nhận được, đọc và hiểu (các) tài liệu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư có liên quan đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí dịch vụ áp dụng cho (các) quỹ tương ứng, và chấp nhận Điều lệ các điều khoản và điều kiện chi tiết trong Bản Cáo Bạch và Phiếu Đăng Ký.

I/We apply for Units of the fund(s) indicated, and confirm having received, read and understood the relevant investor information document(s) especially the objectives and investment policy (ies), the risk factors and the charges applicable to the relevant fund(s), and individually accept the charter, terms and conditions detailed in the Prospectus and Application.

Chữ ký/ Signature:

Địa điểm/ Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)

Date: (dd/mm/yyyy)

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/ DISTRIBUTOR

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:

Name and Signature of Distributor Officer:

Tên Đại lý phân phối/Distributor Name:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

Nhân viên nhận lệnh/Name of order receiver:

Thời gian và ngày nhận/Time and Date received:

Thời gian và ngày chuyển/ Time and Date Transmitted



Amber | CAPITAL

PHIẾU LỆNH BÁN/
REDEMPTION ORDER

QUỸ MÔ CỦA AMBER CAPITAL/AMBER CAPITAL OPEN-ENDED FUNDS

Chủ tài khoản /Người được ủy quyền
Account Holder/Authorised representative

(Nhà phân phối điền vào) (to be inserted by Distributor)

SỐ ĐĂNG KÝ:
APPLICATION NUMBER:

Họ tên/Full name:

CMND-Hộ chiếu-BKKD:

ID-Passport-Business Registration no.:

Số tài khoản Người sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư là:
Investor's Unitholder Account Number is:

Vui lòng điền đầy đủ lệnh bán này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển đơn điền đầy đủ này cho Đại lý Phân phối của bạn.

Please complete this order form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign at the places indicated.
Please return the completed form to your Distributor.

Nhà đầu tư yêu cầu bán Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư là:

I/we request the redemption of the following Open-Ended Fund Units of Amber Capital:

Tên quỹ/Fund name

Số lượng Đơn vị (bằng số*) /Number of Units (in number*)

Số lượng Đơn vị (bằng chữ)/Number of Units (in words)

HOẶC/OR
VÀ/AND

☐ Tất cả đơn vị
All Units

☐ Đóng tài khoản
Close account

CHỮ KÝ /SIGNATURES

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)

Date: (dd/mm/yyyy)

THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI /DISTRIBUTOR

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:

Name and Signature of Distributor Officer:

Tên Đại lý phân phối/Distributor Name:

Nhân viên nhận lệnh/Name of order receiver:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

Thời gian và ngày nhận/Time and Date received:

Thời gian và ngày chuyển/Time and Date Transmitted



Amber | CAPITAL

PHIẾU LỆNH CHUYỂN ĐỔI
SWITCHING ORDER FORM

QUỸ MỞ của Amber Capital /Amber Capital OPEN-ENDED FUNDS

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR'S INFORMATION

Chủ tài khoản

Account Holder

Họ tên/Full name:

(Nhà phân phối điền vào) (to be inserted by Distributor)

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

Người được ủy quyền

Authorized representative:

Họ tên/Full name:

CMND-Hộ chiếu-ĐKKD:

ID-Passport-Business Registration no.:

Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ:

Account Number:

Vui lòng điền đầy đủ phiếu lệnh này bằng chữ VIẾT HOA và mực đen hoặc xanh, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại lý Phân phối của bạn.

Please complete this order in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign at the places indicated.

2. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI/ SWITCHING ORDER

Nhà đầu tư muốn chuyển đổi Chứng chỉ quỹ mở như sau:

Investor requests switching of the Open-ended Fund Certificate as follows:

Tên Quỹ bị chuyển đổi (bán)

Name of Fund switching out:

Tên viết tắt của Quỹ

Fund code:

Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi

Number of Fund Units

Bằng số

In number

Bằng chữ

In words

Bán toàn bộ
All Units

Tên Quỹ bị chuyển đổi (mua)

Name of Fund switching out:

Tên viết tắt của Quỹ

Fund code:

3. CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỮ KÝ / DECLARATION AND SIGNATURE

Bằng việc ký tên dưới đây, Nhà đầu tư cam kết và xác nhận/ By signing below, Investor commits and confirms that:

- Quyết định chuyển đổi (các) Chứng Chỉ Quỹ là quyết định của Nhà Đầu Tư sau khi đã nhận, đọc và hiểu rõ (các) tài liệu liên quan đến Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế: Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ và các tài liệu liên quan khác của Quỹ. Nhà Đầu Tư chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung về mục tiêu, chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro liên quan đến việc đầu tư và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ.

The decision to switch Fund Certificate(s) is the Investor's own decisions after having received, read and understood the relevant Fund document(s), including but not limited to the Fund's Prospectus, Fund's Charter and other relevant documents. Investor accepts the terms and conditions in the above documents, especially the investment objectives, investment policy(ies), risk factors and the charges applicable to the Fund.

- Công ty CP Quản Lý Quỹ Amber Capital, các nhân viên, Giám đốc và Đại lý phân phối được chỉ định của Amber Capital sẽ không có trách nhiệm pháp lý liên quan đến quyết định chuyển đổi (các) Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư.

Amber Capital Fund Management JSC, its officers, CEO and authorised Distributors shall have no legal liability with respect to the Investor's decision to switch Fund Certificate(s).

CHỮ KÝ / SIGNATURES
NHÀ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY
QUYỀN

Investor/Authorized person

Địa điểm/ Place

Ngày ký (ngày/tháng/năm)

Date: (dd/mm/yyyy)

THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI / DISTRIBUTOR

Mã số Đại lý phân phối/ Distributor Number:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:

Name and Signature of Distributor Officer:

Tên Đại lý phân phối/ Distributor Name:

Nhân viên nhận lệnh/ Name of order receiver:

Nhân viên kiểm soát/ Name of Supervisory Officer:

Thời gian và ngày nhận lệnh/ Time and Date received:



PHIẾU HỦY LỆNH/ CANCELLATION ORDER

QUỸ MỞ CỦA AMBER CAPITAL / AMBER CAPITAL OPEN-ENDED FUNDS

(Nhà phân phối điền vào đây) (to be inserted by Distributor)

Chủ tài khoản /Người được ủy quyền
Account Holder/Authorised representative

SỐ ĐĂNG KÝ:
APPLICATION NUMBER:

Họ tên/Full name:

CMND-Hộ chiếu-ĐKKD:

ID-Passport-Business Registration no:

Số tài khoản Người sở hữu Đơn vị quỹ của nhà đầu tư là:
Investor's Unitholder Account Number is:

Vui lòng điền đầy đủ lệnh hủy này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển đơn đầy đủ thông tin này cho Đại lý Phân phối của bạn.
Please complete this order form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign at the places indicated.
Please return the completed form to your Distributor.

Nhà đầu tư yêu cầu hủy (những) Lệnh sau cho các Quỹ sau của Amber Capital (xin đánh dấu và điền vào ô thích hợp):

I/we request the following Order(s) for Open-Ended Funds of Amber Capital is cancelled (please tick box and complete as appropriate):

Loại lệnh/Order type

Ngày đặt lệnh/Date of Order
(dd/mm/yyyy):

Số đơn/Application Number

☐ LỆNH MUA
Subscription order

☐ LỆNH BÁN
Redemption

☐ LỆNH CHUYỂN
Switching Order

☐ LỆNH CHUYỂN NHƯỢNG
Transfer Order

CHỮ KÝ VÀ TUYÊN BỐ/ SIGNATURES AND DECLARATIONS

1. Nhà đầu tư hiểu rằng việc hủy (những) Lệnh trên chỉ có thể thực hiện được nếu Lệnh hủy được Đại lý chuyển nhượng nhận trước thời gian đóng sổ lệnh vào Ngày giao dịch. Những lệnh hủy nhận được sau thời gian đóng sổ lệnh không thể thực hiện được và những lệnh mà nhà đầu tư đã đặt sẽ được thực hiện mặc dù lệnh hủy đã được đưa ra.

I/ We understand that the cancellation of the above Order(s) can only occur if this Cancellation Order is received by the Transfer Agent prior to the time that the order book is closed for the Trading Day on which the Orders I/we wish to cancel are to be executed. Cancellation Orders received after this time cannot be implemented, and the Orders I/we have already given will be executed although this Cancellation Order has

2. Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng khoản thanh toán mà nhà đầu tư đã chuyển nhượng cho Ngân Hàng Giám sát cho một số lệnh đã bị hủy căn cứ trên lệnh hủy này sẽ được hoàn trả sau khi trừ phí liên quan tới tài khoản ngân hàng mà nhà đầu tư đã thực hiện thanh toán.

I/ We hereby confirm that any bank payment received by the Supervising Bank for an Order that is cancelled by way of this Cancellation Order shall be repaid net of charges to my/our bank account from which the payment was made.

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(Ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/ DISTRIBUTOR DETAILS

Mã số đại lý phân phối/Distributor number:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:
Name and Signature of Distributor Officer:

Tên đại lý phân phối/Distributor name:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

Nhân viên nhận lệnh/ Name of order

Thời gian và ngày nhận lệnh/ Time and Date

Thời gian và ngày chuyển/ Time and Date Transmitted

QUỸ MỞ của Amber Capital /Amber Capital OPEN-ENDED FUNDS

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR'S INFORMATION

 Chủ tài khoản
Account Holder

Họ tên/Full name:

(Nhà phân phối điền vào) (to be inserted by Distributor)

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

 Người được ủy quyền
Authorized representative:

Họ tên/Full name:

CMND-Hộ chiếu-BKGD:

ID-Passport-Business Registration no.:

 Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ:
Account Number:

Vui lòng điền đầy đủ phiếu lệnh này bằng chữ VIẾT HOA và mực đen hoặc xanh, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại lý Phân phối của bạn.

Please complete this order in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign at the places indicated.

2. THÔNG TIN CHUYỂN NHƯỢNG/ TRANSFER INFORMATION

Nhà đầu tư muốn chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ mở như sau:

Investor requests to transfer the Open-ended Fund Certificate as follows:

 Số lượng đơn vị quỹ chuyển nhượng
Number of Fund Units

 Bằng số
In number

 Bằng chữ
In words

☐ Chuyển nhượng toàn bộ
All Units

 Lý do chuyển nhượng (**)
The reason for the transfer (**):

☐ Quà tặng
Gift

☐ Thừa kế
Inheritance

☐ Theo lệnh của Tòa
By court order

☐ Khác
Other (please specify)

(**) Vui lòng cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng/ Kindly provide all the documents related to the transfer.

3. THÔNG TIN BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG/ RECIPIENT DETAILS
☐ Người nhận hiện không phải là Nhà đầu tư đã có tài khoản và Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ mở của Amber Capital hoàn chỉnh được đính kèm
The recipient does not have Amber Capital Open-ended Fund trading account and a complete application form attached

☐ Người nhận hiện là Nhà đầu tư đã có tài khoản sau đây
The recipient is an investor having Amber Capital Open-ended Fund trading account with following account number

 Tên chủ tài khoản
Account holder

 Số tài khoản
Account No.

 Loại tài khoản
Account type

☐ Cá nhân
Individual

☐ Tổ chức
Institutional

4. CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỮ KÝ / DECLARATION AND SIGNATURE

Bằng việc ký tên dưới đây, Nhà đầu tư cam kết và xác nhận/By signing below, Investor commits and confirms that

- Quyết định chuyển nhượng (các) Chứng Chỉ Quỹ là quyết định của Nhà Đầu Tư sau khi đã nhận, đọc và hiểu rõ (các) tài liệu liên quan đến Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế: Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ và các tài liệu liên quan khác của Quỹ. Nhà Đầu Tư chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung về mục tiêu, chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro liên quan đến việc đầu tư và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ.

The decision to transfer Fund Certificate(s) is the Investor's own decisions after having received, read and understood the relevant Fund document(s), including but not limited to the Fund's Prospectus, Fund's Charter and other relevant documents. Investor accepts the terms and conditions in the above documents, especially the investment objectives, investment policy(ies), risk factors and the charges applicable to the Fund.

2. Công ty CP Quản Lý Quỹ Amber Capital, các nhân viên, Giám đốc và Đại lý phân phối được chỉ định của Amber Capital sẽ không có trách nhiệm pháp lý liên quan đến quyết định chuyển nhượng (các) Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư.

Amber Capital Fund Management JSC, its officers, CEO and authorised Distributors shall have no legal liability with respect to the Investor's decision to transfer Fund Certificate(s).

CHỮ KÝ / SIGNATURES

NHÀ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY
QUYỀN

Investor/Authorized person

Địa điểm/ Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)

Date: (dd/mm/yyyy)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI / DISTRIBUTOR

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

--

Tên Đại lý phân phối/Distributor Name:

--

Nhân viên nhận lệnh/Name of order receiver:

--

--

Thời gian và ngày nhận lệnh/Time and Date received:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:

Name and Signature of Distributor Officer:

--

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

--

Amber | CAPITAL PHIẾU THAY ĐỔI CHI TIẾT ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ
CHANGE OF INVESTOR REGISTRATION DETAILS

QUỸ MỞ CỦA Amber Capital /Amber Capital OPEN-ENDED FUNDS

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/CHANGE OF INFORMATION

Chủ tài khoản
Account Holder

Họ tên/Full name:

Người được ủy quyền
Authorized representative:

Họ tên/Full name:

CMND-Hộ chiếu-ĐKKD:

ID-Passport-Business Registration no.:

Số tài khoản Người sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư là:
Investor's Unitholder Account Number is:

(Nhà phân phối điền vào) (to be inserted by Distributor)

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

Vui lòng điền đầy đủ phiếu lệnh này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại lý Phân phối của bạn.

Please complete this order in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign at the places indicated.

2. THAY ĐỔI THÔNG TIN/CHANGE OF INFORMATION

NỘI DUNG CONTENT	THÔNG TIN CŨ OLD INFORMATION	THÔNG TIN MỚI NEW INFORMATION

CHỮ KÝ / SIGNATURES

Chữ ký/ Signature:

Địa điểm/ Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI / DISTRIBUTOR

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên Đại lý phân phối/ Distributor Name:

Nhân viên nhận lệnh/ Name of order receiver:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:

Name and Signature of Distributor Officer:

Nhân viên kiểm soát/ Name of Supervisory Officer:

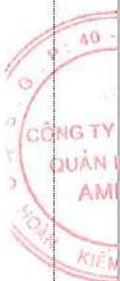
Thời gian và ngày nhận/ Time and Date received:

Thời gian và ngày chuyển/ Time and Date Transmitted

PHỤ LỤC 06
DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ

ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU AMBER

Hà Nội, tháng năm



MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC	1
CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	9
Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán.....	9
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ	10
Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ	10
Điều 7. Ngân hàng Giám sát.....	10
CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	10
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	10
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	11
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	12
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký quỹ	15
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	15
CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	16
Điều 13. Nhà đầu tư	16
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	16
Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư	18
Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	19
Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ	22
Điều 18. Giá bán/giá phát hành và giá mua lại chứng chỉ quỹ	24
Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ	25
Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ	25
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	25
Điều 21. Đại hội Nhà đầu tư	25
Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường.....	26
Điều 23. Thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư.....	26
Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư .	27
Điều 25. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản.....	28
Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.....	29
CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	29
Điều 27. Ban Đại diện Quỹ.....	29
Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	30

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ	30
Điều 30. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	31
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ	32
Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ	33
Điều 33. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ	33
CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	34
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ	34
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ.....	34
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ	37
Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ	38
CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	39
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát	39
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát	40
Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát	41
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát	43
CHƯƠNG VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	43
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền.....	43
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	43
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	44
Điều 45. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	44
Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	45
CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....	46
Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối	46
Điều 48. Hoạt động của Đại lý Phân phối, Đại lý ký danh.....	46
Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Đại lý Phân phối	47
CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	49
Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán.....	49
Điều 51. Năm Tài chính.....	50
Điều 52. Chế độ kế toán.....	50
Điều 53. Báo cáo tài chính.....	50
Điều 54. Báo cáo khác	51
CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	51
Điều 55. Xác định Giá trị Tài sản Ròng.....	51
Điều 56. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ	52
Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ	52
Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	53
CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ	53
Điều 59. Thu nhập của Quỹ	53
Điều 60. Phân phối lợi nhuận của Quỹ	53

Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ.....	54
CHƯƠNG XIII: TÁI CƠ CẤU QUỸ.....	56
Điều 62. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ	56
Điều 63. Chia, tách Quỹ.....	56
Điều 64. Giải thể Quỹ	56
CHƯƠNG XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	57
Điều 65. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	57
CHƯƠNG XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	57
Điều 66. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư.....	57
Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	58
Điều 68. Đăng ký Điều lệ.....	58
Điều 69. Điều khoản thi hành	58
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	59
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	61
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	62
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG.....	63
VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ	63

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (AEIF) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);
2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;
3. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP và Nghị định số 306/2025/NĐ-CP;
4. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC;
5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC;
6. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
7. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
8. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 18/2025/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC;
9. Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2025/TT-BTC;
10. Các văn bản pháp luật có liên quan khác, bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của những quy định nói trên.

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

“Quỹ”	Có nghĩa là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (viết tắt là “AEIF”), một quỹ đầu tư chứng khoán dạng quỹ mở, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
“Công ty Quản lý Quỹ”	Có nghĩa là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Amber, được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 39/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/10/2008. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber được uỷ thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
“Ngân hàng Giám sát”	Có nghĩa là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHDLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp, thực hiện các nghiệp vụ bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều 38 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
“Công ty Kiểm toán”	Là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber.
“Đại lý Phân phối”	Là các tổ chức đã ký hợp đồng với công ty quản lý quỹ và/hoặc công ty quản lý quỹ; thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều 48 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
“Đại lý ký danh”	Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sở phụ.
“Điều lệ Quỹ”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có) được Đại hội Nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là đại hội của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban Đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.
“Vốn Điều lệ Quỹ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Chứng chỉ Quỹ”	là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ Quỹ; hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Quỹ từ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ được quy định tại Điều lệ và được khấu trừ từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.
“Giá dịch vụ chuyển đổi”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do cùng một công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ được chuyển đổi.
“Năm tài chính”	Là 12 (mười hai) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ (NAV)”	Là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Phụ lục 4 Điều lệ này.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt quỹ, phát hành, mua lại và chuyển đổi chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
“Người có Liên quan”	Có nghĩa là khái niệm “người có liên quan” theo quy định khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.
“UBCKNN”	Có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“Luật Chứng khoán”	Là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15.
“VND”	Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành, là phương tiện thanh toán, cất trữ và đo lường giá trị trên lãnh thổ Việt Nam

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như quy định tại Bản cáo bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là các phụ lục, Điều và đoạn của Điều lệ này.

Các từ “của Điều lệ này”, “trong Điều lệ này” và “theo Điều lệ này” và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập tới toàn bộ Điều lệ này và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thoả thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thoả thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thoả thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

1. Tên Quỹ đầu tư

Tên tiếng Việt: **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU AMBER**
Tên tiếng Anh: **AMBER EQUITY INVESTMENT FUND**
Tên viết tắt: **AEIF**

2. Địa chỉ liên hệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER

Trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Việc thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Thời gian hoạt động của Quỹ sẽ kết thúc khi UBCKNN có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber** là quỹ đại chúng dạng mở. Quỹ có nghĩa vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã phát hành cho Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
3. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và thực thi các quyền hạn khác theo Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
4. Công ty Quản lý Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ.
5. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng Giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (*năm mươi tỷ đồng*). Số vốn này được chia thành tối thiểu là 5.000.000 (*năm triệu*) đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là 10.000 VNĐ (*mười nghìn đồng*).
2. Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
3. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa chứng chỉ Quỹ được phát hành trừ khi Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác.

4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Chứng chỉ Quỹ huy động tối đa phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
5. Đơn vị Quỹ
 - a) Mệnh giá của Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ (mười nghìn Đồng Việt Nam).
 - b) Giá trị của một Đơn vị Quỹ tại một thời điểm nhất định bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm đó.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber
2. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 39/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 10 năm 2008
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: 02439386222
5. Fax: 02439381222

Điều 7. Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
4. Địa chỉ trụ sở chính: 74 Thợ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
5. Điện thoại: 0243.9411 840
6. Fax: 0243 9411 847

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận và tối ưu mức sinh lời trong dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư linh hoạt và hiệu quả vào cổ phiếu của các công ty có mô hình kinh

doanh bền vững và triển vọng tăng trưởng cao, cũng như các loại tài sản có định giá hấp dẫn theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ đầu tư tập trung đầu tư cổ phiếu chọn lọc, ưu tiên các công ty có triển vọng tăng trưởng giá trị bền vững trong trung và dài hạn, bên cạnh việc nắm giữ một phần các tài sản thu nhập cố định để cân bằng rủi ro, theo đó:

- a) Quỹ xây dựng mục tiêu lợi nhuận cao thông qua việc đầu tư vào các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh, đang trong giai đoạn chuyển mình, và các cơ hội thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước.
- b) Quỹ tập trung vào các doanh nghiệp có nền tảng kinh doanh tốt, có kết quả kinh doanh tốt.
- c) Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục theo định hướng của các ngành được hưởng lợi từ sự chuyển dịch của kinh tế vĩ mô và các chính sách, định hướng của nhà nước.
- d) Quỹ đầu vào công ty có hoạt động kinh doanh bền vững, định giá hấp dẫn và tỷ lệ cổ tức cao.
- e) Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng các báo cáo phân tích cơ bản được cập nhật thường xuyên về doanh nghiệp trong danh mục cũng như các hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ.
- f) Quỹ sử dụng chiến lược phân bổ tài sản chủ động hợp lý theo từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa cơ hội tăng trưởng và giảm thiểu rủi ro.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư:

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào những ngành nghề hiện có và được giao dịch trên Thị trường Chứng khoán với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều 10 Điều lệ này.

3. Các loại tài sản được phép đầu tư:

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư và các quy định pháp luật, sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật hiện hành tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật hiện hành. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
- Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.
- Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công ty Quản lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f khoản 3 Điều 9 Điều lệ này phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- e) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, trong đó; không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f khoản 3 Điều 9 Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
 - k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.
2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
 - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
3. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp sai lệch do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
- a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - c) Quỹ không được đầu tư quá hai mươi (20%) giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam xác nhận.

d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

7. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.
8. Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho Quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng:
Công ty Quản lý Quỹ sẽ trình danh sách và hạn mức đầu tư (nếu có) tại các tổ chức tín dụng để Ban đại diện Quỹ xem xét phê duyệt nguyên tắc thực hiện hoạt động đầu tư.
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu chính quyền địa phương và các công cụ nợ khác:
Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục.
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là cổ phiếu:
Quỹ áp dụng phương pháp sàng lọc theo cách tiếp cận từ trên xuống (top-down) thông qua phân tích vĩ mô tổng quan nền kinh tế, các chính sách và định hướng của chính phủ nhằm

lựa chọn các ngành được hưởng lợi và có tiềm năng tăng trưởng nhanh trong thời gian sắp tới.

Quỹ áp dụng phương pháp phân tích cơ bản theo cách tiếp cận từ dưới lên (bottom-up) nhằm tái khẳng định tiềm năng tăng trưởng, đánh giá tính bền vững, và rủi ro của mỗi doanh nghiệp mục tiêu trước khi đi đến quyết định đầu tư. Theo đó, Quỹ sẽ tiến hành thẩm định theo trình tự:

- a. Mô hình kinh doanh, loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp, lợi nhuận trong dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng của dòng tiền, và chất lượng của đội ngũ lãnh đạo;
- b. Tình hình chung của ngành bao gồm tình hình cạnh tranh, thị phần, tiềm năng tăng trưởng của ngành;
- c. Những thay đổi của các chỉ báo kinh tế và chu kỳ kinh tế, những ảnh hưởng của chính sách tài khóa và tiền tệ lên tổng sản phẩm quốc nội, lãi suất, lạm phát... Khi các cổ phiếu đã được lựa chọn đầu tư, Quỹ sẽ tiếp tục tích cực theo dõi và năng động trong quản lý danh mục với mục tiêu quản trị rủi ro và gia tăng khả năng sinh lợi của các khoản đầu tư.

CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất 1 Chứng chỉ Quỹ trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức ký.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
 - b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
 - c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
 - d) Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;
 - e) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư;
 - f) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - g) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

- h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - i) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - j) Tuân thủ Điều lệ này;
 - k) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - l) Thanh toán đầy đủ tiền mua số chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng Giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - b) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ này, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật;
 - c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Việc chấp thuận hoặc từ chối kiến nghị thực hiện theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc

đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2,3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (Sổ chính) hoặc ủy quyền Đại lý ký danh lập, quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư phụ (Sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Đại lý ký danh được lập, quản lý sổ phụ trên cơ sở hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ. Chi phí quản lý sổ phụ không được hạch toán vào Quỹ.
3. Sổ chính, Sổ phụ phải có các thông tin sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
 - b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - c) Các thông tin cá nhân khác của nhà đầu tư bao gồm:

Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân, hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính; họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;
 - d) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có);
 - e) Số tài khoản của Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
 - f) Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán.

- g) Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư;
4. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Cơ chế chung về giao dịch chứng chỉ quỹ:
- a) Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.
 - b) Tần suất giao dịch của Quỹ: Chứng chỉ quỹ được giao dịch hằng ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (“Ngày Giao dịch”). Trong trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch gần nhất sau đó. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan về lịch giao dịch cụ thể trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Việc tăng hoặc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một tháng theo quy định của pháp luật.
 - c) Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h30 ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T-1). Lệnh mua/ bán/ chuyển đổi chỉ được thực hiện nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận trước thời điểm đóng sổ lệnh của Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ tiếp tục có giá trị để thực hiện tại Ngày Giao dịch chứng chỉ quỹ kế tiếp.
 - d) Nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà đầu tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
 - e) Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý Phân phối đã được công bố tại bản cáo bạch. Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư chỉ được chấp nhận khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý Phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
2. Lệnh mua chứng chỉ Quỹ
- a) Giá trị giao dịch của lệnh mua phải không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu (nếu có) quy định tại Bản cáo bạch Quỹ.
 - b) Nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản tới tài khoản của Quỹ hoặc tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ của đại lý ký danh mở tại Ngân hàng Giám sát. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ

quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư.

- c) Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối được tính bằng:

$$\frac{\text{Tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ} \times (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành}(\%))}{\text{Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}}$$

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch

- d) Số lượng đơn vị Quỹ được phân phối được làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
e) Xác nhận giao dịch: được Đại lý phân phối chuyển tới nhà đầu tư trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư mua được.
f) Các trường hợp lệnh mua không hợp lệ, cách thức giải quyết chênh lệch tiền và quy trình nhận, thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

3. Lệnh bán Chứng chỉ quỹ

- a) Quy định về số lượng Đơn vị Quỹ đăng ký bán tối thiểu và số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản được nêu tại Bản cáo bạch.
b) Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
c) Tiền bán chứng chỉ quỹ được Quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định.
d) Giá trị bán được nhận = Số lượng Đơn vị Quỹ được mua lại * NAV của Đơn vị Quỹ sử dụng tại Ngày Giao dịch * (1 - Giá Dịch vụ Mua lại (%)) - thuế (nếu có)
e) Nhà đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng số tiền bán chứng chỉ quỹ trừ đi các khoản thuế (nếu có) theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền.
f) Xác nhận giao dịch: được Đại lý phân phối chuyển tới nhà đầu tư trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.
g) Các trường hợp lệnh bán không hợp lệ, cách thức giải quyết và quy trình nhận, thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
h) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đảm bảo:
- Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
- Được Nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;

- Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán lớn hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Cơ cấu danh mục chuyển giao cho nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ.
- Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản này.

4. Lệnh chuyển đổi Chứng chỉ quỹ

- Nhà đầu tư có quyền đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ chứng chỉ quỹ đang sở hữu (Quỹ nguồn) sang một loại chứng chỉ quỹ khác phát hành bởi Quỹ do cùng Công ty Quản lý Quỹ quản lý (Quỹ đích) trong trường hợp các Quỹ có quy định cho phép chuyển đổi chứng chỉ quỹ.
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi tối thiểu (nếu có) quy định tại Bản cáo bạch Quỹ. Nguyên tắc thực hiện giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ mở và thủ tục thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
- Nhà đầu tư phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi được quy định tại Bản cáo bạch Quỹ và phí chuyển tiền (trong trường hợp chuyển đổi chứng chỉ quỹ của những quỹ được thực hiện lưu ký không cùng một hệ thống ngân hàng giám sát), mà không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại và Giá Dịch Vụ Phát Hành trên giá trị chứng chỉ quỹ chuyển đổi.
- Số lượng chứng chỉ Quỹ đích được phân phối được tính bằng:

$$= \frac{\text{Số lượng chứng chỉ Quỹ nguồn được chuyển đổi} \times \text{NAV/ đơn vị quỹ nguồn tính tại ngày giao dịch} \times (1 - \text{Giá dịch vụ chuyển đổi (\%)}) - \text{Phí chuyển tiền (nếu có)}}{\text{NAV/ đơn vị quỹ đích tính tại ngày giao dịch gần nhất sau khi Quỹ nguồn đã thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ}}$$

- Các thủ tục liên quan đến việc chuyển đổi quỹ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

5. Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- Việc cho, biếu, tặng, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật. Quỹ chỉ chấp nhận người thụ hưởng hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc cho, biếu, tặng, thừa kế... hoặc người thụ hưởng.
- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber cho một cá nhân/tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
- Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

- d) Nhà Đầu Tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
 - e) Nhà Đầu Tư phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
 - f) Nhà Đầu Tư/người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
6. Nhà Đầu Tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là “SIP”). Theo đó, Nhà Đầu Tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng chỉ Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, các loại Giá dịch vụ của giao dịch áp dụng đối với chương trình SIP sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ, mức phòng vệ thanh khoản

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch; hoặc
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Trong trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được quyền áp dụng nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ.
4. Công ty Quản lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

- b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
- 5. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
 - 6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho Nhà đầu tư tùy thuộc vào tình hình thực tế nhưng không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.
 - 7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.
 - 8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.
 - 9. Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của Quỹ.
 - b) Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa của Quỹ là năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối.
 - c) Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Quản lý Quỹ và thông báo tới Đại lý Phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời

điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.

- d) Công ty Quản lý Quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Quản lý Quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt.
- e) Đại lý Phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 18. Giá bán/giá phát hành và giá mua lại chứng chỉ quỹ

1. Giá bán/Giá phát hành một đơn vị quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng, tức là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán cho Quỹ, bằng mười nghìn (10.000) đồng cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).
2. Giá bán/Giá phát hành một đơn vị quỹ cho các lần tiếp theo, là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ, bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).
3. Giá mua lại một đơn vị Quỹ, là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.
4. Giá dịch vụ phát hành là số tiền dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch.
5. Giá dịch vụ mua lại là số tiền dịch vụ nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ cho quỹ và được khấu trừ khi quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Giá dịch vụ mua lại được căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
6. Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền dịch vụ nhà đầu tư phải trả khi chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà đầu tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.
7. Các loại giá dịch vụ quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này được phép quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ, mục tiêu đầu tư hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ cụ thể của Quỹ được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, Đại lý Phân phối và được trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối. Ngân

hàng giám sát sẽ chuyển trả trực tiếp các loại giá dịch vụ này cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối theo chỉ thị thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá trả cho Đại lý phân phối được tính bởi tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan căn cứ trên Hợp đồng Đại lý phân phối được ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

8. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
9. Giá dịch vụ Chuyển Nhượng phí thương mại (áp dụng trong các trường hợp: cho, biếu, tặng, hoặc thừa kế) đối với các Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm.
10. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ (SIP): là số tiền dịch vụ áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua các đơn vị quỹ theo Chương trình SIP. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của quỹ.

Phí phạt khi rời chương trình SIP là số tiền dịch vụ được áp dụng trong trường hợp Nhà Đầu Tư chấm dứt chương trình SIP và bán Chứng chỉ quỹ, hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày bắt đầu tham gia chương trình SIP. Mức phí phạt sẽ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của quỹ.

Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phạt khi rời khỏi chương trình có thể được thay đổi do Công Ty Quản lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch khi tham gia chương trình và ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện khi rời khỏi chương trình.

Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trong trường hợp Quỹ bị thua lỗ, khoản lỗ sẽ được dồn sang năm sau để tính lợi nhuận lũy kế. Nhà Đầu Tư có thể thực hiện bán lại Chứng Chỉ Quỹ (nếu có nhu cầu).

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội Nhà đầu tư

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.

2. Đại hội Nhà Đầu Tư do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập. Đại hội Nhà Đầu Tư được triệu tập hằng năm hoặc bất thường. Trừ trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, việc họp Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi báo cáo UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.
3. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 23. Thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn Tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm toán cho các Báo cáo tài chính hằng năm của quỹ; thông qua việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của quỹ;
6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban Đại diện Quỹ gây tổn thất cho quỹ;
7. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.

Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội Nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.
5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
6. Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà đầu tư.
7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
8. Công ty Quản lý quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị Quyết của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp

luật và Điều lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà đầu tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 25. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản

Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, nguyên tắc, trình tự, thủ tục, trình tự lấy ý kiến Nhà Đầu tư như sau:

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư.
2. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ, thông tin Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
 - b. Thông tin Nhà Đầu tư, số lượng Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu tư;
 - c. Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự “Đồng ý”, “Không đồng ý” và “Không có ý kiến”;
 - d. Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty Quản lý Quỹ;
 - e. Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ;
3. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư bằng chuyển phát, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan Phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu tư).
4. Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của Nhà Đầu tư cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của Nhà Đầu tư là tổ chức và được gửi về Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ. Các ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu/thư lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu/thư lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu/thư không tham gia biểu quyết.
5. Công ty Quản lý Quỹ thành lập Ban kiểm phiếu, tổ chức việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu, Nghị quyết được thông qua đến các Nhà Đầu tư trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà Nhà Đầu tư phải gửi ý kiến về Công ty Quản lý Quỹ. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương Biên bản họp Đại hội Nhà Đầu tư và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ, thông tin Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
 - b. Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - c. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;
 - d. Họ tên, chữ ký của Trưởng ban kiểm phiếu, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền và người Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ hoặc người được người đại diện theo Pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền.
6. Ban kiểm phiếu, thành viên Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của Nội dung Biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên Cổng thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và UBCKNN trong vòng hai mươi bốn giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết được thông qua và các tài liệu khác có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều 23 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có 03 thành viên, được bầu tại các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
 - b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:
 - a) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;
 - b) Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.
3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ này và không nhất thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ;
 - c) Thành viên Ban đại diện quỹ có thể đồng thời là thành viên của Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác;
 - d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
 - b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;
 - b) Phê duyệt sổ tay định giá Giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao

dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ) và/hoặc các giao dịch khác mà cần phải có sự phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định Pháp luật.

- c) Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
 - d) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
 - e) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;
 - f) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ;
 - g) Giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
 - h) Phê chuẩn các giao dịch của Quỹ với Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát phù hợp với quy định của pháp luật;
 - i) Kiến nghị những thay đổi đối với chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ để Đại hội Nhà đầu tư quyết định;
 - j) Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Quỹ, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng định hướng hoạt động đầu tư của Quỹ định kỳ hàng quý, hàng năm;
 - k) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ.
2. Thành viên Ban đại diện quỹ có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ Quỹ.
 - b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
 - c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 30. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

- 1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- 2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ; và
- d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội Nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội Nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể ngày cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên Ban đại diện Quỹ không còn đáp ứng các điều kiện quy định, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
5. Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Ban đại diện Quỹ bị giảm quá một phần ba. Trường hợp này, Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Ban đại diện Quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điều lệ;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, gửi danh sách Ban đại diện quỹ và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban đại diện quỹ.

Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

Điều 33. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần hoặc theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, gửi tài liệu họp Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định cuộc họp Hội đồng quản trị của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn, hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số, trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
4. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
5. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi thành viên Ban Đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.
6. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
7. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.
8. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban Đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán nhưng không vượt quá tổng ngân sách hoạt động trong năm của Ban đại diện Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được UBCKNN cấp giấy phép quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
2. Không phải là Người có Liên quan của Ngân hàng Giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ; và
4. Được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - a) Tuân thủ các quy định của Điều lệ này và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
 - c) Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
 - d) Phân công tối thiểu 02 người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch;
 - e) Ký các Hợp đồng Lưu ký với Ngân hàng Lưu ký, Hợp đồng Giám sát với Ngân hàng Giám sát trong đó có các điều khoản chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc quản lý tài sản của Quỹ;
 - f) Ký các Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư (nếu có), dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ ủy quyền khác theo quy định của pháp luật với tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác, khách hàng ủy thác khác mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ; đảm bảo sự tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động quản lý quỹ cho Quỹ với các hoạt động đầu tư tài chính của Công ty Quản lý Quỹ;
 - g) Phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác.

- h) Trong trường hợp trong ngày Công ty Quản lý Quỹ mua hoặc bán cùng một loại tài sản cho Quỹ và cho chính Công ty Quản lý Quỹ thì việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:
- Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho Quỹ;
 - Việc phân bổ giao dịch cho bản thân công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch cho Quỹ. Trường hợp công ty quản lý quỹ biết thông tin nội bộ hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn tới giá của một loại tài sản, công ty quản lý quỹ không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó;
 - Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.
- i) Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện sau khi được chấp thuận bởi Ban đại diện Quỹ về loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;
- j) Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ; lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư (Sổ chính) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Việc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được thực hiện theo các nguyên tắc và trên cơ sở hợp đồng theo các quy định của pháp luật;
- k) Đảm bảo tất cả các giao dịch chứng khoán của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung phù hợp với quy định của pháp luật;
- l) Đảm bảo rằng khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty Quản lý Quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí/ giá dịch vụ quy định trong Điều lệ này;
- m) Thực hiện các quyền liên quan đến tài sản của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; thay mặt Quỹ, thực hiện thanh toán các khoản phí và chi phí hợp lý hợp lệ của Quỹ;
- n) Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch, thông báo cho Công ty quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư và không được thu giá dịch

vụ quản lý đối với phần danh mục không phù hợp với chính sách đầu tư và các tổn thất. Trường hợp giao dịch này phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;

- o) Tổ chức các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện các công việc hành chính khác có liên quan để đảm bảo hoạt động của Quỹ diễn ra thông suốt;
 - p) Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - q) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác của Quỹ và gửi các báo cáo đó đến Ban Đại diện Quỹ, các Nhà đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - r) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp:
 - Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này.
 - Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ quỹ này.
 - Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều 11 Điều lệ quỹ này, quy định của pháp luật.
 - Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ này.
 - s) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối chứng chỉ quỹ cần phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử;
 - t) Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các cam kết quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - u) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:
- a) Lựa chọn Ngân hàng Giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 38 Điều lệ này.
 - b) Được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động Quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan đến việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu tư vào Quỹ;
 - c) Được hưởng các khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;

- d) Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- e) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của quỹ theo quy định của Pháp luật;
- f) Khi thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà quỹ là cổ đông, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền thực hiện, phải bảo đảm ý kiến biểu quyết của mình là không gây bất kỳ ảnh hưởng nào tới quyết định mà các cổ đông khác tham gia biểu quyết thông qua theo quy định của Pháp luật;
- g) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với các Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ;
- h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
- i) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư;
- j) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.
- k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Theo yêu cầu của Đại hội Nhà đầu tư;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đề nghị đó được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - c) Công ty Quản lý Quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
 - d) Tổ chức lại Công ty Quản lý Quỹ;
 - e) Quỹ hết thời gian hoạt động;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.
3. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ

tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.

4. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, công ty quản lý quỹ thay thế gửi UBCKNN biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được Ban đại diện quỹ và Ngân hàng Giám sát xác nhận.
5. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều này.
6. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty Quản lý Quỹ:
 - a. Quỹ chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế Công ty Quản lý Quỹ trong trường hợp có sự thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, đồng thời sẽ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty Quản lý Quỹ
3%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

Phí này nhằm bù đắp những chi phí phát sinh cho Công ty Quản lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

- b. NAV được sử dụng để tính phí bồi thường cho Công ty Quản lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ đã được Ngân hàng Giám sát xác nhận.
 - c. Trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ vì lý do công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định của pháp luật thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khoản phí nêu trên.
7. Quỹ phải chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế công ty quản lý quỹ trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Các trường hợp khác thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có Liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Công ty quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý.

3. Công ty Quản lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ chỉ được là đối tác mua, bán các tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào trừ các khoản phí/giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này;
5. Trong hoạt động quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo;
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại, không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng;
 - e) Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại, có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
3. Phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng Giám sát, Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại;
4. Ngân hàng Giám sát, Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát có nghĩa vụ:
 - a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư Quỹ;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
 - d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
 - e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
 - f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - g) Giám sát việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là chính xác;
 - h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
 - i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;

- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
 - k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
 - l) Đảm bảo duy trì số lượng nhân viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn để cung ứng dịch vụ, duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, hệ thống kỹ thuật đầy đủ theo quy định của pháp luật chứng khoán của Việt Nam;
 - m) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền lập theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát
 - n) Ngân hàng Giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát;
 - o) Không được nhận một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng Giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba;
 - p) Ngân hàng Giám sát phải tuân thủ mọi cam kết tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.
2. Ngân hàng Giám sát có quyền:
- a) Hưởng các loại phí/ giá dịch vụ cho dịch vụ lưu ký và giám sát tài sản Quỹ theo quy định của Điều lệ này và Hợp đồng Giám sát nhưng không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác cho mình hoặc cho các bên thứ ba;
 - b) Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết;
 - c) Được quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật;
 - d) Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và quy định tại Hợp đồng Giám sát

Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:

- a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; giám sát việc xác định Giá trị Tài sản Ròng, kiểm tra, bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e) Giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ;
 - f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập.
2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
 4. Ngân hàng Giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý Quỹ.
 5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát liên đới cùng với công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá

trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán; hoặc
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc
 - c) Quỹ hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; hoặc
 - d) Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư; hoặc
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng Giám sát.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp thay đổi ngân hàng giám sát, Quỹ thông qua Công ty Quản lý Quỹ báo cáo UBCKNN và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho ngân hàng giám sát thay thế. Ngân hàng giám sát thay thế phải lập và gửi UBCKNN biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng giám sát có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện quỹ.
4. Trường hợp Ngân hàng Giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.
2. Các hoạt động được ủy quyền bao gồm:
 - a) Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư;
 - b) Dịch vụ đại lý chuyên nhượng;
 - c) Các hoạt động khác (khi phát sinh) theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí chung
 - a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;

Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.

2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền: Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mình thực hiện.
2. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động nhận ủy quyền;
3. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền;
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí, giá dịch vụ mà Quỹ thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;

4. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3 điều này;
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
6. Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, UBCKNN có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư;
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ trong hoạt động ủy quyền;
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền trong các trường hợp sau:
 - a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản, bị hợp nhất, sáp nhập bởi Tổ chức khác, bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - c) Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ xét thấy tổ chức cung cấp dịch vụ không đáp ứng các tiêu chí và trách nhiệm theo quy định tại điều lệ này;
 - f) Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;
 - g) Quỹ bị giải thể, sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của các tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty Quản lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp luật và hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Tổ chức nhận ủy quyền bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối

1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với Công ty Quản lý Quỹ.
2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký:
 - a) Không được làm đại lý ký danh;
 - b) Phải tách bạch việc phân phối Chứng chỉ Quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - c) Chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư.
3. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Trường hợp Đại lý Phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
4. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, Công ty phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.
5. Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối

Điều 48. Hoạt động của Đại lý Phân phối, Đại lý ký danh

1. Hoạt động của Đại lý phân phối bao gồm:
 - a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố;
 - b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh

toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư; Đại lý Phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu theo quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được Đại lý Phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời, phải đảm bảo ghi nhận đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời Điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử khác thì phải tuân thủ lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

- c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
 - d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;
 - e) Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư;
 - f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
2. Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Đại lý Phân phối

1. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, để gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.
5. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý Phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi Nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý Phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý Phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.
7. Đại lý Phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.
9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.
10. Phương tiện để Đại lý Phân phối thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.
11. Khi thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:
 - a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;

- b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;
 - c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;
 - d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;
 - e) Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;
 - f) Tuân thủ hoạt động phân phối theo quy định quy định pháp luật.
 - g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho Nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;
 - h) Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.
12. Công ty Quản lý Quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại lý Phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý Phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại lý Phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý Phân phối.

CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất các tổ chức kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
2. Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b) Nằm trong danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán;

- c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và
 - d) Không phải là Người có Liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
3. Dịch vụ của Công ty Kiểm toán đối với Quỹ sẽ tự động chấm dứt trong các trường hợp sau:
- a) Công ty Kiểm toán bị thu hồi giấy phép;
 - b) Công ty Kiểm toán bị phá sản hay giải thể.
4. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Công ty Kiểm toán được chỉ định phải cam kết bảo mật mọi thông tin về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán và Điều lệ này, bất kỳ thông tin nào liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động của Quỹ mà Công ty Kiểm toán nhận được hoặc biết được qua quá trình thực hiện chức năng là Công ty Kiểm toán, trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 51. Năm Tài chính

- 1. Một năm tài chính ("Năm Tài chính") có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
- 2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam cho Quỹ mở và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 53. Báo cáo tài chính

- 1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
- 2. Báo cáo tài chính năm sẽ được kiểm toán hàng năm, báo cáo tài chính bán niên sẽ được soát xét bán niên bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.
- 3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng Giám sát, Ban Đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.
- 4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 54. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 55. Xác định Giá trị Tài sản Ròng

1. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
2. Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc do tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng Giám sát về việc tuân thủ quy định của Pháp luật và điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
 - a) Trong trường hợp giá trị tài sản ròng bị định giá sai, trong vòng 24h Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng;
 - b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát (trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng ký xác nhận.
 - c) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ đồng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong vòng sáu (06) tháng liên tục, Công ty quản lý quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định.
3. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được xác định vào Ngày định giá. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà Đầu tư được thực hiện muộn nhất tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá đối với kỳ định giá ngày.
4. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
5. Giá trị Tài sản Ròng của một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. Giá trị tài

sản ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán quỹ mở. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào quỹ.

Điều 56. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 Điều lệ này.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ khi định giá sai Giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức sai lệch đạt từ 1% Giá trị Tài sản Ròng trở lên.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà đầu tư mua chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà đầu tư đã bán.
 - b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà đầu tư mua chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó;
4. Mức đền bù bằng đúng mức thiệt hại và được xác định theo các căn cứ nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.
5. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí đền bù cho Quỹ và nhà đầu tư. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này được hạch toán vào Quỹ nếu được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
6. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Quỹ sẽ không đền bù cho những Nhà đầu tư chịu thiệt hại ít hơn một trăm ngàn (100.000) đồng nhưng toàn bộ phần thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ phải được đưa vào thu nhập của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư quyết định khác.
7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày định giá lại giá trị tài sản ròng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN về phương án đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư. Phương án đền bù thiệt hại phải nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của quỹ, nhà đầu tư, kèm theo danh sách, mức đền bù của từng Nhà đầu tư;

8. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày báo cáo UBCKNN, công ty quản lý quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho quỹ và nhà đầu tư.

Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Nguyên tắc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá
 - a) Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn danh sách tổ chức cung cấp báo giá (tối thiểu gồm ba (03) tổ chức);
 - b) Danh sách tổ chức cung cấp báo giá do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ thông qua.
2. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a) Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
 - b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá ;
 - c) Không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ

Điều 59. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức;
2. Lãi trái phiếu;
3. Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi;
4. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
5. Các khoản thu nhập khác.

Điều 60. Phân phối lợi nhuận của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc Chứng chỉ quỹ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ và đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.
2. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - a) Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

- c) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
 - d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
3. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch.
 4. Chỉ những Nhà Đầu tư được ghi trong danh sách Nhà Đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
 5. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc Đơn vị Quỹ);
 - b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c) Giá trị lợi nhuận được phân chia; số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
 - d) Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e) Các ảnh hưởng tác động đến Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.

Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Trong mọi trường hợp, tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.
2. Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ:
 Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,35%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.
 Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý quỹ} = 1,35\% * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$
3. Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại Ngày định giá.
 Giá dịch vụ giám sát là 0,02%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi/ tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
 Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 15 triệu đồng mỗi/ tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ lưu ký/giám sát} = \text{Mức giá áp dụng} * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} \\ * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$

Mức Giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng giám sát phải trả cho bên thứ ba như Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh...

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch như sau:

+ Cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch, Chứng chỉ quỹ niêm yết: 0,015% * Giá trị khớp lệnh trong ngày (Tối thiểu: 100.000 đồng/ngày giao dịch, Tối đa: 8.000.000 đồng/ngày giao dịch)

+ Trái phiếu niêm yết đăng ký giao dịch: 0,01% * Giá trị khớp lệnh trong ngày (Tối thiểu: 100.000 đồng/ngày giao dịch)

+ Chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch và Tài sản khác: 100.000 đồng/giao dịch.

4. Giá dịch vụ quản trị quỹ (nếu có) được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = \text{Mức giá áp dụng} * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} * \\ \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

Thông tin về tổ chức nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ và biểu phí chi tiết được nêu tại bản cáo bạch của Quỹ được Công ty Quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử theo từng thời kỳ.

5. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng (chưa bao gồm VAT) là:

a) Mức 1: 12.000.000 VNĐ/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần

b) Mức 2: 10.000.000 VNĐ/tháng áp dụng cho khi Quỹ có tần suất giao dịch ≤ 02 phiên/tuần

(Trường hợp quỹ thay đổi tần suất giao dịch, mức giá dịch vụ mới sẽ được áp dụng từ tháng liền sau tháng thay đổi)

Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, giá dịch vụ kết nối, giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, giá dịch vụ thực hiện quyền được miễn. Mức giá dịch vụ trên

chưa bao gồm các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

6. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
7. Chi phí trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.
8. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.
9. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.
10. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
11. Phí nộp cho cơ quan quản lý để xin cấp giấy phép cho quỹ.
12. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.
13. Thuế đánh trên các phí và các loại lệ phí khác.
14. Quỹ sẽ thanh toán các khoản Giá dịch vụ quản lý quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ; Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng Giám sát; Giá dịch vụ quản trị quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế và phí (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại giá dịch vụ nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

CHƯƠNG XIII: TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 62. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 63. Chia, tách Quỹ

1. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc chia, tách quỹ bao gồm:
 - a) Phương án chia, tách quỹ;
 - b) Dự thảo Điều lệ các quỹ hình thành sau khi chia, tách.
2. Ngày chia, tách quỹ là ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định chia, tách quỹ. Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 64. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

- b) Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận mà không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ khác thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ;
 - c) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - d) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát khác thay thế trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng Giám sát;
 - e) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng trong liên tục sáu (06) tháng;
 - f) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
2. Việc thanh lý, giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận và thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 65. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ phải:

1. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
2. Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
4. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 66. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu quỹ gồm Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.
3. Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc bảo đảm nhà đầu tư truy xuất được thông tin.

Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo UBCKNN.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 68. Đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ này gồm 15 Chương, 69 Điều và 04 Phụ lục, đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho quỹ AEIF.
2. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt Nam có giá trị pháp lý như nhau:
 - a) 01 (một) bản để báo cáo với UBCKNN;
 - b) 03 (ba) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và
 - c) 01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

Điều 69. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật. Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER
TỔNG GIÁM ĐỐC

TĂNG MINH VƯƠNG

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 39/GP-UBCK do UBCKNN 8 tháng 10 năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời kỳ).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102970695 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/10/2008; thay đổi lần thứ 3 ngày 27/9/2025.

Cam kết thực hiện các điều sau đối với Quỹ:

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản tiền dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có Liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc những Người có Liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER
TỔNG GIÁM ĐỐC

TĂNG MINH VƯƠNG

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Ngân hàng Giám sát cam kết:

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ. Ngân hàng Giám sát cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Amber

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 39/GP-UBCK do UBCKNN cấp 8 tháng 10 năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời kỳ).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102970695 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/10/2008; thay đổi lần thứ 3 ngày 27/9/2025.

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ AMBER**

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

I. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Ngày định giá theo quy định pháp luật.

Ngay sau khi Ngân hàng Giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ

2.1. Giá trị Tài sản Ròng (NAV): được xác định bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi Tổng nợ phải trả có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, giá dịch vụ định giá, ...) tại ngày trước Ngày định giá.

Tại Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền sẽ tiến hành việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ theo các nguyên tắc sau đây:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Trái phiếu	
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá hoặc có giao dịch có sự biến động lớn (*), phương pháp xác định giá là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. Trường hợp Trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện để niêm yết thì giá Trái phiếu được tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế. Ghi chú (*) Giao dịch có sự biến động lớn được hiểu như sau: - Đối với Trái phiếu chính phủ: Giá thị trường có lãi suất chiết khấu vượt quá giới hạn chênh lệch so với lãi suất tiêu chuẩn kỳ hạn tương ứng là 0,5% trở lên (Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính, nếu không có sẵn thì là Lãi suất được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở lãi suất trung thầu gần nhất của kỳ hạn cận dưới (ngắn hơn liền kề) và kỳ hạn cận trên (dài hơn liền kề)); - Đối với Trái phiếu doanh nghiệp: Giá thị trường (giá sạch) tăng/giảm từ 1% trở lên so với giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá gần nhất hoặc giá sạch khi mua về cộng lãi lũy kế nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.

7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc + Giá trị sổ sách.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều 15 ngày tính đến Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc + Giá trị sổ sách.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sổ giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sổ giao dịch

		chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;*
 - *Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.*
 - *Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.*
 - *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;*
 - *Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.*
- 2.2. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.
- 2.3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ
- 2.4. Giá trị Tài sản Ròng của một Đơn vị quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

- 2.5. Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

II. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Vào ngày định giá, Công ty quản lý quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ các theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Phần I Phụ lục này.
2. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị quỹ được chuyển cho Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
3. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
4. Muộn nhất tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ phải được công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

